BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

MĨ THUẬT 11

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

ĐINH GIA LÊ (Tổng Chủ biên)
PHẠM DUY ANH – TRỊNH SINH (đồng Chủ biên)
LÊ TRẦN HẬU ANH – ĐÀO THỊ THÚY ANH – VƯƠNG QUỐC CHÍNH – VŨ HỒNG CƯƠNG – LÊ THỊ HÀ
ĐỖ ĐÔNG HƯNG – NGUYỄN THÙY LINH – NGUYỄN THỊ MAY – CHU THỊ KIM NGÂN
NGUYỄN HỮU PHẦN – HOÀNG MINH PHÚC – LÊ NGUYỄN KIỀU TRANG – TRẦN NGỌC THANH TRANG
TRẦN TRỌNG TRI – ĐỖ ĐÌNH TUYẾN – TRẦN THANH VIỆT

MĨ THUẬT 11

SÁCH GIÁO VIÊN

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

DANH SÁCH TÁC GIẢ BIÊN SOẠN CÁC NỘI DUNG

TÁC GIẢ	**NỘI DUNG BIÊN SOẠN**
TS ĐÀO THỊ THUÝ ANH GS.TS TRỊNH SINH	LÍ LUẬN VÀ LỊCH SỬ MĨ THUẬT
TS LÊ TRẦN HẬU ANH ThS NGUYỄN THÙY LINH	HỘI HOẠ
PGS.TS ĐINH GIA LÊ ThS TRẦN TRỌNG TRI	ĐIÊU KHẮC
ThS NGUYỄN THỊ MAY PGS.TS HOÀNG MINH PHÚC	ĐỒ HOẠ (TRANH IN)
ThS LÊ THỊ HÀ ThS LÊ NGUYỄN KIỀU TRANG	THIẾT KẾ THỜI TRANG
ThS VƯƠNG QUỐC CHÍNH ThS CHU THỊ KIM NGÂN	THIẾT KẾ ĐỒ HOẠ
ThS PHẠM DUY ANH NSND NGUYỄN HỮU PHẦN	THIẾT KẾ MĨ THUẬT ĐA PHƯƠNG TIỆN
NSND NGUYỄN HỮU PHẦN ThS TRẦN THANH VIỆT	THIẾT KẾ MĨ THUẬT SÂN KHẤU, ĐIỆN ẢNH
ThS ĐỖ ĐÔNG HƯNG ThS ĐỖ ĐÌNH TUYẾN	THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP
PGS.TS VŨ HỒNG CƯƠNG ThS TRẦN NGỌC THANH TRANG	KIẾN TRÚC

QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

BGDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
ĐGTX	Đánh giá thường xuyên
GDTH	Giáo dục trung học
HS	học sinh
GV	giáo viên
SGK	sách giáo khoa
SGV	sách giáo viên
SPMT	sản phẩm mĩ thuật
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
TT	thông tư

LỜI NÓI ĐẦU

SGK *Mĩ thuật 11* nằm trong bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, gồm mười nội dung giáo dục. SGK *Mĩ thuật 11* được biên soạn theo định hướng nghề nghiệp, kiến thức trong sách không những đóng vai trò truyền tải kiến thức mà còn là "chất liệu" quan trọng giúp HS chuyển hoá thành phẩm chất, năng lực theo đúng mục tiêu đặt ra trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 – môn Mĩ thuật.

SGV *Mĩ thuật 11* giúp GV có công cụ hữu hiệu để triển khai hiệu quả SGK. Sách được biên soạn theo định hướng trong Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ban hành năm 2020 về tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục trong trường học. Cuốn sách gồm hai phần:

PHẦN MỘT: HƯỚNG DẪN CHUNG

Phần này gồm những vấn đề cơ bản như: mục tiêu môn học, quan điểm biên soạn, nội dung, phương pháp, đánh giá kết quả học tập.

PHẦN HAI: HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC NỘI DUNG GIÁO DỤC CỤ THỂ

Những nội dung hướng dẫn bám sát cấu trúc SGK *Mĩ thuật 11*, theo mười nội dung giáo dục, theo đúng yêu cầu về xây dựng kế hoạch bài dạy trong nhà trường, phù hợp với đối tượng HS cũng như khả năng tổ chức hoạt động dạy học trong nhà trường, hướng đến giúp HS hiểu và tự mình thực hiện được SPMT sau mỗi nội dung giáo dục.

Với những định hướng và hướng dẫn cụ thể, nội dung của cuốn sách này thuận tiện cho GV trong việc tổ chức, kiểm soát quá trình dạy học đối với từng HS, cũng như góp phần hoàn thành mục tiêu, yêu cầu cần đạt đối với HS lớp 11 trong môn Mĩ thuật.

Các tác giả

MỤC LỤC

		TRANG
PHẦN MỘT. HƯỚNG DẪN CHUNG		
I	Mục tiêu môn học	5
II	Giới thiệu sách giáo khoa *Mĩ thuật 11*	5
III	Phương pháp dạy học sách giáo khoa *Mĩ thuật 11*	10
IV	Đánh giá kết quả học tập	11
PHẦN HAI. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC NỘI DUNG GIÁO DỤC CỤ THỂ		
Nội dung	Lí luận và Lịch sử mĩ thuật	14
	Hội hoạ	28
	Đồ hoạ (tranh in)	37
	Điêu khắc	46
	Thiết kế công nghiệp	58
	Thiết kế đồ hoạ	69
	Thiết kế thời trang	80
	Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh	93
	Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện	103
	Kiến trúc	112

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

PHẦN
MỘT HƯỚNG DẪN CHUNG

I MỤC TIÊU MÔN HỌC

Mĩ thuật là môn học được lựa chọn theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của HS. Nội dung giáo dục mĩ thuật ở cấp THPT được mở rộng, phát triển kiến thức, kĩ năng mĩ thuật đã hình thành ở giai đoạn giáo dục cơ bản, tiếp cận các nhóm ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác và có tính ứng dụng trong thực tiễn; tạo cơ sở cho HS được tìm hiểu và có định hướng nghề nghiệp phù hợp với bản thân dựa trên nhu cầu thực tế, thích ứng với xã hội. Ở lớp 11, HS được lựa chọn bốn nội dung trong mười nội dung, với tổng thời lượng là 70 tiết/ năm, bao gồm: Lí luận và Lịch sử mĩ thuật; Hội hoạ; Đồ hoạ (tranh in); Điêu khắc; Thiết kế công nghiệp; Thiết kế thời trang; Thiết kế đồ hoạ; Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh; Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện; Kiến trúc. Trong đó, nội dung Lí luận và Lịch sử mĩ thuật vừa được thực hiện độc lập vừa bảo đảm lồng ghép trong thực hành, thảo luận mĩ thuật.

II GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA MĨ THUẬT 11

1. Quan điểm biên soạn

– Bộ SGK này được biên soạn đáp ứng các yêu cầu chung đối với SGK mới:

+ Tuân thủ định hướng đổi mới giáo dục phổ thông với trọng tâm là chuyển nền giáo dục từ chú trọng truyền thụ kiến thức sang giúp HS hình thành, phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực.

+ Bám sát các tiêu chí SGK mới theo Thông tư số 33/2017 và 05/2022 của BGDĐT ban hành về quy trình biên soạn, chỉnh sửa SGK.

– Tư tưởng chủ đạo, xuyên suốt trong SGK các môn học và hoạt động giáo dục của bộ sách này thể hiện qua thông điệp *"Kết nối tri thức với cuộc sống"*. Với thông điệp này, các tác giả thể hiện quan điểm đổi mới SGK theo mô hình phát triển phẩm chất và năng lực của người học, nhưng không xem nhẹ vai trò của kiến thức. Theo cách tiếp cận đó, kiến thức được đưa vào sách bảo đảm: (1) phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí và trải nghiệm của người học; (2) phản ánh những vấn đề của cuộc sống, trong đó chú ý cập nhật những thành tựu của khoa học và công nghệ, phù hợp nền tảng văn hoá và thực tiễn Việt Nam; (3) giúp người học vận dụng để giải quyết những vấn đề của cuộc sống từ các cấp độ và phương diện khác nhau: cá nhân và xã hội, tinh thần (đạo đức, giá trị nhân văn) và vật chất (kĩ năng, nghề nghiệp). Các yêu cầu này vừa liên quan đến việc lựa chọn, sắp xếp các kiến thức nói riêng và nội dung giáo dục nói chung, vừa liên quan đến phương pháp tổ chức hoạt động trên cơ sở nội dung

giáo dục đã được lựa chọn. Theo đó, các nội dung giáo dục được sắp xếp theo hướng tăng cường sự kết nối giữa các lớp, các cấp học trong một môn học và hoạt động giáo dục, cũng như sự tích hợp giữa các môn học, hoạt động giáo dục trong cùng một lớp, một cấp học. Các nội dung giáo dục phân hoá cho những đối tượng HS khác nhau cũng được chú trọng.

Nội dung biên soạn hỗ trợ GV đổi mới hiệu quả phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục là một ưu tiên hàng đầu của bộ sách. Các bài học trong mỗi cuốn sách của tất cả các môn học và hoạt động giáo dục đều được thiết kế gồm hệ thống các hoạt động. Thông qua các hoạt động đa dạng, có tác dụng kích thích tính tích cực và chủ động của người học, giúp HS hình thành, phát triển các phẩm chất và năng lực phù hợp với đặc điểm, ưu thế của từng môn học và hoạt động giáo dục. Ngoài ra, sách cũng có những gợi ý cụ thể cho việc đánh giá kết quả học tập của HS phù hợp với định hướng đổi mới đánh giá của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2. Cấu trúc

– Cấu trúc của mười cuốn SGK *Mĩ thuật 11* thống nhất gồm các phần sau:

+ Hướng dẫn sử dụng sách;

+ Lời nói đầu;

+ Mục lục;

+ Các bài học;

+ Một số thuật ngữ dùng trong sách;

+ Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài.

– Cấu trúc bài học:

Cấu trúc mỗi bài được xây dựng theo khoản 2, điều 7 của Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT, gồm bốn hoạt động (mục) chính: Khám phá – Nhận biết – Thảo luận – Vận dụng. Logic khoa học của bốn mục này được diễn giải như sau:

+ Khám phá: Giúp HS tri nhận đối tượng thẩm mĩ theo hướng dẫn của GV. Phần này giúp HS làm quen và tiếp cận ban đầu với bài học.

+ Nhận biết: Giúp HS thể hiện đối tượng theo sự hiểu biết của cá nhân. Phần này giúp HS hình thành kiến thức, kĩ năng mới gắn với bài học.

+ Thảo luận: Giúp HS luyện tập, củng cố lại nội dung, mục tiêu cần đạt được của bài học.

+ Vận dụng: Giúp HS sử dụng những kiến thức, kĩ năng trong bài học để giải quyết những vấn đề của cuộc sống liên quan đến môn học.

Tính hệ thống trong cấu trúc mỗi bài học giúp GV kiểm soát hiệu quả quá trình dạy học, biết được HS vướng mắc ở đâu để có thể hỗ trợ kịp thời. Cụ thể là: Đối với GV, trong quá trình tổ chức dạy học sẽ nhận thấy: Nếu HS không thể hiện được đối tượng thẩm mĩ của bài học (sáng tạo thẩm mĩ) thì hoạt động ở mục 1 (quan sát, nhận thức thẩm mĩ) làm chưa tốt. Nếu HS thực hiện mục 3 (phân tích, đánh giá thẩm mĩ) không tốt thì hoạt động ở mục 1, 2 chưa được thực

hiện hiệu quả. Nếu HS thực hiện hoạt động ở mục 4 (Ứng dụng thẩm mĩ) khó khăn chứng tỏ hoạt động ở mục 1, 2, 3 chưa được hiểu đúng, đủ. Điều này giúp GV giúp đỡ, can thiệp kịp thời với từng đối tượng HS.

3. Nội dung

Theo quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, thời lượng thực hiện chương trình môn Mĩ thuật ở lớp 11 là 70 tiết, với mười nội dung lựa chọn. Trong mỗi nội dung, các bài được biên soạn với số tiết cụ thể là:

STT	Nội dung	Bài	Số tiết
1	Lí luận và Lịch sử mĩ thuật	Bài 1: Khái quát về lí luận mĩ thuật	4
		Bài 2: Tìm hiểu tác giả trong lĩnh vực mĩ thuật	6
		Bài 3: Phân tích tác phẩm mĩ thuật	6
		Kiểm tra, đánh giá	1.5
2	Hội hoạ	Bài 1: Kĩ thuật vẽ màu nước	6
		Bài 2: Tranh màu nước	10
		Kiểm tra, đánh giá	1.5
3	Điêu khắc	Bài 1: Khái quát về tượng tròn	6
		Bài 2: Thực hành làm tượng chân dung bằng chất liệu đất	10
		Kiểm tra, đánh giá	1.5
4	Đồ hoạ (tranh in)	Bài 1: Khái quát về tranh in nổi	4
		Bài 2: Thực hành tranh in nổi	12
		Kiểm tra, đánh giá	1.5
5	Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện	Bài 1: Khái quát về video clip	5
		Bài 2: Thiết kế video clip theo chủ đề	11
		Kiểm tra, đánh giá	1.5
6	Thiết kế đồ hoạ	Bài 1: Khái quát về thiết kế xuất bản phẩm	6
		Bài 2: Thiết kế bìa sách	10
		Kiểm tra, đánh giá	1.5

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

STT	Nội dung	Bài	Số tiết
7	Thiết kế thời trang	Bài 1: Khái quát về thiết kế phụ kiện thời trang	6
		Bài 2: Thiết kế mẫu phụ kiện thời trang bằng các chất liệu khác nhau	10
		Kiểm tra, đánh giá	1.5
8	Thiết kế công nghiệp	Bài 1: Khái quát về lĩnh vực thiết kế trang sức	5
		Bài 2: Thiết kế đồ trang sức thủ công bằng vật liệu sẵn có	11
		Kiểm tra, đánh giá	1.5
9	Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh	Bài 1: Thiết kế mĩ thuật điện ảnh	5
		Bài 2: Thiết kế mĩ thuật bối cảnh phim hoạt hình	11
		Kiểm tra, đánh giá	1.5
10	Kiến trúc	Bài 1: Khái quát về không gian nội thất	8
		Bài 2: Thiết kế nội thất	8
		Kiểm tra, đánh giá	1.5

Phần biên soạn ở mỗi nội dung cụ thể như sau:

– Nội dung ***Lí luận và Lịch sử mĩ thuật lớp 11*** gồm ba bài, cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan về lĩnh vực lí luận mĩ thuật, đáp ứng được mục tiêu đặt ra: biết được một số đặc điểm của lĩnh vực này (bài 1: Khái quát về lí luận mĩ thuật); tìm hiểu tác giả (bài 2: Tìm hiểu tác giả trong lĩnh vực mĩ thuật) và phân tích tác phẩm qua cách lập dàn ý bài viết, viết bài luận ngắn và thể hiện được khả năng vận dụng phương tiện công nghệ thông tin trong nội dung bài luận (bài 3: Phân tích tác phẩm mĩ thuật). Qua đó, HS biết chọn lọc và phân tích về mối liên hệ giữa một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của mĩ thuật Việt Nam và thế giới với đời sống xã hội.

– Nội dung ***Hội hoạ lớp 11*** gồm hai bài, giúp HS có hiểu biết về đặc điểm tranh chất liệu màu nước, qua đó hình thành những kiến thức, kĩ năng cơ bản để lựa chọn được thể loại tranh trong thực hành, sáng tạo (bài 1: Kĩ thuật vẽ màu nước). Những nội dung được biên soạn trong cuốn sách này giúp HS thực hiện được phác thảo, thể hiện được cảm xúc, vận dụng được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng tạo cũng như hoàn thiện tranh bằng chất liệu màu nước (bài 2: Tranh màu nước). Điều này giúp HS thể hiện ý tưởng của bản thân, phản ánh cuộc sống thông qua những bức tranh màu nước theo ngôn ngữ đặc trưng của chất liệu này.

– Nội dung ***Điêu khắc lớp 11*** gồm hai bài, cung cấp những kiến thức, kĩ năng giúp HS nhận biết được đặc điểm thể loại tượng tròn (bài 1: Khái quát về tượng tròn), liên hệ ý tưởng và thực hiện được phác thảo, hoàn thiện tượng chân dung bằng chất liệu đất hoặc tương đương (bài 2: Thực hành làm tượng chân dung bằng chất liệu đất). Qua đó, HS bước đầu biểu đạt được cảm xúc thông qua kĩ thuật thể hiện cũng như hiểu và thảo luận được về giá trị thẩm mĩ ở sản phẩm, tác phẩm tượng tròn.

– Nội dung ***Đồ hoạ (tranh in) lớp 11*** gồm hai bài, giúp HS nhận biết được đặc điểm tranh in nổi; biết lựa chọn chất liệu tạo hình, thể loại tranh in để thực hành, sáng tạo (bài 1: Khái quát về tranh in nổi). Phần thực hành, HS thực hiện được phác thảo, khắc ván in và in tranh (bài 2: Thực hành tranh in nổi). Qua sản phẩm mĩ thuật, HS bước đầu biểu đạt được cảm xúc thông qua kĩ thuật khắc, in tranh và đánh giá được quá trình thực hành, sáng tạo tranh in nổi.

– Nội dung ***Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện lớp 11*** gồm hai bài, giúp HS có hiểu biết, hình thành những kiến thức, kĩ năng cơ bản liên quan đến lĩnh vực video clip. Qua đó, HS nhận biết được đặc điểm, vai trò của video clip trong đời sống xã hội (bài 1: Khái quát về video clip); biết lựa chọn chủ đề, phác thảo được các phân cảnh cho một video clip trên giấy; lựa chọn và thực hiện được thao tác cơ bản với phương tiện sẵn có để làm video clip (bài 2: Thiết kế video clip theo chủ đề). Qua các bài học, cuốn sách giới thiệu về các công đoạn cơ bản tạo một video clip đơn giản về một chủ đề. Điều này giúp các em thể hiện được ý tưởng, phản ánh chân thực cuộc sống thông qua khuôn hình tinh tế, giúp có được những video clip có giá trị thẩm mĩ, tạo nên sức lan toả, hiệu ứng tích cực trong xã hội.

– Nội dung ***Thiết kế đồ hoạ lớp 11*** gồm hai bài, nhằm mục đích giới thiệu những kiến thức, kĩ năng cơ bản của thiết kế xuất bản phẩm; giúp cho HS hiểu và nhận biết được đặc điểm thể loại này (bài 1: Khái quát về thiết kế xuất bản phẩm) cũng như biết lựa chọn được nội dung và chủ đề thể hiện trong thiết kế bìa sách. Những nội dung trong sách có tính định hướng, gợi mở để HS bước đầu biểu đạt được ý tưởng nội dung ở bìa sách, thực hiện được phác thảo và hoàn thiện thiết kế bìa sách (bài 2: Thiết kế bìa sách).

– Nội dung ***Thiết kế thời trang lớp 11*** gồm hai bài, cung cấp những kiến thức cơ bản về thiết kế phụ kiện thời trang, hình thành những kĩ năng cơ bản liên quan đến thiết kế phụ kiện thời trang trên các chất liệu khác nhau. Nội dung này được biên soạn nhằm đáp ứng mục tiêu đặt ra, đó là: HS nhận biết được đặc điểm cơ bản của thiết kế phụ kiện thời trang (bài 1: Khái quát về thiết kế phụ kiện thời trang); các bước xây dựng ý tưởng, vẽ thiết kế, lựa chọn chất liệu cơ bản, thực hành hoàn thiện một sản phẩm phụ kiện thời trang đơn giản (bài 2: Thiết kế mẫu phụ kiện thời trang bằng các chất liệu khác nhau). Qua đó giúp HS có hiểu biết cơ bản và bồi dưỡng niềm yêu thích đối với lĩnh vực thiết kế thời trang nói chung và phụ kiện thời trang nói riêng, cũng như mang tính định hướng nghề nghiệp ở cấp THPT.

– Nội dung ***Thiết kế công nghiệp lớp 11*** gồm hai bài, giúp HS nhận biết được đặc điểm thiết kế đồ trang sức, biết được mối quan hệ của thiết kế đồ trang sức với đời sống, liên hệ ý tưởng thể hiện cũng như nhận định được mối quan hệ giữa tính thẩm mĩ và tính ứng dụng

của sản phẩm đồ trang sức (bài 1: Khái quát về lĩnh vực thiết kế trang sức). Qua đó, các em xác định ý tưởng để thực hiện phác thảo và hoàn thiện thiết kế đồ trang sức bằng vật liệu sẵn có (bài 2: Thiết kế đồ trang sức thủ công bằng vật liệu sẵn có). Qua các bài học, cuốn sách giới thiệu các bước cơ bản để thiết kế và thể hiện một sản phẩm trang sức, từ đó giúp các em có những sản phẩm trang sức đẹp, đồng thời biết cách kết hợp các sản phẩm trang sức với trang phục một cách hài hoà, đúng mục đích và hoàn cảnh sử dụng.

– Nội dung ***Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh lớp 11*** gồm hai bài, nhằm mục đích giới thiệu những kiến thức, kĩ năng cơ bản của thiết kế mĩ thuật điện ảnh và bối cảnh phim hoạt hình. Những nội dung trong cuốn sách giúp HS hiểu biết khái quát về sự ra đời cũng như vai trò và ứng dụng của thiết kế mĩ thuật điện ảnh và phim hoạt hình trong đời sống xã hội (bài 1: Thiết kế mĩ thuật điện ảnh). Ngoài ra, sách còn giới thiệu cách thức và phương pháp để thiết kế và dàn dựng được bối cảnh một trích đoạn phim hoạt hình, đồng thời biết ứng dụng sáng tạo trong học tập và đời sống (bài 2: Thiết kế mĩ thuật bối cảnh phim hoạt hình).

– Nội dung ***Kiến trúc lớp 11*** gồm hai bài, giúp HS có hiểu biết các thành phần ở bên trong công trình kiến trúc, được gọi là "Nội thất". Những nội dung biên soạn trong sách đề cập đặc điểm, xác định được mục đích thẩm mĩ và công năng của thiết kế nội thất trong cuộc sống; phân tích, đánh giá được vai trò của yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thiết kế nội thất (bài 1: Khái quát về không gian nội thất). Từ đó, HS có thể kết hợp sử dụng được một số kĩ năng tạo hình cơ bản và sử dụng vật liệu sẵn có để mô phỏng thiết kế nội thất bằng bản vẽ hoặc mô hình, cũng như thể hiện được mối liên hệ giữa không gian kiến trúc với thiết kế nội thất (bài 2: Thiết kế nội thất).

III PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC SÁCH GIÁO KHOA MĨ THUẬT 11

– ***Định hướng chung:***

Phương pháp giáo dục trong Chương trình GDPT 2018 môn Mĩ thuật phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của người học, trong đó nhấn mạnh những yêu cầu sau:

+ Tích hợp, lồng ghép nội dung lí thuyết trong thực hành, thảo luận hướng đến hình thành kĩ năng cho HS.

+ Chú trọng dạy học trải nghiệm; vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học mĩ thuật truyền thống và hiện đại, kĩ thuật dạy học nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm, kích thích trí tưởng tượng, tư duy hình ảnh thẩm mĩ của HS, tạo cơ hội để HS được vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực hành, thể nghiệm ý tưởng sáng tạo và đưa các sản phẩm sáng tạo vào đời sống.

+ Khai thác, sử dụng hợp lí thiết bị dạy học, mạng internet; tận dụng các vật liệu sẵn có ở địa phương.

– ***Một số phương pháp, kĩ thuật dạy học cụ thể:***

+ *Phương pháp dạy học:* SGK *Mĩ thuật 11* – Bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* có tính

kế thừa các phương pháp dạy học mĩ thuật trước đây. Theo đó, GV vận dụng một cách có hiệu quả các phương pháp dạy học hiện có theo quan điểm dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp mới cho phù hợp với nội dung, hướng tới mục tiêu đa dạng trong cách giải quyết vấn đề mà bài học nêu ra.

SGK *Mĩ thuật 11* được biên soạn theo bài nên đa dạng trong phương pháp dạy học:

- Dạy học tích hợp.
- Dạy theo bài học.
- Dạy học giải quyết vấn đề.
- Dạy học khám phá.
- Dạy học thực hành sáng tạo.
- Dạy học đa phương tiện,...

Tựu trung lại, có hai vấn đề trọng tâm về phương pháp:

Một là, GV bằng các kĩ năng dạy học nêu tình huống và giúp HS phát hiện vấn đề qua những sự vật, hiện tượng xung quanh mình.

Hai là, với những vấn đề phát hiện được, GV tạo điều kiện cho HS giải quyết vấn đề theo nhiều cách thông qua bài thực hành (không còn khuôn mẫu vào một cách nhất định) và mỗi cách giải quyết phản ánh nhận thức, kĩ năng của mỗi HS. Điều này tạo nên sự hứng khởi với môn Mĩ thuật khi mỗi HS hứng thú làm việc và có sản phẩm cho chính mình.

+ Kĩ thuật dạy học:

- Động não: Kĩ thuật phát huy khả năng quan sát, tìm hiểu bài, phù hợp phần thảo luận, trao đổi nhóm qua việc đặt câu hỏi.
- Khăn trải bàn: Kĩ thuật tổ chức hoạt động mang tính hợp tác, thúc đẩy sự tích cực, trách nhiệm, tương tác của các cá nhân, phù hợp trong tổ chức hoạt động thực hành nhóm.
- Phòng tranh: Nhóm HS viết ý tưởng lên giấy, lên bảng,... HS cùng trao đổi tìm phương án tối ưu.
- Công đoạn: Nhóm trưởng trao đổi cùng thực hiện một sản phẩm, sau đó, phân công các thành viên thực hiện và ghép sản phẩm cá nhân thành nhóm.
- Đặt câu hỏi: Lưu ý câu hỏi liên quan đến thực hiện mục tiêu bài, ngắn gọn; phù hợp năng lực, vốn kinh nghiệm của HS, tránh dùng câu hỏi đa nghĩa, gây khó với HS.

IV ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Ngày 20 tháng 7 năm 2021, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 22 về quy định đánh giá HS THCS và THPT. Đối với cấp THPT bắt đầu áp dụng từ năm học 2022 – 2023.

Mục đích của việc đánh giá: nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông;

cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để HS điều chỉnh hoạt động rèn luyện và học tập, cán bộ quản lí giáo dục và GV điều chỉnh hoạt động dạy học.

– Kết quả học tập môn Mĩ thuật được đánh giá bằng nhận xét:

+ GV dùng hình thức nói hoặc viết để nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS; nhận xét sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của HS trong quá trình rèn luyện và học tập; đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS.

+ HS dùng hình thức nói hoặc viết để tự nhận xét về việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của bản thân.

+ Phụ huynh HS, cơ quan, tổ chức, cá nhân có tham gia vào quá trình giáo dục HS cung cấp thông tin phản hồi về việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS.

+ Đánh giá bằng nhận xét kết quả rèn luyện và học tập của HS được sử dụng trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS phù hợp với đặc thù của môn học.

– Kết quả học tập của HS theo môn Mĩ thuật:

+ Trong một học kì (HK), kết quả học tập mỗi môn học của HS được đánh giá theo 01 (một) trong 02 (hai) mức: Đạt, Chưa đạt. Mức Đạt: Có đủ số lần kiểm tra, đánh giá theo quy định tại Thông tư này và tất cả các lần được đánh giá mức Đạt. Mức Chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

+ Cả năm học, kết quả học tập mỗi môn học của HS được đánh giá theo 01 (một) trong 02 (hai) mức: Đạt, Chưa đạt. Mức Đạt: Kết quả học tập HK II được đánh giá mức Đạt. Mức Chưa đạt: Kết quả học tập HK II được đánh giá mức Chưa đạt.

– Đánh giá thường xuyên:

Kiểm tra, ĐGTX: môn Mĩ thuật là môn có 70 tiết/năm học nên sẽ có 3 ĐGTX/HK; các nhóm chuyên môn (đối với trường có 2 – 3 GV) có thể họp để thống nhất từ đầu năm học là ghi xếp loại Đạt hay Chưa đạt vào cột điểm miệng, cột điểm thực hành. Đối với trường sử dụng sổ điểm điện tử, sau khi thống nhất về cách ghi điểm kiểm tra thường xuyên, GV cần báo lại cho quản trị sổ điểm điện tử của trường để nắm được và mở cột điểm đúng yêu cầu, tránh trường hợp GV vào nhầm cột điểm. ĐGTX được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua: hỏi – đáp, viết, thuyết trình giới thiệu sản phẩm, thực hành, sản phẩm học tập. Việc ĐGTX có thể là sản phẩm cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

Ở phần này, GV linh hoạt, có thể mỗi nội dung bài có sản phẩm của HS đều được đánh giá để tạo hứng thú cho HS và cũng để khích lệ HS hoàn thành SPMT của mình. GV có thể cho HS làm SPMT, dự án học tập theo hướng dẫn và tiêu chí đánh giá sản phẩm học tập của HS trước khi thực hiện.

Thời gian thực hiện: GV trong nhóm chuyên môn cần thống nhất với nhau về thời gian và thời lượng HS tham gia đánh giá ngay từ đầu năm học để có kế hoạch chi tiết, đầy đủ, trình Ban Giám hiệu. Sau khi được phê duyệt mới thực hiện.

Kết quả ĐGTX cũng linh hoạt theo kế hoạch đề ra của GV hay của nhóm chuyên môn, cần có sự phê duyệt của Ban Giám hiệu, thống nhất chung với kế hoạch vào điểm của toàn trường.

– Đánh giá định kì: Trong mỗi học kì, môn Mĩ thuật có 01 (một) điểm đánh giá giữa kì và 01 (một) điểm đánh giá cuối kì. Như vậy, cuối HK I và cuối năm sẽ có hai bài luận kiểm tra, đánh giá định kì (chung cho cả bốn nội dung) trong thời gian 45 phút.

Kiểm tra, đánh giá chung cho 4 học phần (6 tiết)

Bài luận (2 tiết):

Cuối HK I và cuối năm học, GV cho HS viết một bài luận giới thiệu trong thời gian 1 tiết, phân tích làm rõ những đặc trưng của học phần theo các nội dung sau:

– Đối tượng thẩm mĩ của học phần là gì?

– Phân tích một số tác phẩm/ sản phẩm tiêu biểu để làm rõ những đặc trưng của đối tượng thẩm mĩ trong học phần.

– Những công việc, nghề nghiệp liên quan là gì?

Bài thực hành (4 tiết):

Lựa chọn đối tượng thẩm mĩ phù hợp với năng lực của bản thân để thể hiện SPMT bằng vật liệu theo yêu cầu của một nội dung HS yêu thích nhất.

Nội dung	Yêu cầu thực hành	
	Thể loại	Sản phẩm
Lí luận và Lịch sử mĩ thuật	Tìm hiểu tác giả, tác phẩm	Khai thác tư liệu mĩ thuật
Hội hoạ	Tranh màu nước	Tranh chất liệu màu nước đơn giản
Đồ hoạ (tranh in)	Tranh in nổi	Tranh in nổi đơn giản
Điêu khắc	Tượng chân dung	Tượng chân dung đơn giản
Thiết kế công nghiệp	Thiết kế đồ trang sức	Thiết kế đồ chơi trang sức bằng vật liệu sẵn có
Thiết kế đồ hoạ	Thiết kế xuất bản phẩm	Thiết kế bìa sách
Thiết kế thời trang	Vẽ mẫu phụ kiện	Phác thảo và dựng mẫu phụ kiện đơn giản
Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh	Thiết kế mĩ thuật điện ảnh	Mô hình hoặc bản vẽ thiết kế mĩ thuật bối cảnh phim hoạt hình
Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện	Video clip	Thực hiện đoạn phim ngắn bằng thiết bị sẵn có hoặc kịch bản phân cảnh bằng bản vẽ
Kiến trúc	Thiết kế nội thất	Mô hình hoặc bản vẽ thiết kế nội thất

PHẦN HAI HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC NỘI DUNG GIÁO DỤC CỤ THỂ

NỘI DUNG LÍ LUẬN VÀ LỊCH SỬ MĨ THUẬT

BÀI 1: KHÁI QUÁT VỀ LÍ LUẬN MĨ THUẬT

(Thời gian thực hiện: 4 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Biết được một số đặc điểm về lí luận mĩ thuật.

– Hiểu được một số công việc của nhà nghiên cứu lí luận mĩ thuật.

2. Năng lực

– Xác định được đối tượng nghiên cứu và một số cách tiếp cận trong lĩnh vực lí luận mĩ thuật.

– Lập dàn ý bài viết giới thiệu một tác phẩm mĩ thuật.

– Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học trong tìm hiểu vẻ đẹp, giá trị của di sản mĩ thuật.

3. Phẩm chất

Yêu thích lĩnh vực lí luận mĩ thuật và có khả năng giới thiệu về nền mĩ thuật trong một giai đoạn cụ thể.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

– SGV.

– Một số tư liệu/ sản phẩm/ tác phẩm mĩ thuật.

– Máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

– SGK.

– Bài thuyết trình.

– Ảnh tư liệu về tác phẩm mĩ thuật đã sưu tầm.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khám phá

a) Mục tiêu

– HS biết được mối liên hệ giữa lí luận mĩ thuật và các thành phần liên quan.

– HS biết đến công việc của nhà nghiên cứu lí luận mĩ thuật.

b) Nội dung

– HS tìm hiểu và thuyết trình về mối quan hệ giữa lí luận mĩ thuật với các thành phần liên quan qua cấu trúc sơ đồ tư duy.

– Tìm hiểu đặc điểm của một số công việc liên quan đến lĩnh vực lí luận mĩ thuật.

c) Sản phẩm

Bài thuyết trình và hình minh hoạ theo cảm nhận về mối quan hệ giữa lí luận mĩ thuật với hệ thống tri thức về mĩ thuật, trải nghiệm nghệ thuật, cũng như các công việc liên quan của nhà nghiên cứu lí luận mĩ thuật.

d) Tổ chức thực hiện

– GV: Khởi động máy chiếu (hoặc giá treo giấy A0). Lựa chọn (phân công) thứ tự nhóm lên trình bày.

– HS: Nộp báo cáo phân công nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm.

– GV: Quan sát việc tham gia hoạt động học trên lớp của HS:

+ Chuẩn bị bài thuyết trình của mỗi nhóm.

+ Sự tham gia của mỗi thành viên trong nhóm.

+ Sự tham gia của HS trong lớp.

+ Sự tích cực đặt câu hỏi, trả lời trong phần thảo luận.

– HS:

+ Nhóm 1: Nêu mối quan hệ giữa lí luận mĩ thuật và hệ thống tri thức về mĩ thuật.

+ Nhóm 2: Phân tích mối liên hệ giữa lí luận mĩ thuật và trải nghiệm nghệ thuật.

+ Nhóm 3: Nêu hiểu biết của bản thân về công việc của các nhà lí luận mĩ thuật.

Lưu ý: Việc trình bày có phần tư liệu ảnh sưu tầm của nhóm để minh hoạ cho nội dung trình bày.

– Căn cứ vào phần trình bày của các nhóm, GV đưa ra kết luận về Lí luận mĩ thuật và công việc của các nhà lí luận mĩ thuật:

+ Lí luận mĩ thuật là hệ thống lí thuyết, quan điểm được khái quát từ kinh nghiệm thực tiễn, nhằm làm rõ những giá trị, tư tưởng thẩm mĩ của tác phẩm mĩ thuật.

+ Công việc của nhà lí luận mĩ thuật: tham gia các công việc cụ thể như: biên tập viên trong cơ quan báo chí về lĩnh vực văn hoá – nghệ thuật, giảng viên dạy lí luận mĩ thuật ở các cơ sở đào tạo về mĩ thuật, nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu hoặc là một nhà lí luận mĩ thuật độc lập, tham gia tuyển chọn, giới thiệu các tác phẩm nghệ thuật trưng bày trong bảo tàng, bộ sưu tập,...

– GV: Giới thiệu một số công việc của nhà lí luận mĩ thuật.

– GV: Giới thiệu điểm chung và điểm riêng của từng lĩnh vực cụ thể của nhà lí luận mĩ thuật. Ví dụ:

+ Giảng viên lí luận mĩ thuật dạy học các môn lí luận mĩ thuật ở các cơ sở đào tạo nghệ thuật.

+ Nghiên cứu viên có nhiệm vụ nghiên cứu, khảo cứu các di sản và tác phẩm nghệ thuật từ đó đi đến kết luận, thông cáo tác phẩm trên các tư liệu in ấn,...

+ Biên tập viên có nhiệm vụ chỉnh sửa, rà soát, đính chính những nội dung bài viết về mĩ thuật ở các cơ quan thông tấn báo chí, nhà xuất bản,...

+ Giám tuyển nghệ thuật có nhiệm vụ giám định, tuyển chọn các tác phẩm nghệ thuật có giá trị tại các bảo tàng, phòng triển lãm mĩ thuật.

2. Hoạt động 2: Nhận biết

a) Mục tiêu

– Hiểu biết về đối tượng nghiên cứu trong lĩnh vực lí luận mĩ thuật.

– Biết đến một số cách tiếp cận và lập được dàn ý bài viết trong giới thiệu tác phẩm mĩ thuật.

b) Nội dung

– Những kiến thức cơ bản về đối tượng nghiên cứu trong lĩnh vực lí luận mĩ thuật.

– Cách tiếp cận trong tìm hiểu tác giả, tác phẩm,...

– Cách thiết lập dàn ý bài viết giới thiệu tác phẩm mĩ thuật.

c) Sản phẩm

Bài luận ngắn giới thiệu về một tác phẩm mĩ thuật.

d) Tổ chức thực hiện

Đối tượng nghiên cứu của lí luận mĩ thuật

– GV cho HS trao đổi về những đối tượng của lí luận mĩ thuật, SGK *Mĩ thuật 11 – Lí luận và Lịch sử mĩ thuật*, trang 7. Ở mỗi thành tố, GV cho HS trình bày những hiểu biết liên quan được hình thành từ những lớp trước. Qua đó, HS thảo luận theo câu hỏi trong SGK Mĩ thuật 11 – *Lí luận và Lịch sử mĩ thuật*, trang 7.

– Sẽ có nhiều phương án trả lời về câu hỏi "Đối tượng nghiên cứu nào của lí luận mĩ thuật là quan trọng nhất?" nên GV sẽ quan tâm đến phần giải thích để nắm được HS hiểu vấn đề đến đâu, cách trình bày có logic hay không.

Cách tiếp cận trong tìm hiểu tác phẩm mĩ thuật

– GV cho HS tìm hiểu về một số cách tiếp cận khi giải thích, xác định đặc điểm hay phân tích làm rõ những giá trị tác phẩm mĩ thuật trong SGK *Mĩ thuật 11 – Lí luận và Lịch sử mĩ thuật*, trang 7.

– Trong mỗi cách tiếp cận, GV gợi ý để HS nêu lên được những mặt tích cực, hạn chế cũng như khả năng phù hợp với bản thân. Điều này sẽ giúp HS có định hướng để thực hiện nhiệm vụ ở câu lệnh trong SGK *Mĩ thuật 11 – Lí luận và Lịch sử mĩ thuật*, trang 7.

– Ở phần này, GV cho HS tìm hiểu bài viết giới thiệu về tác phẩm mĩ thuật *Kết nạp Đảng ở Điện Biên Phủ*, SGK *Mĩ thuật 11 – Lí luận và Lịch sử mĩ thuật*, trang 8 như một minh chứng cho một cách tiếp cận khi tìm hiểu về tác phẩm mĩ thuật.

Lập dàn ý bài viết giới thiệu một tác phẩm mĩ thuật

– Sẽ có nhiều cách xây dựng dàn ý bài viết giới thiệu tác phẩm mĩ thuật. Trong phần này, căn cứ nội dung gợi ý trong SGK *Mĩ thuật 11 – Lí luận và Lịch sử mĩ thuật*, trang 9, GV cho HS thảo luận và tìm dữ liệu thực hiện lựa chọn tác phẩm và viết bài giới thiệu.

– Căn cứ để nhận xét, đánh giá bài viết sẽ theo những tiêu chí xác lập trong nội dung của mục này (xác định đối tượng – lựa chọn cách tiếp cận – xây dựng dàn ý bài viết).

– Nội dung của bài viết sẽ là căn cứ để thảo luận ở phần tiếp theo nhằm củng cố kiến thức trong phần này.

Viết bài luận giới thiệu về tác phẩm mĩ thuật

– GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện:

+ Lựa chọn tác phẩm mĩ thuật.

+ Lựa chọn cách tiếp cận.

+ Xây dựng dàn ý bài viết.

+ Tìm tư liệu (bài viết, dữ liệu) liên quan.

– HS thực hiện bài viết trên cơ sở sự chuẩn bị và lựa chọn của mình.

3. Hoạt động 3: Thảo luận

a) Mục tiêu

Trên cơ sở bài viết giới thiệu về tác phẩm mĩ thuật đã thực hiện, HS củng cố kiến thức về nội dung lí luận mĩ thuật thông qua hệ thống câu hỏi trong SGK *Mĩ thuật 11 – Lí luận và Lịch sử mĩ thuật*, trang 9.

b) Nội dung

GV tổ chức cho HS thực hiện trao đổi theo các câu hỏi định hướng trong SGK *Mĩ thuật 11 – Lí luận và Lịch sử mĩ thuật*, trang 9.

c) Sản phẩm

Nhận thức của HS về lí luận mĩ thuật.

d) Tổ chức thực hiện

– Căn cứ vào các câu hỏi định hướng trong SGK *Mĩ thuật 11 – Lí luận và Lịch sử mĩ thuật*, trang 9, GV phân nhóm HS thảo luận.

– GV quan sát, đặt câu hỏi liên quan để làm rõ những nội dung chính của bài học.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

HS sử dụng kiến thức đã học về lí luận mĩ thuật để viết bài giới thiệu về nền mĩ thuật hiện đại Việt Nam trong một giai đoạn cụ thể.

b) Nội dung

Củng cố kiến thức, kĩ năng liên quan đến lĩnh vực lí luận mĩ thuật và ứng dụng trong sản phẩm bài viết cụ thể.

c) Sản phẩm

Bài viết giới thiệu về nền mĩ thuật hiện đại Việt Nam trong một giai đoạn cụ thể.

d) Tổ chức thực hiện

(1) Hoạt động ở lớp:

– GV cho HS lựa chọn một giai đoạn cụ thể của nền mĩ thuật hiện đại Việt Nam và nêu cảm nhận ban đầu.

– GV không đánh giá đúng/ sai với phần trình bày liên quan đến thường thức mĩ thuật của HS.

(2) Hoạt động ở nhà:

– GV hướng dẫn HS lựa chọn tìm hiểu qua các kênh thông tin như: sách, báo, tạp chí, hình ảnh về dấu ấn, thành tựu mĩ thuật hiện đại Việt Nam qua các thời kì để có sự hệ thống, dữ liệu cần thiết khi viết bài.

– Trong phần thực hành này, GV lưu ý HS:

+ Sử dụng kiến thức đã có để thực hiện viết một bài luận giới thiệu về nền mĩ thuật hiện đại Việt Nam hiện nay.

+ Trong quá trình thực hành, HS ghi lại những khó khăn hoặc đề xuất, trao đổi với các nhóm, các cá nhân và với GV.

+ Việc thực hành này không đánh giá về năng lực mà có mục đích HS bộc lộ những vấn đề trong thực tế quá trình tìm hiểu, học tập nhằm làm rõ vai trò của nhà lí luận mĩ thuật trong sự nhìn nhận đánh giá giá trị tác phẩm.

Các thầy, cô thân mến!

Mục đích chính ở bài này giúp HS làm quen công việc của nhà lí luận mĩ thuật.

Phần thực hành, sáng tạo SPMT, vẽ sơ đồ tư duy hoặc bài luận ngắn gọn về chủ đề theo sự hiểu biết ban đầu của HS. Vì vậy, sản phẩm có thể sẽ chưa đạt yêu cầu tuyệt đối nhưng điều này thật sự cần thiết để giúp HS hiểu và có thêm kinh nghiệm xử lí sau khi lĩnh hội kiến thức, kĩ năng ở các bài học sau.

BÀI 2: TÌM HIỂU TÁC GIẢ TRONG LĨNH VỰC MĨ THUẬT

(Thời gian thực hiện: 6 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Biết được các bước cơ bản khi tìm hiểu về tác giả trong lĩnh vực mĩ thuật.

2. Năng lực

– Lập được dàn ý và viết được bài luận ngắn giới thiệu về tác giả trong lĩnh vực mĩ thuật, trong đó phân tích được mối liên hệ giữa tác giả và đời sống xã hội.

– Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học trong việc tìm hiểu về tác giả.

3. Phẩm chất

Yêu thích và tự hào về những đóng góp của đội ngũ nghệ sĩ sáng tạo trong lĩnh vực mĩ thuật đối với nền mĩ thuật Việt Nam.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

– SGV.

– Một số tư liệu liên quan đến tác giả ở một số lĩnh vực mĩ thuật.

– Máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

– SGK.

– Bài thuyết trình.

– Ảnh tư liệu về tác giả mĩ thuật thế giới và Việt Nam đã sưu tầm.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khám phá

a) Mục tiêu

– Có kiến thức khái quát về những lĩnh vực của nghệ thuật thị giác như: Hội hoạ, Đồ hoạ (tranh in), Điêu khắc và thiết kế trong nhiều lĩnh vực (thời trang, đồ hoạ in ấn, công nghiệp, công trình kiến trúc và nội thất,…) ở phương diện tác giả, những người sáng tạo ra những sản phẩm/ tác phẩm mĩ thuật liên quan.

– Biết được quá trình tạo ra các tác phẩm mĩ thuật là quá trình hoạt động sáng tạo của cá nhân hoặc nhóm người lao động nghệ thuật.

b) Nội dung

GV tổ chức cho các nhóm HS tìm hiểu bước đầu và thuyết trình một số nội dung liên quan đến lĩnh vực mĩ thuật và quá trình sáng tạo trong lĩnh vực này.

c) Sản phẩm

Bài thuyết trình và tư liệu hình ảnh sưu tầm về tác giả trong lĩnh vực mĩ thuật.

d) Tổ chức thực hiện

– GV: Khởi động máy chiếu (hoặc giá treo giấy A0). Lựa chọn (phân công) thứ tự nhóm lên trình bày về những tìm hiểu ban đầu về tác giả trong lĩnh vực mĩ thuật. GV định hướng tác giả trong lĩnh vực mĩ thuật không chỉ trong lĩnh vực mĩ thuật tạo hình mà còn trong nhiều lĩnh vực khác của mĩ thuật ứng dụng như: Kiến trúc, Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ hoạ, Thiết kế công nghiệp, Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện,...

– HS: Nộp báo cáo phân công nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm.

– GV: Quan sát việc tham gia hoạt động học trên lớp của HS:

+ Chuẩn bị bài thuyết trình của mỗi nhóm.

+ Sự tham gia của mỗi thành viên trong nhóm.

+ Sự tham gia của HS trong lớp.

+ Sự tích cực đặt câu hỏi, trả lời trong phần thảo luận.

– Việc tìm hiểu về tác giả trong lĩnh vực mĩ thuật gắn liền với tên tuổi của các hoạ sĩ, nhà điêu khắc, nhà thiết kế, nhiếp ảnh gia, kiến trúc sư, nhà tạo mẫu như: Phranh Loi Rai (Frank Lloyd Wright) (1867 – 1959), kiến trúc sư nổi tiếng; Võ An Ninh (1907 – 2009), nhiếp ảnh gia;…

2. Hoạt động 2: Nhận biết

a) Mục tiêu

– HS biết được đặc điểm của nghệ sĩ sáng tạo trong lĩnh vực mĩ thuật.

– HS nhận biết một số lưu ý trong lập dàn ý khi tìm hiểu tác giả.

– HS biết lập dàn ý viết bài luận về tác giả trong lĩnh vực mĩ thuật.

b) Nội dung

– GV tổ chức cho HS tìm hiểu những kiến thức, kĩ năng cơ bản trong tìm hiểu tác giả mĩ thuật.

– Sử dụng kiến thức về tìm hiểu tác giả, từ đó viết bài luận giới thiệu về một số tác giả mĩ thuật tiêu biểu của nền mĩ thuật hiện đại Việt Nam hoặc giới thiệu phong cách nghệ thuật của một tác giả nghệ sĩ thị giác tiêu biểu.

c) Sản phẩm

Bài luận giới thiệu về tác giả yêu thích trong lĩnh vực mĩ thuật ở Việt Nam hoặc trên thế giới.

d) Tổ chức thực hiện

Đặc điểm của nghệ sĩ sáng tạo trong lĩnh vực mĩ thuật

– Nhóm HS trình bày nội dung này cần xác định được đặc điểm trong quá trình lao động nghệ thuật thông qua cuộc đời, sự nghiệp, tác phẩm,... Việc trình bày có phần tư liệu ảnh sưu tầm của nhóm để minh hoạ cho nội dung trình bày.

– Căn cứ vào phần trình bày của nhóm, GV đưa ra định hướng khi tìm hiểu về nội dung này như:

+ Phong cách của nghệ sĩ sẽ quyết định đến nhận định chung về tác phẩm thông qua ngôn ngữ tạo hình và các nguyên lí tạo hình được thể hiện trong tác phẩm.

+ Quá trình tạo ra các tác phẩm mĩ thuật là quá trình hoạt động sáng tạo của cá nhân hoặc nhóm người lao động nghệ thuật. Khi một hoặc nhóm nghệ sĩ bằng sự lao động sáng tạo của mình trực tiếp tạo ra tác phẩm với hình thức sáng tạo mang tính độc lập tương đối thì cá nhân hoặc nhóm đó mới được coi là tác giả của tác phẩm mĩ thuật.

+ Sự ảnh hưởng của quá trình đào tạo, sáng tác, bối cảnh xã hội,... tác động nhiều đến phong cách và quá trình hoạt động của nghệ sĩ.

+ Sự sáng tạo trên cơ sở yếu tố và nguyên lí của nghệ thuật thị giác.

+ Sự sáng tạo cho phép các nghệ sĩ đưa ra những ý tưởng mới và đưa chúng vào hiện thực bằng tác phẩm.

+ Việc sáng tạo giúp các tác giả trong lĩnh vực mĩ thuật phát triển các giải pháp khác nhau, cũng như thử nghiệm những ý tưởng mới về kĩ thuật, chất liệu tạo hình,... và qua đó hình thành nên những tác phẩm có tính tiên phong.

+ Phẩm chất đặc trưng của nghệ sĩ là sự kiên định, sự đam mê, tự bảo vệ chính kiến,...

Những điều lưu ý trong lập dàn ý khi tìm hiểu tác giả

– GV thông qua phần giới thiệu tác giả trong SGK *Mĩ thuật 11 – Lí luận và Lịch sử mĩ thuật*, trang 14, 15 để lưu ý về cách lập dàn ý khi tìm hiểu tác giả.

– GV lưu ý HS về một số nội dung trong SGK *Mĩ thuật 11 – Lí luận và Lịch sử mĩ thuật*, trang 14 khi giới thiệu tác giả:

+ Tên, năm sinh, năm mất (nếu có), quốc tịch.

+ Lĩnh vực sáng tạo và những đóng góp tiêu biểu.

+ Những đóng góp và sự ghi nhận của cộng đồng.

Gợi ý viết bài luận tìm hiểu về tác giả trong lĩnh vực mĩ thuật

– Đây là phần định hướng ở phần thực hành viết bài luận nên GV cần cho HS phân tích kĩ và thảo luận nhằm hình thành tư duy trong tổ chức, phân tích và triển khai một bài viết giới thiệu về tác giả.

– GV cũng định hướng cho HS về nguồn tư liệu để thực hiện bài viết theo điều kiện thực tế tại địa phương, cũng như cơ sở giáo dục.

– GV cho HS thực hành theo câu lệnh trong SGK *Mĩ thuật 11 – Lí luận và Lịch sử mĩ thuật*, trang 18, sau khi cùng đọc và tìm hiểu bài viết giới thiệu về cố hoạ sĩ Tô Ngọc Vân.

– GV khen thưởng cho bài viết có phần tư liệu và hình minh hoạ sinh động, phong phú.

3. Hoạt động 3: Thảo luận

a) Mục tiêu

Củng cố kiến thức, kĩ năng về tìm hiểu tác giả trong lĩnh vực mĩ thuật.

b) Nội dung

GV hướng dẫn HS trao đổi, thảo luận theo hệ thống câu hỏi trong SGK *Mĩ thuật 11 – Lí luận và Lịch sử mĩ thuật*, trang 18.

c) Sản phẩm

Nhận thức có hệ thống của HS về tìm hiểu tác giả trong lĩnh vực mĩ thuật.

d) Tổ chức thực hiện

– Căn cứ theo bài luận đã viết, HS trao đổi theo các câu hỏi định hướng trong SGK *Mĩ thuật 11 – Lí luận và Lịch sử mĩ thuật*, trang 18.

– GV có thể hỏi thêm một số câu hỏi để khắc sâu và làm rõ thêm nội dung liên quan.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

Sử dụng kiến thức, kĩ năng đã có trong bài học viết bài tìm hiểu về một số tác giả mĩ thuật tiêu biểu của nền mĩ thuật hiện đại Việt Nam.

b) Nội dung

Viết bài giới thiệu tác giả mĩ thuật tiêu biểu của nền mĩ thuật hiện đại Việt Nam.

c) Sản phẩm

Bài viết giới thiệu tác giả mĩ thuật tiêu biểu của nền mĩ thuật hiện đại Việt Nam.

d) Tổ chức thực hiện

(1) Hoạt động ở lớp:

– GV cho HS tìm hiểu một số tác giả mĩ thuật được phong tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh trong lĩnh vực mĩ thuật, SGK *Mĩ thuật 11 – Lí luận và Lịch sử mĩ thuật,* trang 19.

– GV cho HS lựa chọn một tác giả mĩ thuật tiêu biểu của nền mĩ thuật hiện đại Việt Nam yêu thích.

(2) Hoạt động ở nhà:

– GV hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin, tư liệu tham khảo để có thể viết bài qua một số trang thông tin điện tử của Hội Mĩ thuật Việt Nam, Tạp chí Mĩ thuật, Wikipedia,...

– Trong phần thực hành viết bài luận này, GV lưu ý HS:

+ Sử dụng kĩ năng về tìm hiểu tác giả đã có để thực hiện.

+ Liên tục đối chiếu thông tin để đảm bảo tính xác thực của bài viết.

+ Trong quá trình thực hành, ghi lại những khó khăn hoặc điều chưa hiểu để trao đổi trong các nội dung tiếp theo.

+ Việc thực hành này không đánh giá về năng lực mà có mục đích giúp HS bộc lộ những vấn đề trong thực tế thực hành SPMT sẽ gặp phải, từ đó sẽ làm rõ trong các nội dung ở các bài học tiếp theo.

Các thầy, cô thân mến!

Mục đích chính ở bài học này giúp HS làm quen với các tác giả trong một số lĩnh vực nghệ thuật thị giác. Điều này giúp HS có được sự hiểu biết và mối quan tâm đúng mức đối với các tác giả, tác phẩm.

Phần thực hành, sáng tạo SPMT hoặc bài luận vắn tắt về chủ đề theo sự hiểu biết ban đầu của HS nên rõ ràng sản phẩm có thể sẽ chưa đạt yêu cầu nhưng điều này thật sự cần thiết để giúp HS hiểu và có thêm kinh nghiệm xử lí sau khi lĩnh hội kiến thức, kĩ năng ở các bài học sau.

BÀI 3: PHÂN TÍCH TÁC PHẨM MĨ THUẬT

(Thời gian thực hiện: 6 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Biết được các bước cơ bản trong phân tích tác phẩm mĩ thuật.

2. Năng lực

– Lập được dàn ý và viết được bài luận ngắn giới thiệu về vẻ đẹp, giá trị thẩm mĩ trong một số tác phẩm mĩ thuật, trong đó phân tích được mối liên hệ giữa tác phẩm mĩ thuật và đời sống xã hội.

– Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học trong phân tích tác phẩm mĩ thuật.

3. Phẩm chất

Tự hào về những giá trị của những tác phẩm trong lĩnh vực mĩ thuật đối với nền nghệ thuật Việt Nam.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

– SGV.

– Một số tư liệu/ sản phẩm/ tác phẩm mĩ thuật.

– Máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

– SGK.

– Bài thuyết trình.

– Ảnh tư liệu về tác phẩm mĩ thuật thế giới và Việt Nam đã sưu tầm.

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khám phá

a) Mục tiêu

– Nắm được khái niệm tác phẩm mĩ thuật là gì.

– Hiểu được mỗi tác phẩm mĩ thuật là sự thể hiện văn hoá, thời gian và địa điểm, chất liệu và truyền tải ý nghĩa, nội dung phức tạp mà thông qua lí luận mĩ thuật giúp chúng ta suy nghĩ thấu đáo và hiểu được.

b) Nội dung

GV tổ chức cho các nhóm HS tìm hiểu và thuyết trình một số nội dung liên quan đến phân tích tác phẩm mĩ thuật như: quan điểm; yếu tố, nguyên lí tạo hình; trải nghiệm thẩm mĩ; những thông điệp cảm xúc được thể hiện trong tác phẩm,...

c) Sản phẩm

Bài thuyết trình theo cảm nhận ban đầu về một tác phẩm mĩ thuật ở Việt Nam hoặc trên thế giới.

d) Tổ chức thực hiện

– GV: giao nhiệm vụ cho nhóm HS chuẩn bị và lên trình bày.

– Đây là phần có tính giới thiệu, dẫn nhập vào bài nên GV không đánh giá.

– Một số gợi ý trong triển khai nội dung bài thuyết trình:

+ Các thông tin liên quan tác giả, tác phẩm.

+ Diễn giải có tính tổng hợp về tác phẩm.

+ Nhận định, đánh giá giá trị tác phẩm.

2. Hoạt động 2: Nhận biết

a) Mục tiêu

Biết được hiệu quả của việc áp dụng các kiến thức lí luận mĩ thuật vào thực tiễn phân tích tác phẩm mĩ thuật.

b) Nội dung

GV tổ chức cho HS thực hành phân tích tác phẩm mĩ thuật yêu thích.

c) Sản phẩm

Bản thuyết trình phân tích tác phẩm mĩ thuật theo hình thức phù hợp (PowerPoint, sơ đồ tư duy, bài viết,...).

d) Tổ chức thực hiện

Những nội dung cơ bản trong phân tích tác phẩm mĩ thuật

– Ở phần này, thông qua bài phân tích tác phẩm trong SGK *Mĩ thuật 11 – Lí luận và Lịch sử mĩ thuật*, trang 24, GV khắc sâu nội dung ở phần lưu ý (trang 23).

– GV cho HS thực hành những bài tập nhỏ để hiểu hơn về những lưu ý khi phân tích tác phẩm mĩ thuật, bằng cách lựa chọn một tác phẩm mĩ thuật và làm rõ các nội dung liên quan (trang 23).

Gợi ý lập dàn bài để phân tích tác phẩm mĩ thuật

* *Mô tả về tác phẩm mĩ thuật*: Đây là cách căn bản nhất, có tính trực quan ban đầu khi phân tích về một tác phẩm mĩ thuật.

* *Tìm hiểu những thông tin liên quan đến tác giả, tác phẩm mĩ thuật*: Đây là nội dung có tính tổng hợp yêu cầu HS phát huy khả năng tự học và vốn kiến thức, kĩ năng liên quan. Phần này cung cấp những thông tin khác về tác phẩm, từ góc độ tác giả cũng như quá trình sáng tạo của nghệ sĩ.

* *Diễn giải có tính tổng hợp về tác phẩm mĩ thuật*: Phần này yêu cầu HS đưa ra những phân tích trên cơ sở dữ liệu thu thập được. Do đó, để chính xác thì việc sưu tầm thông tin từ nhiều nguồn khác nhau là cần thiết. Quá trình này cũng giúp những tri nhận ban đầu về tác phẩm được củng cố, minh chứng thêm qua dữ liệu liên quan.

* *Đánh giá theo cảm nhận sau khi phân tích tác phẩm*: Căn cứ theo dữ liệu thu thập được và một số câu hỏi định hướng SGK *Mĩ thuật 11 – Lí luận và Lịch sử mĩ thuật*, trang 28, HS đưa ra những nhận định để có thể hiểu hơn về một tác phẩm mĩ thuật. Phần này sẽ có tính chủ quan phụ thuộc vào tri thức, kinh nghiệm về mĩ thuật nên GV cần định hướng HS đưa ra các nhận định chừng mực, tránh phiến diện hay có tính cực đoan.

– Trên cơ sở biết, hiểu về những nội dung cơ bản và gợi ý dàn bài phân tích tác phẩm, GV cho HS lựa chọn một tác phẩm mĩ thuật yêu thích để thuyết trình theo hình thức phù hợp. Nội dung thuyết trình đã được HS làm quen ở nhiều môn học và hoạt động giáo dục nên GV cho HS lựa chọn để chủ động.

– HS hoặc nhóm HS lựa chọn hình thức thuyết trình và trình bày trước lớp. Các HS khác nghe và đặt câu hỏi (nếu có).

– GV quan sát và tổ chức để làm rõ về những nội dung mà HS hoặc nhóm HS trình bày.

3. Hoạt động 3: Thảo luận

a) Mục tiêu

Củng cố kiến thức, kĩ năng về tìm hiểu, phân tích tác phẩm mĩ thuật.

b) Nội dung

Trao đổi, thảo luận theo hệ thống câu hỏi định hướng trong SGK *Mĩ thuật 11 – Lí luận và Lịch sử mĩ thuật*, trang 29.

c) Sản phẩm

Nhận thức có hệ thống về phân tích tác phẩm mĩ thuật.

d) Tổ chức thực hiện

– GV cho HS thảo luận về cách phân tích tác phẩm mĩ thuật trên cơ sở phần thuyết trình của HS hoặc nhóm HS.

– GV có thể thêm câu hỏi để làm rõ về nội dung phân tích tác phẩm mĩ thuật mà HS hoặc nhóm HS đã trình bày.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

HS sử dụng kiến thức, kĩ năng về tìm hiểu tác phẩm mĩ thuật để xây dựng hệ thống tư liệu về những tác phẩm mĩ thuật nổi tiếng qua mỗi giai đoạn, hoặc theo trường phái nghệ thuật ở Việt Nam, thế giới.

b) Nội dung

Thực hành xây dựng hệ thống tư liệu về tác phẩm mĩ thuật.

c) Sản phẩm

Hệ thống tư liệu về tác phẩm mĩ thuật nổi tiếng.

d) Tổ chức thực hiện

(1) Hoạt động trên lớp:

– GV cho HS lựa chọn xây dựng hệ thống tư liệu về tác phẩm mĩ thuật nổi tiếng ở phương diện thể loại (mĩ thuật tạo hình, mĩ thuật ứng dụng) hay trường phái nghệ thuật,...

– GV xếp HS theo nhóm xây dựng theo cùng tiêu chí để có thể tương hỗ nhau trong quá trình thực hành.

(2) Hoạt động ở nhà:

– GV hướng dẫn HS xây dựng theo các hướng như theo đề tài, chất liệu tạo hình,... để có thể giới hạn phạm vi của hệ thống tư liệu, phù hợp với khả năng triển khai thực tế.

– Thiết lập thông tin, tư liệu qua các kênh sưu tầm khác nhau.

– Trong phần thực hành này, GV lưu ý HS về:

+ Tư liệu bài viết;

+ Tư liệu hình ảnh về tác phẩm mĩ thuật;

+ Sắp xếp theo diễn trình thời gian.

Các thầy, cô thân mến!

Mục đích chính ở bài học này giúp HS làm quen với việc phân tích tác phẩm mĩ thuật. Điều này giúp HS có được sự hiểu biết và mối quan tâm đúng mức đối với các tác giả, tác phẩm.

Phần thực hành thuyết trình theo hình thức PowerPoint, sơ đồ tư duy, bài viết thể hiện sự hiểu biết ban đầu của HS nên rõ ràng sản phẩm có thể sẽ chưa đạt yêu cầu nhưng điều này thật sự cần thiết để giúp HS hiểu và có thêm kinh nghiệm xử lí sau khi lĩnh hội kiến thức, kĩ năng ở các bài học tiếp theo.

BÀI 1: KĨ THUẬT VẼ MÀU NƯỚC

(Thời gian thực hiện: 6 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Biết được các đặc điểm của chất liệu màu nước, các kĩ thuật sử dụng chất liệu màu nước cơ bản.

2. Năng lực

– Thực hành được các kĩ thuật sử dụng chất liệu màu nước cơ bản.

– Sử dụng kết hợp nhiều kĩ thuật thể hiện được một bức tranh màu nước.

– Nhận xét, trao đổi và viết bài luận thể hiện hiểu biết về chất liệu màu nước.

3. Phẩm chất

– Có hiểu biết ban đầu về chất liệu màu nước, các kĩ thuật cơ bản từ đó hình thành sự yêu thích đối với tranh chất liệu này.

– Thưởng thức tranh màu nước một cách có ý thức.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

– SGV.

– Một số hình ảnh về chất liệu, các tác phẩm màu nước.

– Dụng cụ vẽ màu nước (giấy, bút vẽ, màu,…).

– Máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

– SGK.

– Dụng cụ vẽ màu nước (giấy, bút vẽ, màu,…).

– Bài thuyết trình, bài thực hành.

– Ảnh tư liệu tác phẩm.

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khám phá

a) Mục tiêu

HS nhận biết được chất liệu màu nước, các loại dụng cụ vẽ màu nước và kĩ thuật vẽ màu nước cơ bản.

b) Nội dung

GV tổ chức cho HS tìm hiểu về các nội dung liên quan chất liệu màu nước.

c) Sản phẩm

Bài thuyết trình.

d) Tổ chức thực hiện

– GV: Khởi động máy chiếu (hoặc giá treo giấy A0), cho HS xem một số hình ảnh hoặc video về chất liệu màu nước. Giới thiệu các đặc điểm và các thể loại màu nước hiện nay (dạng tuýp, dạng bánh, dạng hộp,…).

– HS: Phát biểu những hiểu biết của mình về đặc điểm của chất liệu màu nước.

– GV:

+ Giới thiệu một số tranh màu nước cho HS.

+ Cho HS tham khảo tranh một số chất liệu khác (chì than, màu bột, sơn dầu,…).

– HS: Phát biểu cảm nhận về sự khác biệt giữa tranh màu nước với tranh chất liệu khác.

+ HS 1: Tranh màu nước so với tranh chì – than.

+ HS 2: Tranh màu nước so với tranh màu bột.

+ HS 3: Tranh màu nước so với tranh sơn dầu.

– Việc trình bày dựa trên cảm nhận trực quan thông qua các bức tranh cụ thể. GV gợi ý HS nhận xét thông qua các yếu tố như:

+ Bố cục tranh.

+ Đối tượng diễn tả trong tranh.

+ Khả năng diễn tả của chất liệu.

– Khi phân tích GV lưu ý:

+ Phân tích trực tiếp trên tác phẩm để thấy được sự khác nhau giữa các chất liệu.

+ Phân tích sự khác nhau giữa các yếu tố trong tranh để làm rõ đặc trưng của từng tranh chất liệu.

+ Khi phân tích xong, GV yêu cầu HS tìm hình, trao đổi về cảm nhận của bản thân và giới thiệu lại những hiểu biết về chất liệu màu nước.

– Căn cứ vào phần trình bày của HS, GV đưa ra kết luận. Vì là phần giới thiệu nên GV không đánh giá đúng/ sai trong ý kiến trình bày của HS.

2. Hoạt động 2: Nhận biết

a) Mục tiêu

– HS nhận biết được các dụng cụ vẽ của chất liệu màu nước.

– HS nhận biết được các kĩ thuật cơ bản trong sử dụng chất liệu màu nước.

– HS có thể thưởng thức được một bức tranh màu nước.

b) Nội dung

– GV giới thiệu cho HS về các dụng cụ vẽ sử dụng trong chất liệu màu nước, hiệu ứng được tạo ra từ các dụng cụ.

– GV giới thiệu các kĩ thuật cơ bản sử dụng trong chất liệu màu nước và tổ chức cho HS thực hành.

c) Sản phẩm

Bài thực hành vẽ tranh chất liệu màu nước.

d) Tổ chức thực hiện

– GV giới thiệu cho HS các dụng cụ vẽ (cọ tròn, cọ dẹt, cọ quạt, cọ đi nét,…).

– GV hướng dẫn HS sử dụng cọ vẽ theo hướng dẫn trong SGK *Mĩ thuật 11 – Hội hoạ*, trang 9. Lưu ý khi sử dụng bút dùng lực nhẹ, đưa bút di chuyển theo hướng thân bút, hạn chế đưa ngược gây hại cho phần đầu bút.

– GV giới thiệu với HS về hiệu ứng tạo ra của các loại cọ cơ bản (cọ tròn, cọ dẹt). Ở mỗi loại cọ trong điều kiện chứa màu và cách dùng bút khác nhau sẽ cho hiệu ứng khác nhau. GV hướng dẫn và phân tích theo từng điều kiện để HS nắm rõ được cách thức sử dụng.

– GV cho HS nhận xét về hiệu ứng của các dụng cụ.

– GV giới thiệu và tổ chức cho HS thực hành các kĩ thuật cơ bản trong chất liệu màu nước:

+ *Kĩ thuật ướt trên ướt.*

+ *Kĩ thuật ướt trên khô (Kĩ thuật chuyển sắc độ một màu, Kĩ thuật kết hợp nhiều màu theo hướng xác định).*

+ *Một số kĩ thuật thể hiện khác trong SGK Mĩ thuật 11 – Hội hoạ*, trang 14 – 17.

– GV phân tích sự khác nhau giữa các kĩ thuật để làm rõ đặc trưng của từng kĩ thuật sử dụng trong sáng tác tranh.

– Khi phân tích một tác phẩm màu nước có thể theo hướng:

+ *Nội dung tranh.*

+ *Phân tích bố cục và hoà sắc của bức tranh.*

+ *Phân tích kĩ thuật tác giả sử dụng khi diễn tả các chi tiết, hiệu quả đem lại cho bức tranh.*

– Khi phân tích xong, GV yêu cầu HS trao đổi cảm nhận về "hiệu quả của việc kết hợp nhiều kĩ thuật đem lại trong vẽ tranh màu nước".

– Căn cứ vào những ý kiến của HS, GV cho HS sử dụng nhiều kĩ thuật thể hiện một bức tranh màu nước theo chủ đề yêu thích nhằm giúp HS biết, hiểu và thực hành được một số kĩ thuật thể hiện ở mức độ đơn giản.

3. Hoạt động 3: Thảo luận

a) Mục tiêu

– Củng cố kiến thức về đặc điểm của chất liệu màu nước và tranh màu nước.

– Nắm được các kĩ thuật cơ bản trong chất liệu màu nước.

b) Nội dung

GV hướng dẫn HS tìm hiểu về:

– Đặc điểm của chất liệu màu nước.

– Sự khác biệt trong kĩ thuật vẽ màu nước với các chất liệu khác (liên hệ với các chất liệu khác như chì than, sơn, màu bột,…).

– Cảm nhận về bảng màu và hiệu ứng trên bề mặt tranh màu nước.

c) Sản phẩm

Nhận thức của HS về thể loại tranh màu nước ở phương diện kĩ thuật thể hiện.

d) Tổ chức thực hiện

– Căn cứ SPMT thực hành của HS, GV cho HS thảo luận theo hệ thống câu hỏi định hướng trong SGK *Mĩ thuật 11 – Hội hoạ*, trang 17.

– GV cho HS thảo luận đặc điểm, kĩ thuật thể hiện chất liệu màu nước theo những nội dung gợi ý sau:

+ Chất liệu màu nước có những đặc điểm gì? (tan trong nước, trong suốt, khó nắm bắt,…)

+ Kĩ thuật vẽ màu nước có những điểm gì khác với các chất liệu màu khác mà em đã biết?

+ Khi xem tranh màu nước, bảng màu và hiệu ứng trên bề mặt tranh màu nước cho cảm nhận gì?

Lưu ý: phần thảo luận với mỗi vấn đề nên lấy ý kiến của 2 – 3 HS.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

– Giúp HS nắm vững kiến thức, kĩ năng về tranh chất liệu màu nước.

– Sử dụng chất liệu màu nước để diễn tả một bức tranh đơn giản.

b) Nội dung

Thể hiện một bức tranh đơn giản.

c) Sản phẩm

Bài thực hành.

d) Tổ chức thực hiện

(1) Hoạt động trên lớp:

– GV gợi ý và hướng dẫn HS chọn đối tượng (cây cối, hoa quả, bầu trời,…).

– GV gợi ý HS phương hướng thể hiện và cách giải quyết.

(2) Hoạt động tại nhà:

Hoàn thiện bài thực hành.

Các thầy, cô thân mến!

Mục đích chính ở bài này giúp HS làm quen với chất liệu màu nước qua tìm hiểu đặc điểm, hiệu ứng và các kĩ năng cơ bản của chất liệu. Điều này giúp HS có được sự hiểu biết và nhận thức đúng mức đối với chất liệu màu nước trong nghệ thuật hội hoạ. Qua đó, nội dung biên soạn trong sách đã định hướng giúp HS chủ động tìm kiếm những thông tin liên quan thông qua những lệnh/ yêu cầu cụ thể trong bài.

Phần thực hành ở bài này là làm theo sự hiểu biết ban đầu có tính thử nghiệm, tổng hợp, hệ thống trên cơ sở khai thác vốn tri thức liên quan của HS nên một số ý kiến, quan điểm còn chưa đạt yêu cầu nhưng điều này thật sự cần thiết để qua đó, HS hiểu và có thêm kinh nghiệm xử lí sau khi lĩnh hội kiến thức, kĩ năng ở các bài sau.

BÀI 2: TRANH MÀU NƯỚC

(Thời gian thực hiện: 10 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Biết, hiểu về đặc điểm tranh màu nước.

2. Năng lực

Thực hành được một bức tranh bằng chất liệu màu nước.

3. Phẩm chất

– Giới thiệu được vẻ đẹp của tranh màu nước.

– Biết thưởng thức, cảm nhận và yêu thích những bức tranh màu nước đúng cách.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

– SGV.

– Một số tranh/ ảnh về tác phẩm chất liệu màu nước (nếu có).

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

– Dụng cụ vẽ màu nước.
– Máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

– SGK.
– Giấy Canson vẽ màu nước.
– Bút chì 2B, tẩy.
– Màu vẽ nước.
– Dụng cụ vẽ màu nước (cốc đựng nước, pallet pha màu, khăn thấm, băng dính giấy,…).

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khám phá

a) Mục tiêu

HS nâng cao hiểu biết về tranh chất liệu màu nước ở phương diện sự xuất hiện và thể loại.

b) Nội dung

GV cho HS quan sát và đặt câu hỏi để làm rõ:

– Khái quát về sự xuất hiện của tranh màu nước trên thế giới và ở Việt Nam.
– Tranh màu nước được chia thành những thể loại nào?
– Đối tượng nào thường được quan tâm trong tranh màu nước?

c) Sản phẩm

Nhận biết và có hiểu biết về nội dung theo yêu cầu.

d) Tổ chức thực hiện

– GV nêu nội dung "Sự xuất hiện của tranh màu nước trên thế giới và ở Việt Nam" và yêu cầu HS lên trình bày hiểu biết của mình về tranh màu nước qua một số gợi ý trong SGK *Mĩ thuật 11 – Hội hoạ*, trang 19.

– GV nêu nội dung "Thể loại cơ bản của tranh màu nước" và yêu cầu HS lên trình bày hiểu biết của mình về tranh màu nước qua một số gợi ý trong SGK *Mĩ thuật 11 – Hội hoạ*, trang 20.

– GV có thể mở rộng liên kết với kiến thức bài 1, mục "Em có biết?", SGK *Mĩ thuật 11 – Hội hoạ*, trang 7 để đi sâu thêm về sự phát triển của tranh màu nước: từ "tranh minh hoạ" đến "tranh sáng tác".

– Trên cơ sở ý kiến HS trình bày, GV chốt ý theo nội dung và phân tích trên một tranh màu nước để thấy được đặc điểm của tranh màu nước:

+ *Nội dung.*
+ *Ngôn ngữ.*
+ *Bố cục.*

– GV dẫn dắt HS "Đặc điểm của tranh màu nước là gì?". "Tranh màu nước được chia làm các thể loại nào?", "Đối tượng thường được thể hiện trong tranh màu nước là gì?"

– Căn cứ ý kiến HS phát biểu, GV chốt một số ý trong SGK *Mĩ thuật 11 – Hội hoạ*, trong đó nhấn mạnh đến: Tranh màu nước là tranh được vẽ bằng chất liệu màu nước trên các bề mặt như giấy, lụa. Đối tượng trong tranh thường là phong cảnh, kiến trúc, con người,... Tranh màu nước mang đặc điểm nhẹ nhàng, trong trẻo do đặc tính của màu nước, tận dụng thế mạnh của ánh sáng, vì vậy đem lại cảm giác khác biệt so với các chất liệu khác.

2. Hoạt động 2: Nhận biết

a) Mục tiêu

– HS có kiến thức cơ bản về phối cảnh, không gian, dải màu trong chất liệu màu nước.

– HS có thể sáng tạo được một bức tranh màu nước đơn giản.

b) Nội dung

– Những yếu tố cơ bản và nguyên lí tạo hình thường được dùng trong việc sáng tác tranh màu nước.

– Các bước để thể hiện một bức tranh màu nước.

c) Sản phẩm

Tranh vẽ bằng chất liệu màu nước của HS.

d) Tổ chức thực hiện

Dụng cụ, màu sắc trong thực hành vẽ tranh màu nước

* *Dụng cụ:* Cùng với các loại bút lông đã giới thiệu ở bài 1, GV giới thiệu cho HS những dụng cụ cơ bản, cũng như dụng cụ hỗ trợ khác khi vẽ màu nước theo nội dung biên soạn trong SGK *Mĩ thuật 11 – Hội hoạ*, trang 21.

* *Màu sắc:*

– GV giới thiệu cho HS về độ chuyển sắc độ trong chất liệu màu nước:

+ *GV giới thiệu và tổ chức cho HS thực hành làm thang sắc độ với màu sắc bất kì (theo gợi ý của SGK Mĩ thuật 11– Hội hoạ, trang 21).*

+ *GV giới thiệu tới HS cường độ màu và tổ chức cho HS thực hành ra giấy.*

– GV khuyến khích HS làm các mảng nhỏ, pha màu vừa phải, khi pha chú ý lượng nước đưa vào để rút ra được quy luật.

– GV cho HS xem một số tranh màu nước và tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm về các vấn đề:

+ *Đặc điểm màu sắc của chất liệu màu nước là gì?*

+ *Sắc độ sáng – tối trong những bức tranh này có độ chuyển như thế nào?*

+ Hãy chỉ ra và cho biết cường độ mạnh – yếu của màu trong các bức tranh đem lại hiệu quả gì về mặt thị giác?

+ Đặc điểm màu sắc của chất liệu màu nước là gì?

Phối cảnh và không gian trong thực hành vẽ tranh màu nước

* *Phối cảnh:* GV giới thiệu và tổ chức cho HS thực hiện một số dạng phối cảnh thường được sử dụng trong tranh màu nước:

– Phối cảnh một điểm tụ.

– Phối cảnh nhiều điểm tụ.

* *Không gian:* GV giới thiệu việc xử lí sắc độ để tạo cảm giác về không gian xa – gần.

Căn cứ theo định hướng trong SGK *Mĩ thuật 11 – Hội hoạ*, trang 24 – 26, GV cho HS vẽ phác thảo một bức tranh màu nước có sử dụng một dạng phối cảnh và không gian ra giấy A4.

Các bước gợi ý cơ bản trong thực hành vẽ tranh màu nước

– Căn cứ hình minh hoạ trong SGK *Mĩ thuật 11 – Hội hoạ*, trang 27 – 28, GV giới thiệu cho HS các bước thể hiện:

+ Bước 1: Phác nét bố cục của bức tranh lên trên giấy bằng bút chì.

+ Bước 2: Vẽ từng lớp màu nhạt theo mảng lớn.

+ Bước 3: Lựa chọn hoà sắc phù hợp với khả năng thể hiện, trong đó lưu ý đảm bảo ba sắc độ đậm – trung gian – nhạt.

+ Bước 4: Thể hiện các chi tiết, diễn tả đặc điểm của hình thể trong tranh.

+ Bước 5: Hoàn thiện các chi tiết để có được bức tranh hoàn chỉnh.

– GV cho HS tham khảo mở rộng bằng những tranh màu nước (nếu có), định hướng HS tự tạo một bức tranh màu nước phù hợp với năng lực bản thân.

Lưu ý: Gợi ý các bước thực hiện tranh màu nước trong sách chỉ là một phương án, không phải là duy nhất. Nên trong phần thực hành, GV có thể gợi ý thêm nhiều cách thể hiện khác qua video clip liên quan nhằm phát huy khả năng thể hiện của HS.

3. Hoạt động 3: Thảo luận

a) Mục tiêu

Củng cố nhận biết về tranh màu nước.

b) Nội dung

Thảo luận theo nhóm về kĩ thuật, bố cục, màu sắc của tranh màu nước.

c) Sản phẩm

Nhận biết của HS về tranh màu nước.

d) Tổ chức thực hiện

– GV tổ chức cho HS chia nhóm thảo luận theo các ý:

+ Bố cục trong tranh màu nước có những đặc điểm gì?

+ Màu sắc trong bức tranh có thể hiện đặc điểm của chất liệu màu nước không? Vì sao?

+ Bạn sử dụng những kĩ thuật nào khi thể hiện một bức tranh màu nước?

– GV đưa ra tổng kết qua các phát biểu của HS.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

– Giúp HS nắm vững kiến thức, kĩ năng về tranh màu nước.

– Sử dụng màu nước để thực hiện SPMT ứng dụng.

b) Nội dung

Thực hiện một bưu thiếp về nơi mình sống.

c) Sản phẩm

Sản phẩm bưu thiếp của HS.

d) Tổ chức thực hiện

(1) Hoạt động trên lớp:

– GV gợi ý HS chọn cảnh vật dự định thể hiện trên bưu thiếp.

– GV gợi ý HS quan sát các đặc điểm nổi bật của cảnh vật, chọn lọc chi tiết và đưa vào sản phẩm bưu thiếp.

– GV gợi ý HS có thể tham khảo các bước thể hiện trong SGK *Mĩ thuật 11 – Hội hoạ*, ở hoạt động Nhận biết.

(2) Hoạt động tại nhà:

HS thể hiện cảnh đẹp nơi em ở và trang trí một tấm bưu thiếp dựa theo hướng dẫn tại lớp.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 1: KHÁI QUÁT VỀ TRANH IN NỔI

(Thời gian thực hiện: 4 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Nhận biết được đặc điểm tranh in nổi.

– Biết được một số kĩ thuật để thực hành, sáng tạo tranh in nổi.

2. Năng lực

– Lựa chọn được chất liệu, kĩ thuật để thực hành, sáng tạo tranh in nổi.

– Thực hiện được tranh in nổi, khắc ván in và in tranh ở mức độ đơn giản.

3. Phẩm chất

– Hiểu biết và yêu thích nghệ thuật đồ hoạ tranh in.

– Biết thưởng thức tác phẩm, sản phẩm đồ hoạ tranh in.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

– SGV.

– Một số tác phẩm tranh in nổi, vựng tập triển lãm (nếu có), bài thực hành tranh in nổi hoặc ảnh chụp tác phẩm.

– Máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

– SGK.

– Bài thuyết trình.

– Một số hình ảnh tư liệu và tác phẩm/ sản phẩm tranh in nổi.

– Dụng cụ: Căn cứ vào điều kiện tại địa phương có thể sử dụng những vật liệu sẵn có để thực hành, bản khắc (như ván gỗ, formex, ván thạch cao,...), dao khắc hoặc vật nhọn (bút bi, bút sắt, chì,…), giấy in, mực hoặc màu và một số đồ dùng khác để thực hiện tranh in nổi.

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khám phá

a) Mục tiêu

– HS nhận biết được đặc điểm cơ bản của tranh in nổi.

– HS hiểu được khái quát lịch sử phát triển tranh in nổi trên thế giới và Việt Nam.

b) Nội dung

GV tổ chức cho các nhóm HS tìm hiểu và thuyết trình một số nội dung liên quan đến đặc điểm của tranh in nổi, chất liệu và tác giả, tác phẩm tiêu biểu.

c) Sản phẩm

Bài thuyết trình bằng hình thức phù hợp (PowerPoint, video clip, sơ đồ tư duy,…).

d) Tổ chức thực hiện

– GV giao nhiệm vụ cho HS tìm hiểu, tìm dữ liệu và thuyết trình về một số tác phẩm tranh in nổi, nêu đặc điểm của tranh in nổi theo hình thức phù hợp.

+ Nhóm 1: Thế nào là tranh in nổi? Tranh in nổi có đặc điểm gì khác với các tranh khác mà em đã được học ở lớp 10?

+ Nhóm 2: Em kể tên những tranh in nổi mà em biết. Theo em tranh khắc gỗ dân gian Đông Hồ có phải là tranh in nổi không? Chất liệu thông dụng để thể hiện tranh in nổi là gì?

+ Nhóm 3: Nêu tên tác giả và một vài tác phẩm đồ hoạ tranh in tiêu biểu ở Việt Nam và thế giới.

– HS: Trình bày phần thuyết trình đã chuẩn bị liên quan đến các nhiệm vụ đã được GV phân công.

– GV: Quan sát và nhận xét nội dung các nhóm chuẩn bị và trình bày.

– GV: Quan sát việc tham gia hoạt động học trên lớp của HS theo các nội dung:

+ Chuẩn bị bài thuyết trình của mỗi nhóm.

+ Sự tham gia của mỗi thành viên trong nhóm.

+ Sự tham gia của HS trong lớp.

+ Sự tích cực đặt câu hỏi, trả lời trong phần thảo luận.

– GV: Căn cứ vào phần trình bày của HS, đưa ra kết luận ở từng nội dung và nhận xét kết quả hoạt động của từng nhóm.

Lưu ý: Đây là hoạt động ở mục Khám phá có tính chất giới thiệu, mục đích giúp HS tìm hiểu, hình thành nhận thức ban đầu về nội dung bài học, do vậy GV không đánh giá đúng/sai trong ý kiến trình bày của HS.

2. Hoạt động 2: Nhận biết

a) Mục tiêu

– HS biết một số kĩ thuật cơ bản trong thực hành, sáng tạo tranh in nổi.

– HS biết về đặc điểm tạo hình trong tranh in nổi.

– HS biết các bước cơ bản thực hành sáng tác tranh in nổi.

b) Nội dung

– GV tổ chức cho HS tìm hiểu về kĩ thuật thể hiện, đặc điểm tạo hình trong SGK *Mĩ thuật 11 – Đồ hoạ (tranh in).*

– HS tìm hiểu các bước gợi ý làm tranh in nổi và thực hành sáng tạo sản phẩm tranh in nổi.

c) Sản phẩm

SPMT tranh in nổi với chủ đề em yêu thích.

d) Tổ chức thực hiện

Kĩ thuật thể hiện tranh in nổi

– GV cho HS tìm hiểu nội dung trong SGK *Mĩ thuật 11 – Đồ hoạ (tranh in),* trang 7 – 9 để biết đến dụng cụ, quá trình khắc ván in, kĩ thuật in tranh.

– Trong mỗi nội dung, GV có thể chuẩn bị dụng cụ trong khắc ván in, video clip về kĩ thuật khắc ván và in tranh để tăng tính trực quan khi trình bày.

– Thực hành ở phần này, GV cho HS phác thảo bản vẽ nét, xây dựng bố cục cho bức tranh in nổi ở phần tiếp theo.

Đặc điểm tạo hình trong tranh in nổi

– Trên cơ sở một số hình minh hoạ trong SGK *Mĩ thuật 11 – Đồ hoạ (tranh in),* trang 10 – 13, GV cho HS trao đổi, thảo luận về đặc điểm của nét, màu sắc, chất cảm trong tranh in nổi. Qua đó, HS nêu cảm nhận riêng về đặc điểm tạo hình trong tranh in nổi.

– Thực hành ở phần này, GV cho HS thể hiện màu cho bản vẽ phác thảo nét ở phần trước.

Các bước gợi ý làm tranh in nổi trên ván in bằng bìa cứng

– GV cho HS tìm hiểu các bước gợi ý thực hiện một bức tranh in nổi trên ván bìa cứng trong SGK *Mĩ thuật 11 – Đồ hoạ (tranh in),* trang 14 để HS nắm được các bước cơ bản.

– GV cũng lưu ý đây là những bước cơ bản nhưng không phải duy nhất, nên trong quá trình thực hành, HS có thể điều chỉnh thao tác cho phù hợp với khả năng thực hiện của bản thân.

– Thực hành ở phần này, GV giao nhiệm vụ cho HS lựa chọn, chuẩn bị nguyên vật liệu phù hợp để thực hiện ván khắc và in như: gỗ/ formex/ thạch cao/ cao su, màu in, giấy in và một số dụng cụ khác.

– HS sẽ thực hiện một sản phẩm tranh in nổi trên cơ sở bản vẽ nét, phác thảo màu đã thực hiện ở các hoạt động thực hành trước đó.

– *Lưu ý:* Đối với cơ sở giáo dục không chuẩn bị đủ nguyên vật liệu in để thực hành cá nhân, GV cho HS thực hành theo nhóm với kích thước nhỏ phù hợp với thực tế.

3. Hoạt động 3: Thảo luận

a) Mục tiêu

Củng cố kiến thức tranh in nổi.

b) Nội dung

Trao đổi trên SPMT tranh in nổi đã thực hành để nhận biết về đặc điểm tạo hình, vật liệu và cách thực hiện tranh in nổi.

c) Sản phẩm

Nhận thức của HS về tranh in nổi.

d) Tổ chức thực hiện

Đặc điểm tạo hình

– GV cho HS thảo luận nhóm đôi theo định hướng câu hỏi:

+ Đặc điểm tạo hình trong tranh in nổi là gì? Hãy phân tích trên sản phẩm tranh in nổi bạn đã thực hiện.

+ Bề mặt tranh in nổi cho bạn cảm nhận gì? Cảm nhận này có khác so với các thể loại tranh khác không?

– Trong phần này, căn cứ vào trả lời cụ thể của HS, GV giải thích rõ hơn về nội dung cần trao đổi liên quan đến đặc điểm tạo hình tranh in nổi.

Vật liệu và cách thực hiện tranh in nổi

– GV cho HS thảo luận nhóm đôi theo định hướng câu hỏi:

+ Lựa chọn vật liệu và dụng cụ trong thực hành tranh in nổi đóng vai trò gì?

+ Những phương pháp nào áp dụng trong thực hành tranh in nổi?

+ Bạn hãy giới thiệu về kĩ thuật tranh in nổi đã thực hiện.

+ Kĩ thuật in nổi có đặc điểm gì?

– GV lưu ý mục đích của việc này để HS nhận biết và củng cố lại kiến thức, kĩ năng đã có ở các hoạt động trước đó nên không giải thích. Nếu HS trả lời chưa đúng sẽ mời HS khác lên bổ sung. GV chỉ gợi ý đối với những kiến thức, kĩ năng mới nảy sinh trong quá trình thực hành của HS.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

Viết được bài luận giới thiệu một dòng tranh dân gian Việt Nam sử dụng phương pháp in nổi.

b) Nội dung

Căn cứ vào thực tế triển khai ở lớp, GV quyết định hình thức thực hiện nội dung thuộc bài tập trên lớp hay ở nhà.

c) Sản phẩm

Bài luận giới thiệu một dòng tranh dân gian Việt Nam sử dụng phương pháp in nổi.

d) Tổ chức thực hiện

– GV gợi ý cho HS các nội dung triển khai bài luận liên quan đến một dòng tranh dân gian Việt Nam sử dụng phương pháp in nổi theo gợi ý sau:

+ *Tên gọi;*

+ *Xuất xứ;*

+ *Vật liệu sử dụng trong làm ván khắc, in tranh;*

+ *Kĩ thuật in tiêu biểu;*

+ *Đặc điểm tạo hình;*

+ *Cảm nhận của bản thân về vẻ đẹp sản phẩm dòng tranh này.*

– GV giao HS tìm tư liệu và viết bài luận.

– Điểm cộng cho bài luận là phần hình ảnh minh hoạ kèm theo, minh chứng cụ thể cho nội dung của bài viết.

BÀI 2: THỰC HÀNH TRANH IN NỔI

(Thời gian thực hiện: 12 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Lựa chọn chất liệu, thể loại tranh in để thực hành, sáng tạo.

– Biết sử dụng thuật ngữ mĩ thuật đánh giá được quá trình thực hành, sáng tạo tranh in nổi.

2. Năng lực

– Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng tạo tranh in nổi.

– Biết sử dụng các kĩ thuật đã học tạo ván in nổi.

– Biểu đạt được cảm xúc thông qua kĩ thuật khắc, in tranh.

– Biết nhận xét, trao đổi về ý tưởng thể hiện.

3. Phẩm chất

– Hiểu biết và yêu thích nghệ thuật đồ hoạ tranh in trong việc định hướng nghề nghiệp.

– Biết trân trọng và đánh giá được vẻ đẹp của tranh in nổi.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

– SGV.

– Một số tác phẩm tranh in nổi, vựng tập triển lãm (nếu có), bài thực hành tranh in nổi hoặc ảnh chụp tác phẩm.

– Máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

– SGK.

– Một số hình ảnh tư liệu và tác phẩm/ sản phẩm tranh in nổi.

– Dụng cụ: Căn cứ vào điều kiện tại địa phương có thể sử dụng những vật liệu sẵn có để thực hành sản phẩm tranh in nổi.

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khám phá

a) Mục tiêu

HS nhận biết được hình thức thể hiện của tranh in nổi: in đen trắng và in màu.

b) Nội dung

GV tổ chức cho các nhóm HS tìm hiểu và thuyết trình một số nội dung liên quan đến phương pháp in đơn sắc và in màu qua những ván khắc dân gian Đông Hồ.

c) Sản phẩm

Bài thuyết trình bằng hình thức phù hợp (PowerPoint, video clip, sơ đồ tư duy,…).

d) Tổ chức thực hiện

– GV: Trình chiếu hoặc trưng bày một số tác phẩm tranh in nổi gồm tranh in đen trắng, tranh in màu. Sử dụng minh hoạ từ tranh dân gian Đông Hồ trong SGK *Mĩ thuật 11 – Đồ hoạ (tranh in)*, trang 17 (hoặc các dòng tranh dân gian Việt Nam khác) và giao nhiệm vụ cho HS. Đặt câu hỏi để HS thảo luận và mời các nhóm lên trình bày nội dung đã chuẩn bị.

– HS: Trình bày phần thuyết trình đã chuẩn bị:

+ Nhóm 1: Phân biệt bản in đen trắng và in màu. Nêu đặc điểm bản in đen trắng và bản in màu. Trình bày những vật liệu và phương tiện (dụng cụ) cần thiết để thực hiện tranh in khắc nổi.

+ Nhóm 2: Nêu tên những dòng tranh khắc gỗ dân gian Việt Nam sử dụng phương pháp in nổi. Tìm hiểu một dòng tranh khắc gỗ dân gian nhóm thích.

+ Nhóm 3: Nêu tên một vài tác phẩm đồ hoạ tranh in đen trắng và in màu tiêu biểu ở Việt Nam và thế giới. Lựa chọn giới thiệu một tác giả hoặc tác phẩm in khắc gỗ hiện đại với thầy cô và các bạn trong lớp.

– GV: Quan sát và nhận xét nội dung các nhóm đã chuẩn bị và trình bày.

– GV: Quan sát việc tham gia hoạt động học trên lớp của HS theo các nội dung:

+ Chuẩn bị bài thuyết trình của mỗi nhóm.

+ Sự tham gia của mỗi thành viên trong nhóm.

+ Sự tham gia của HS trong lớp.

+ Sự tích cực đặt câu hỏi, trả lời trong phần thảo luận.

– GV: Căn cứ vào phần trình bày của HS, đưa ra kết luận ở từng nội dung và nhận xét kết quả hoạt động của từng nhóm.

2. Hoạt động 2: Nhận biết

a) Mục tiêu

– HS biết lựa chọn vật liệu tạo ván in, dụng cụ khắc ván in, vật liệu in, màu in,...

– HS hiểu các bước cơ bản thực hiện tranh in nổi.

– HS thực hiện được một bức tranh in nổi theo đề tài yêu thích.

b) Nội dung

– GV tổ chức cho HS tìm hiểu các nội dung biên soạn trong SGK.

– HS tìm hiểu cách lựa chọn vật liệu, dụng cụ phù hợp trước khi thực hành tranh in nổi theo chủ đề em yêu thích.

c) Sản phẩm

SPMT tranh in nổi theo đề tài yêu thích.

d) Tổ chức thực hiện

Chuẩn bị trước khi thực hành

– Ở mỗi nội dung như lựa chọn vật liệu tạo ván in, dụng cụ khắc ván in, vật liệu in, màu in, dụng cụ khác, GV cho HS xem hình ảnh thực tế và thị phạm để HS hiểu hơn về sự khác biệt trong vật liệu thực hành tranh in nổi.

– Qua đó, GV cho HS lựa chọn vật liệu phù hợp với khả năng thực hiện của bản thân và điều kiện thực tế ở địa phương.

Các bước thực hiện tranh in nổi

– Ở mỗi nội dung như vẽ phác thảo, can hình, khắc tranh, GV cho HS thực hành cụ thể trên giấy, vật liệu tạo ván in để hình thành những kĩ năng cơ bản trong phác hình, can hình, dùng dao khắc, dụng cụ liên quan khác.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

– Ở phần in tranh, GV cho HS in hình đã thực hiện để hiểu hơn về độ thấm của màu, việc chuyển hình từ ván in sang bản in để rút kinh nghiệm trong phần thực hành, sáng tạo sản phẩm tranh in nổi tiếp theo.

– Trên cơ sở phần thực hành ở các hoạt động trước, GV cho HS thực hiện một bức tranh in nổi theo đề tài yêu thích với vật liệu, màu in phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

– Trong quá trình HS thực hành, GV quan sát, gợi ý đối với những HS còn khó khăn trong thao tác thực hiện. Nhắc nhở HS không đùa với dao khắc để đảm bảo tiết học được hiệu quả, không xảy ra những tai nạn đáng tiếc.

3. Hoạt động 3: Thảo luận

a) Mục tiêu

Củng cố kiến thức đã học về việc thực hiện sản phẩm tranh in nổi.

b) Nội dung

Trao đổi nhóm theo các nội dung trong SGK *Mĩ thuật 11 – Đồ hoạ (tranh in)*, trang 29.

c) Sản phẩm

Nhận thức về sản phẩm tranh in nổi của HS.

d) Tổ chức thực hiện

– GV: Yêu cầu HS trình bày bài thực hành cho mọi người cùng quan sát và đặt câu hỏi thảo luận:

+ *Sản phẩm có thể hiện được ý tưởng của bạn không?*

+ *Bạn sử dụng dụng cụ và vật liệu nào để thực hành tranh in nổi?*

+ *Trong quá trình thực hành, bạn có gặp khó khăn ở bước nào không? Bạn đã làm gì để khắc phục và vượt qua?*

+ *Cảm nhận của bạn về quá trình thực hiện và sản phẩm tranh in nổi là gì?*

– Căn cứ vào nội dung thảo luận và phần trả lời của HS, GV trao đổi trực tiếp trên sản phẩm tranh in nổi để giải thích rõ hơn những nội dung liên quan bài học.

– Trên cơ sở bài thực hành của HS, GV chốt lại một số ý để củng cố kiến thức về các bước thực hiện tranh in nổi theo chủ đề em yêu thích: Bước 1: Vẽ phác thảo; Bước 2: Can hình (Chế bản); Bước 3: Khắc tranh tạo ván in; Bước 4: In tranh; Bước 5: Hoàn thiện sản phẩm.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

Sử dụng kiến thức đã học trong thực hành kĩ thuật tranh in nổi thực hiện trang trí sản phẩm ứng dụng trong cuộc sống (túi xách, áo phông,…).

b) Nội dung

Căn cứ vào điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, địa phương và HS, GV quyết định nội dung này thực hiện theo hình thức cá nhân hoặc nhóm trên lớp hoặc bài tập thực hành tại nhà.

c) Sản phẩm

Sản phẩm túi xách, áo phông ứng dụng kĩ thuật in nổi để trang trí.

d) Tổ chức thực hiện

– GV giới thiệu cho HS một số mẫu sản phẩm để HS lựa chọn sản phẩm muốn thực hiện theo ý thích:

+ Hình thức: nhóm hoặc cá nhân.

+ Lựa chọn ý tưởng thực hiện.

+ Vật liệu, dụng cụ cần chuẩn bị.

+ Lựa chọn kĩ thuật phù hợp với vật liệu và ý tưởng thực hiện của HS.

+ Tuân thủ các bước trong quy trình thực hiện để sản phẩm đạt hiệu quả.

– Khi kết thúc phần thực hành:

+ GV mời từng nhóm trình bày và chia sẻ ý tưởng, quy trình thực hiện sản phẩm, nêu những khó khăn trong quá trình thực hiện và cách khắc phục.

+ Các nhóm cùng thảo luận, nhận xét SPMT và đưa ra những giải pháp khắc phục những khó khăn trong quá trình thực hành sáng tạo sản phẩm, những hạn chế trong sản phẩm của từng nhóm.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 1: KHÁI QUÁT VỀ TƯỢNG TRÒN

(Thời gian thực hiện: 6 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Nhận biết được đặc điểm thể loại tượng tròn.

– Hiểu được đặc điểm khối trong tượng tròn.

– Nhận biết về một số yếu tố và nguyên lí tạo hình của thể loại tượng chân dung.

2. Năng lực

– Biết và sử dụng được chất liệu tạo hình trong thực hành, sáng tạo tượng tròn.

– Tìm ý tưởng và xây dựng được một phác thảo tượng chân dung.

3. Phẩm chất

– Hiểu biết và yêu thích nghệ thuật tượng tròn.

– Thưởng thức tác phẩm, sản phẩm tượng tròn một cách có ý thức.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

– SGV.

– Một số ảnh chụp tác phẩm tượng tròn,...

– Máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

– SGK.

– Bài thuyết trình.

– Ảnh tư liệu về tác phẩm/ sản phẩm tượng tròn đã sưu tầm.

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khám phá

a) Mục tiêu

HS có thông tin về sự xuất hiện, phát triển của thể loại tượng tròn trên thế giới và Việt Nam.

b) Nội dung

GV tổ chức cho các nhóm HS tìm hiểu và thuyết trình một số nội dung liên quan đến:

– Sự xuất hiện của tượng tròn ở một số nền văn hoá trên thế giới.

– Một số tác giả, tác phẩm tượng tròn tiêu biểu ở Việt Nam và trên thế giới qua một số thời kì.

c) Sản phẩm

Bài thuyết trình bằng hình thức phù hợp (PowerPoint, sơ đồ tư duy, video clip,…).

d) Tổ chức thực hiện

– GV: Giao nhiệm vụ cho HS và mời các nhóm lên trình bày.

– HS:

+ Nhóm 1: Sự xuất hiện của tượng tròn trong một số nền văn hoá.

+ Nhóm 2: Tác giả, tác phẩm tượng tròn nổi tiếng trên thế giới qua một số thời kì.

+ Nhóm 3: Tác giả, tác phẩm tượng tròn nổi tiếng ở Việt Nam qua một số thời kì.

– HS: Trình bày phần thuyết trình đã chuẩn bị và báo cáo phân công nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm.

– Trong khi mỗi nhóm trình bày, GV yêu cầu các nhóm khác lắng nghe, đặt câu hỏi để làm rõ hơn những nội dung liên quan đến bài học.

– GV: Quan sát việc tham gia hoạt động học trên lớp của HS theo các nội dung:

+ Chuẩn bị bài thuyết trình của mỗi nhóm.

+ Sự tham gia của mỗi thành viên trong nhóm.

+ Sự tham gia của HS trong lớp.

+ Sự tích cực đặt câu hỏi, trả lời trong phần thảo luận.

Lưu ý:

– Gợi ý trong trình bày của nhóm 1:

+ Lựa chọn nền văn hoá có tính đại diện để thấy được sự khác nhau trong chất liệu, tạo hình tượng tròn.

+ Tìm hiểu mục đích, ý nghĩa của tượng tròn trong những giai đoạn tiền sử – cổ đại (gắn với tín ngưỡng, tôn giáo; đối tượng thể hiện (thần, con người, thú,…).

– Gợi ý trong trình bày của nhóm 2:

+ Tác giả tiêu biểu.

+ Tác phẩm tiêu biểu.

+ Phong cách, chất liệu, ý nghĩa, mục đích của tượng tròn trong giai đoạn lịch sử (cổ đại–trung đại – hiện đại),…

– Gợi ý trong trình bày của nhóm 3:

+ Tác giả tiêu biểu.

+ Tác phẩm tiêu biểu.

+ Phong cách, chất liệu, ý nghĩa, mục đích của tượng tròn trong thời kì hiện đại,…

– Căn cứ vào phần trình bày của các nhóm, GV đưa ra kết luận và nhấn mạnh đến sự đa dạng cũng như xuất hiện của thể loại tượng tròn trong sáng tạo nghệ thuật. Vì là phần giới thiệu nên GV không đánh giá đúng/ sai trong ý kiến trình bày của HS. Những ý kiến của HS sẽ là căn cứ để GV tổ chức hoạt động, làm rõ hơn ở Hoạt động 2: Nhận biết.

– Những nội dung biên soạn trong SGK *Mĩ thuật 11 – Điêu khắc*, trang 5 – 6 là những định hướng cho hoạt động thực hành của HS.

2. Hoạt động 2: Nhận biết

a) Mục tiêu

– Biết được khái niệm về thể loại tượng tròn và tượng chân dung.

– Hiểu về đặc điểm khối trong tượng tròn và tượng chân dung.

– Nhận biết về đặc điểm, phân loại trong tượng tròn và tượng chân dung.

– Vận dụng được kiến thức để thưởng thức vẻ đẹp trong tạo hình tượng tròn và tượng chân dung.

– Biết cách tìm ý tưởng và xây dựng phác thảo tượng chân dung yêu thích.

b) Nội dung

GV tổ chức cho HS thực hành để nhận biết về những nội dung liên quan đến tượng tròn và tượng chân dung theo mục tiêu đề ra.

c) Sản phẩm

Nhận biết và phác thảo về tượng chân dung.

d) Tổ chức thực hiện

Thể loại và đặc điểm khối trong tượng tròn

– GV: Giới thiệu về một số thể loại tượng tròn trong SGK *Mĩ thuật 11 – Điêu khắc*, trang 6 – 7 thông qua các hình ảnh minh hoạ về thể loại tượng có liên quan. Trong quá trình phân loại, GV cần lưu ý mọi sự phân loại chỉ có tính tương đối và phù hợp với vị trí, không gian đặt tượng.

– Sau đó, GV cho HS tham gia trò chơi nhận biết thể loại tượng tròn qua ảnh, video clip để củng cố lại kiến thức về thể loại tượng, trong đó hai nhóm HS sẽ sắp xếp ảnh tượng vào từng ô phân loại. Nhóm nào thực hiện nhanh và đúng sẽ thắng.

– GV cho HS tìm hiểu về đặc điểm khối trong tượng tròn, trong đó lưu ý:

+ *Biểu hiện của khối trong tượng tròn, mối quan hệ của khối giữa các bộ phận của tượng và giữa tượng với không gian đặt tượng.*

+ *Chất liệu trong thể hiện tượng tròn đem đến những chất cảm khác nhau, tạo nên sự thú vị khi sáng tạo của nhà điêu khắc cũng như sự thưởng thức của công chúng.*

– Ở phần tìm hiểu đặc điểm của khối trong tượng tròn, GV cũng có thể cho HS trình bày trên cơ sở tư liệu sưu tầm về tác phẩm tượng tròn.

Thể loại và đặc điểm khối trong tượng chân dung

– GV: Giới thiệu về khái niệm tượng chân dung trong SGK *Mĩ thuật 11 – Điêu khắc*, trang 9 – 13 thông qua các hình ảnh minh hoạ về thể loại tượng chân dung, tập trung diễn tả đặc điểm và biểu hiện của khuôn mặt. Trong phân tích, GV cần cho HS nhìn các hướng của tượng, cũng như biểu cảm khác nhau trên khuôn mặt để làm rõ về thể loại này.

– Sau đó, GV cho HS tìm hiểu về đặc điểm khối trong thể loại tượng chân dung, theo các phương án:

+ Phương án 1: Yêu cầu HS tìm hiểu nội dung trong SGK Mĩ thuật 11 – Điêu khắc ở phần này và phân tích trên một tượng chân dung cụ thể.

+ Phương án 2: Giao nhiệm vụ cho HS tìm hiểu, sưu tầm tư liệu về tượng chân dung theo định hướng nội dung trong SGK Mĩ thuật 11 – Điêu khắc ở phần này và trình bày trước lớp. Qua đó, GV có thể đặt câu hỏi định hướng để thảo luận, làm rõ về đặc điểm khối của tượng chân dung.

– Ở nội dung tìm hiểu thể loại tượng chân dung, GV cũng có thể cho HS trình bày trên cơ sở tư liệu sưu tầm về tác phẩm chân dung (tượng danh nhân hay tượng người), qua đó định hướng cho việc đối tượng cần thể hiện ở phần thực hành.

– GV cho HS tìm hiểu tiếp nội dung "Vẻ đẹp trong tạo hình tượng chân dung" và "Nhận biết đặc điểm khối lớn trên tượng chân dung" theo hình thức trao đổi trong nhóm. Đây là những định hướng quan trọng trong phần thực hành tạc tượng chân dung ở bài sau, cũng như nâng cao năng lực thưởng thức mĩ thuật đối với thể loại tượng tròn nói chung hay tượng chân dung nói riêng.

– Khi HS trao đổi, GV yêu cầu trong mỗi nội dung cần có hình minh hoạ để làm rõ. Ví dụ thế nào là dáng đẹp, tỉ lệ đẹp, khối đẹp, khối có xu hướng vuông, khối có xu hướng tròn,…

– Ở phần thực hành tìm ý tưởng và xây dựng một phác thảo thể hiện đặc điểm, vẻ đẹp của tượng chân dung bằng chất liệu đất nặn, GV định hướng có nhiều cách phác thảo tượng tròn hay tượng chân dung, có thể phác thảo ra giấy hay sáng tạo ngay trên vật liệu. Tuy nhiên, về cơ bản, các bước gợi ý trong SGK *Mĩ thuật 11 – Điêu khắc* trang 14 giúp cho HS hình dung ra được cách thực hiện cơ bản.

– GV cho HS trao đổi trong nhóm (nếu làm sản phẩm chung) hay viết ra giấy những nội dung cần thực hiện theo các bước gợi ý. Phần phác thảo tượng chân dung có thể thực hiện trên đất nặn hoặc vẽ ra giấy khổ A4. Nếu theo cách vẽ ra giấy, GV yêu cầu HS có thể thực hiện theo nhiều diện khác nhau (trước, sau, trái, phải) để có thể thuận tiện cho việc tạo hình sau này.

– Sản phẩm ở phần này sẽ là cơ sở cho phần thực hành ở bài 2 nên GV nên trao đổi, làm rõ để giúp HS có được bản phác thảo phù hợp.

3. Hoạt động 3: Thảo luận

a) Mục tiêu

Củng cố lại kiến thức về tượng tròn, tượng chân dung thông qua hệ thống câu hỏi thảo luận trong SGK *Mĩ thuật 11 – Điêu khắc*, trang 14.

b) Nội dung

GV hướng dẫn HS trao đổi, thảo luận theo câu hỏi.

c) Sản phẩm

Nhận thức về vẻ đẹp tượng tròn, tượng chân dung và cách phác thảo.

d) Tổ chức thực hiện

– GV cho HS trao đổi về các câu hỏi định hướng trong SGK *Mĩ thuật 11 – Điêu khắc*, trang 14.

– Căn cứ phác thảo tượng chân dung đã thực hiện, GV cho HS trao đổi, thảo luận nhằm củng cố kiến thức, kĩ năng của bài học. Ở phần này, GV cho HS trình bày cách phác thảo thể hiện ý tưởng hay những điều cần lưu ý để phác thảo phù hợp với ý tưởng,…

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

HS sử dụng kiến thức đã học để thường thức tác phẩm tượng tròn yêu thích.

b) Nội dung

Thưởng thức mĩ thuật trên cơ sở kiến thức, kĩ năng về tượng tròn đã có.

c) Sản phẩm

Thường thức được vẻ đẹp của tác phẩm tượng tròn.

d) Tổ chức thực hiện

– GV cho HS trình bày cảm nghĩ, phân tích vẻ đẹp trên một tác phẩm tượng tròn yêu thích (ở Việt Nam hoặc trên thế giới), trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố sau:

+ *Tác phẩm, chất liệu.*

+ *Tác giả, phong cách.*

+ *Dạng thức biểu đạt khối – sự kết hợp của khối trên tác phẩm.*

– GV không đánh giá đúng/ sai với phần trình bày liên quan đến thường thức mĩ thuật của HS.

Các thầy, cô thân mến!

Mục đích chính ở bài này là giúp HS làm quen với tượng tròn, tượng chân dung qua tìm hiểu về thể loại, đặc điểm và sự xuất hiện của loại hình này trong cuộc sống. Điều này giúp

HS có được sự hiểu biết và mối quan tâm đúng mức đối với nghệ thuật tượng tròn. Qua đó, nội dung biên soạn trong sách đã định hướng giúp HS chủ động tìm kiếm những thông tin liên quan thông qua những lệnh/ yêu cầu cụ thể trong bài.

Phần thực hành, sáng tạo SPMT ở bài này là theo sự hiểu biết ban đầu của HS nên rõ ràng nhiều SPMT sẽ chưa đạt yêu cầu nhưng điều này thật sự cần thiết để qua đó, HS hiểu và có thêm kinh nghiệm xử lí sau khi lĩnh hội kiến thức, kĩ năng ở các bài sau.

BÀI 2: THỰC HÀNH LÀM TƯỢNG CHÂN DUNG BẰNG CHẤT LIỆU ĐẤT

(Thời gian thực hiện: 10 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Nắm được quá trình và các công đoạn thực hiện một bức tượng chân dung.

– Nhận biết một số đặc điểm của các khối lớn trên một tác phẩm tượng chân dung.

2. Năng lực

– Biết một số kĩ thuật thực hiện một bức tượng chân dung bằng chất liệu đất.

– Biết sắp xếp bố cục các khối lớn để tạo hình một phác thảo tượng chân dung bằng các hình thức và chất liệu khác nhau.

– Có kĩ năng thực hiện phác thảo, thể hiện một bức tượng chân dung bằng chất liệu đất sét với tỉ lệ 1 : 1.

3. Phẩm chất

– Hiểu về ngôn ngữ tạo hình của tượng chân dung, từ đó có ý thức khi thưởng thức vẻ đẹp của một bức tượng chân dung.

– Hình thành và phát huy khả năng tìm tòi, sáng tạo và có thêm sự yêu thích nghệ thuật điêu khắc nói chung và tượng chân dung nói riêng.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

– SGV.

– Một số ảnh chụp các tác phẩm tượng chân dung (nếu có). Chuẩn bị các tư liệu hình ảnh, thông tin liên quan đến bài giảng từ sách, Internet để HS tham khảo.

– Máy chiếu (nếu có).

– Đất sét (hoặc chất liệu tương đương), một số dụng cụ, vật liệu để thực hành.

2. Đối với học sinh

– Tài liệu, hình ảnh về chân dung nhân vật mình yêu thích.

– Đất sét, một số dụng cụ, vật liệu để thực hành làm tượng chân dung.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khám phá

a) Mục tiêu

HS biết khái quát về tượng chân dung.

b) Nội dung

GV cho HS quan sát hình ảnh tượng chân dung và đặt câu hỏi để làm rõ:

– Thể loại tượng chân dung có đặc điểm gì?

– Tượng chân dung có vị trí và vai trò thế nào trong cuộc sống?

– Những nhân vật nào thường được nhà điêu khắc lựa chọn để tạo tượng chân dung?

c) Sản phẩm

Nhận biết và có hiểu biết về nội dung theo yêu cầu.

d) Tổ chức thực hiện

– GV mời HS lên trình bày hiểu biết của mình về tượng chân dung qua gợi ý:

+ Điểm khác biệt của tượng chân dung với thể loại khác như tranh chân dung và tượng tròn nói chung.

+ Các yếu tố để nhận biết đặc điểm khối lớn trên một bức tượng chân dung.

+ Vị trí thường được trưng bày các tác phẩm tượng chân dung.

– Trên cơ sở ý kiến HS trình bày, GV chốt ý theo nội dung trong SGK *Mĩ thuật 11 – Điêu khắc,* trang 15 và phân tích trên một bức tượng chân dung, để thấy được sự khác biệt về ngôn ngữ tạo hình giữa tranh và tượng, cũng như cách nhận diện đặc điểm khối lớn trên một bức tượng.

– GV mời HS nêu một số tác phẩm tượng chân dung mà các em đã từng thấy trong cuộc sống. Qua đó thấy được vị trí, vai trò của tượng chân dung đối với từng không gian cụ thể.

2. Hoạt động 2: Nhận biết

a) Mục tiêu

– Biết được quá trình thực hiện tượng chân dung.

– Nắm được một số hình thức và các bước thực hiện một phác thảo và một bức tượng chân dung với tỉ lệ 1 : 1 bằng chất liệu đất sét hoặc tương đương.

– Giới thiệu một số phương pháp và kĩ thuật thực hiện phác thảo tượng chân dung và tượng chân dung tỉ lệ 1 : 1.

– Vận dụng được kiến thức để thực hiện một phác thảo tượng chân dung hoặc một tượng chân dung tỉ lệ 1 : 1 bằng chất liệu đất sét hoặc tương đương.

b) Nội dung

– GV tổ chức cho HS quan sát, tìm hiểu một số hình thức, kĩ thuật, các bước thực hiện.

– HS thực hành làm một phác thảo hoặc một tượng chân dung nhân vật với tỉ lệ 1 : 1 trên chất liệu đất sét hoặc tương đương.

c) Sản phẩm

Một phác thảo tượng chân dung hoặc một bức tượng chân dung tỉ lệ 1 : 1 bằng chất liệu đất sét hoặc tương đương.

d) Tổ chức thực hiện

Quá trình thực hiện tượng chân dung bằng chất liệu đất (hoặc tương đương)

– GV cho HS tìm hiểu nội dung trong SGK *Mĩ thuật 11 – Điêu khắc*, trang 16. GV phân tích để HS hiểu đúng, đủ ý nghĩa ở mỗi giai đoạn, qua đó, HS hình dung được các phần cơ bản thực hiện một bức tượng chân dung.

– GV cũng giới thiệu đây là những giai đoạn cơ bản nhưng không phải là duy nhất để HS có thể tìm hiểu thêm những cách thực hiện khác ở các nguồn khác, nhằm tạo sự đa dạng, vận dụng linh hoạt trong thực hành.

Cách xác định trục và chia tỉ lệ trên tượng chân dung

– Trên một mẫu tượng thật hoặc hình minh hoạ trong SGK *Mĩ thuật 11 – Điêu khắc*, trang 17, GV phân tích sự cần thiết trong xác định trục và chia tỉ lệ trên tượng chân dung nhằm đảm bảo yếu tố hài hoà, cân đối.

– GV cũng có thể phân tích trên một khuôn mặt HS cụ thể nhằm tăng cường tính trực quan và dễ hiểu.

Một số vật liệu, đồ dùng và điều kiện cần thiết để thực hành, phác thảo sáng tạo tượng chân dung

– Căn cứ vào cơ sở vật chất của lớp học và các điều kiện cụ thể ở địa phương, GV giới thiệu một số đồ dùng và điều kiện cần thiết để thực hành tượng chân dung.

– Ở một số địa phương có nguồn đất sét tự nhiên, có thể sử dụng để thực hành, hoặc có thể mua đất sét màu tại các cửa hàng văn phòng phẩm đồ dùng HS.

Một số hình thức thực hiện tượng chân dung bằng chất liệu đất sét

** Tạo hình phác thảo tượng chân dung từ các khối dạng vuông:*

– GV yêu cầu HS tìm hiểu các bước thực hiện tượng chân dung đơn giản từ các khối dạng vuông trong SGK *Mĩ thuật 11 – Điêu khắc*, trang 18 – 20.

– GV có thể thị phạm để tăng tính trực quan.

– Thực hành ở nội dung này, GV cho HS phác thảo và tạo tượng chân dung từ các dạng khối vuông.

** Tạo hình phác thảo tượng chân dung từ các khối dạng tròn:*

– GV yêu cầu HS tìm hiểu các bước thực hiện tượng chân dung đơn giản từ các khối dạng tròn trong SGK *Mĩ thuật 11 – Điêu khắc*, trang 20 – 22.

– GV có thể mời HS thị phạm để tăng tính trực quan.

– Thực hành ở nội dung này, GV cho HS phác thảo và tạo tượng chân dung từ các dạng khối tròn.

– GV khuyến khích HS tham gia thảo luận, phản biện để phát huy năng lực quan sát, đánh giá, cảm nhận tổng thể về đặc điểm và vẻ đẹp tạo hình của các dạng hình khối cơ bản. Trên cơ sở các hoạt động này, HS chỉ ra được các đặc điểm lớn trên chân dung nhân vật định thực hiện, từ đó lựa chọn và áp dụng hình thức thực hiện sao cho phù hợp với ý tưởng.

* *Tạo hình phác thảo tượng chân dung bằng phương pháp ngẫu hứng:*

– GV yêu cầu HS tìm hiểu các bước thực hiện tượng chân dung đơn giản bằng phương pháp ngẫu hứng trong SGK *Mĩ thuật 11 – Điêu khắc,* trang 22 – 24.

– GV mời HS so sánh sự khác nhau giữa các phương pháp tạo tượng chân dung giới thiệu ở phần này.

– Thực hành ở nội dung này, GV cho HS phác thảo và tạo tượng chân dung bằng phương pháp ngẫu hứng.

– Đây là những cách tạo tượng chân dung cơ bản góp phần định hình cho phần thực hành tạo tượng chân dung theo tỉ lệ 1 : 1 bằng đất sét ở phần tiếp theo.

Trong các phương pháp, GV nhấn mạnh đến:

+ *Cách tạo hình các khối dạng vuông.*

+ *Cách tạo hình các khối dạng tròn.*

+ *Cách lắp ghép các khối để tạo một bố cục với các khối đầu, cổ, vai hoặc bệ tượng.*

+ *Phương pháp xác định trục, tỉ lệ trên chân dung.*

+ *Với mỗi hình thức thể hiện, yêu cầu HS thường xuyên quan sát, đánh giá và đưa ra cảm nhận trong suốt quá trình sáng tác. GV nhận xét và khuyến khích HS cùng trao đổi đánh giá, nhất là với hình thức tạo hình phác thảo tượng chân dung bằng phương pháp ngẫu hứng.*

* *Tạo tượng chân dung tỉ lệ 1 : 1 bằng đất sét:*

– GV định hướng HS lựa chọn thực hiện phác thảo hoặc làm một bức tượng chân dung tỉ lệ 1 : 1 dựa trên điều kiện và năng lực phù hợp với thực tế. HS có thể thực hành theo nhóm, mỗi nhóm không nên quá 5 HS.

– GV hướng dẫn HS nội dung thực hành trong SGK *Mĩ thuật 11 – Điêu khắc,* trang 24 – 27 về nội dung định hướng HS thực hiện theo các bước thực hiện tượng chân dung tỉ lệ 1 : 1,... trong đó nhấn mạnh các nội dung:

+ *Chân dung nhân vật, chủ thể cần thể hiện.*

+ *Đặc điểm lớn trên chân dung nhân vật cần phù hợp với hình thức thể hiện.*

+ *Kĩ năng, thao tác để tạo hình các khối cơ bản.*

– GV khuyến khích sự trao đổi, tương tác giữa các HS trong suốt quá trình thực hành, trong đó nhấn mạnh các nội dung:

+ Chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ thực hành, không gian thực hiện đã đáp ứng đủ chưa?

+ Phương pháp lên đất tạo hình khối lớn, xác định các trục chính trên chân dung.

+ Xác định, nhận diện đặc điểm lớn của nhân vật trên bức tượng.

– GV yêu cầu HS thực hiện theo trình tự từng bước, hướng dẫn HS những thao tác cần thiết trong việc làm cốt tượng, lên đất, sử dụng dụng cụ,... GV nhắc HS các nội dung cần lưu ý trong SGK *Mĩ thuật 11 – Điêu khắc*, trang 27.

Lưu ý: Ở bước chuẩn bị đất sét, khi nhào trộn đất cần kiểm tra độ dẻo và bám dính vừa phải, không để đất quá ướt hoặc khô.

– Trong phần thực hành ở phần này, GV lưu ý HS các nội dung:

+ Quá trình lên đất tạo hình khối lớn cần cân nhắc kích thước của các khối sao cho phù hợp với tương quan khối đầu, cổ, vai hoặc bệ tượng.

+ Khi tạo hình và xây dựng bố cục lớn cần căn cứ theo bản phác trên giấy hoặc phác thảo trên đất sét màu cỡ nhỏ (nếu có) để bức tượng có được sự nhất quán về ý tưởng và phong cách tạo hình.

+ Việc đắp vào hay lấy bớt đất luôn phải cân nhắc đến mối tương quan giữa các khối lớn và khối phụ trong tổng thể bức tượng.

+ Phần hoàn thiện thêm bớt các chi tiết sao cho bức tượng được sinh động và không bị nát, vụn.

+ Quan sát dấu vết ở bề mặt khối được vô tình hay chủ ý tạo ra trong quá trình thực hiện để chủ động giữ lại những chất cảm hấp dẫn trên bề mặt khối.

Lưu ý:

– Trong quá trình HS thực hiện đắp tượng, GV quan sát, hỗ trợ giải đáp về kĩ thuật, thảo luận góp ý đối với từng trường hợp nhưng không can thiệp hay thực hiện thay HS.

– Đây là một hoạt động cần nhiều điều kiện và các kĩ năng đối với HS, GV nhận xét dựa trên các mức độ yêu cầu cơ bản, khuyến khích và động viên sự cố gắng, tránh những nhận xét làm giảm sự ham thích tìm hiểu của HS.

3. Hoạt động 3: Thảo luận

a) Mục tiêu

– Củng cố kiến thức về kĩ thuật thực hành SPMT tượng chân dung.

– Nâng cao năng lực đánh giá và cảm thụ đối với thể loại tượng chân dung.

b) Nội dung

GV tổ chức cho HS trao đổi theo một số nội dung trong SGK *Mĩ thuật 11 – Điêu khắc*, trang 28, 29.

c) Sản phẩm

Củng cố những kĩ thuật và các bước thực hiện SPMT tượng chân dung. Khả năng thưởng thức các tác phẩm tượng chân dung.

d) Tổ chức thực hiện

Để trao đổi tốt về nội dung ở hoạt động này, GV giao mỗi nhóm chuẩn bị theo một số gợi ý nội dung thảo luận trên cơ sở căn cứ vào SPMT (là phác thảo hoặc tượng chân dung tỉ lệ 1 : 1 mà HS đã thực hiện). Khi trả lời, HS thảo luận trực tiếp trên SPMT của cá nhân hoặc nhóm.

– Đối với HS hoặc nhóm HS thực hiện phác thảo tượng chân dung, GV gợi ý một số nội dung thảo luận sau:

+ Đặc điểm lớn trên một chân dung được nhận diện bằng những yếu tố nào?

+ Đặc điểm của các dạng khối lớn vuông và tròn có sự tương đồng nào với các đặc điểm lớn trên chân dung một nhân vật.

+ Phương pháp xác định trục, tỉ lệ trên chân dung có vai trò gì?

+ Thao tác, dụng cụ nào phù hợp với việc tạo hình các dạng khối vuông, khối tròn?

+ Việc quan sát, ngắm nhìn, tự đánh giá có tác dụng và ý nghĩa như thế nào trong suốt quá trình thực hiện phác thảo?

– Đối với HS hoặc nhóm HS thực hiện tượng chân dung tỉ lệ 1 : 1, GV gợi ý một số nội dung thảo luận sau:

+ Các bước thực hiện một bức tượng chân dung tỉ lệ 1 : 1.

+ Tài liệu hình ảnh, bản vẽ phác hoạ, phác thảo có vai trò như thế nào cho việc thực hiện một bức tượng chân dung.

+ Những dụng cụ cơ bản cần thiết trong thực hành tượng chân dung tỉ lệ 1 : 1 gồm những gì?

– Khi HS trình bày, GV tóm lược lại ý kiến và bổ sung (nếu cần thiết) để có tính định hướng, làm rõ hơn nội dung thảo luận trên cơ sở những SPMT tượng tròn do HS thực hành.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức đã học, thực hành một SPMT tượng chân dung bằng vật liệu tái chế để tuyên truyền cho việc tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường.

b) Nội dung

– GV hướng dẫn HS khai thác, tìm kiếm các vật liệu tái chế phù hợp để xây dựng một bức tượng chân dung.

– HS lựa chọn vật liệu tái chế để thực hành sao cho có ý nghĩa, gắn kết với việc tuyên truyền tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường.

c) Sản phẩm

Một SPMT tượng chân dung bằng vật liệu tái chế.

d) Tổ chức thực hiện

– GV hướng dẫn HS chuẩn bị vật liệu phù hợp với mục đích và nội dung của hoạt động. GV căn cứ vào tình hình lớp học và các điều kiện cụ thể ở địa phương để có thể thực hiện theo hai cách:

+ Thực hành ở nhà: khi các hoạt động 1, 2, 3 đã đủ thời gian.

+ Hoạt động nhóm: căn cứ vào vật liệu tái chế đã chuẩn bị của nhóm.

– GV gợi ý cho HS về một số vật liệu tái chế có các tính chất và hình dáng phù hợp, trong đó lưu ý:

+ Vật liệu là các đồ phế thải có thể tái chế.

+ Hình dáng, kích thước, chất liệu phù hợp để thực hiện, nhấn mạnh mối quan hệ giữa hình khối sẵn có của vật liệu tái chế và hình khối của một bức tượng chân dung.

+ Kĩ thuật bồi giấy, lắp ráp tạo hình sản phẩm.

+ Trình tự các bước thực hiện.

Lưu ý:

– Kích thước, bố cục, ý tưởng tạo hình linh hoạt, sáng tạo dựa trên các nguyên vật liệu được tái sử dụng.

– Nhận xét của GV mang tính xây dựng, gợi mở vì mục đích trọng tâm của hoạt động sáng tác gắn với ý nghĩa của việc tuyên truyền cho việc bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 1: KHÁI QUÁT VỀ LĨNH VỰC THIẾT KẾ TRANG SỨC

(Thời gian thực hiện: 5 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Nhận biết được đặc điểm tạo hình và vật liệu trong thiết kế trang sức.

– Hiểu được mối quan hệ giữa thiết kế đồ trang sức với đời sống.

– Có ý thức về mối quan hệ giữa tính thẩm mĩ và tính ứng dụng của sản phẩm trang sức.

2. Năng lực

– Biết và sử dụng được chất liệu, dụng cụ trong thực hành, sáng tạo đồ trang sức.

– Tìm ý tưởng và xây dựng được một phác thảo sản phẩm trang sức.

3. Phẩm chất

– Hiểu biết về thiết kế, xu hướng, các thể loại trang sức và nghề kim hoàn truyền thống.

– Sử dụng các sản phẩm trang sức đúng với mục đích và hoàn cảnh.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

– SGV.

– Một số ảnh chụp các sản phẩm trang sức theo các chủ đề, chất liệu và thể loại,…

– Máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

– SGK.

– Bài thuyết trình.

– Ảnh tư liệu về tác phẩm/ sản phẩm trang sức đã sưu tầm.

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khám phá

a) Mục tiêu

HS có thông tin về sự xuất hiện, phát triển của thể loại trang sức trên thế giới và ở Việt Nam.

b) Nội dung

GV tổ chức cho các nhóm HS tìm hiểu và thuyết trình một số nội dung liên quan đến:

– Sự xuất hiện của trang sức ở một số nền văn hoá trên thế giới và Việt Nam.

– Một số sản phẩm trang sức tiêu biểu ở Việt Nam và trên thế giới qua một số thời kì, cùng với một số làng nghề kim hoàn của Việt Nam.

c) Sản phẩm

Bài thuyết trình bằng hình thức phù hợp (PowerPoint, sơ đồ tư duy, video clip,…).

d) Tổ chức thực hiện

– GV: Giao nhiệm vụ cho HS và mời các nhóm lên trình bày.

– HS:

+ Nhóm 1: Sự xuất hiện của sản phẩm trang sức trong một số nền văn hoá.

+ Nhóm 2: Các sản phẩm trang sức tiêu biểu của các thương hiệu nổi tiếng trên thế giới qua một số thời kì.

+ Nhóm 3: Các công ty và làng nghề kim hoàn, sản phẩm trang sức ở Việt Nam qua một số thời kì.

– HS: Trình bày phần thuyết trình đã chuẩn bị và báo cáo phân công nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm.

– Trong khi mỗi nhóm trình bày, GV yêu cầu các nhóm khác lắng nghe, đặt câu hỏi để làm rõ hơn những nội dung liên quan đến bài học.

– GV: Quan sát việc tham gia hoạt động học trên lớp của HS theo các nội dung:

+ Chuẩn bị bài thuyết trình của mỗi nhóm.

+ Sự tham gia của mỗi thành viên trong nhóm.

+ Sự tham gia của HS trong lớp.

+ Sự tích cực đặt câu hỏi, trả lời trong phần thảo luận.

Lưu ý:

– Gợi ý trong trình bày của nhóm 1:

+ Lựa chọn nền văn hoá có tính đại diện để thấy được sự khác nhau trong kiểu dáng và chất liệu của các sản phẩm trang sức.

+ Tìm hiểu mục đích, ý nghĩa của sản phẩm trang sức trong những giai đoạn phát triển của loài người (gắn với tín ngưỡng, tôn giáo, văn hoá,...).

– Gợi ý trong trình bày của nhóm 2:

+ Các thương hiệu trang sức nổi tiếng.

+ Các sản phẩm trang sức tiêu biểu.

+ Phong cách, chất liệu, ý nghĩa, mục đích của các sản phẩm trang sức qua các thể loại (thường nhật, dạ hội, lễ hội, trình diễn,...).

– Gợi ý trong trình bày của nhóm 3:

+ Các công ty sản xuất, kinh doanh trang sức tiêu biểu.

+ Các làng nghề kim hoàn.

+ Kiểu dáng, chất liệu, ý nghĩa, mục đích của các công ty kinh doanh, sản xuất trang sức và làng nghề kim hoàn.

– GV: Căn cứ vào phần trình bày của các nhóm, GV đưa ra kết luận ở phần trình bày của từng nhóm và nhấn mạnh đến sự đa dạng cũng như xuất hiện của sản phẩm trang sức. Vì là phần giới thiệu nên GV không đánh giá đúng/ sai trong ý kiến trình bày của HS. Những ý kiến của HS sẽ là căn cứ để GV tổ chức hoạt động, làm rõ hơn ở Hoạt động 2: Nhận biết.

2. Hoạt động 2: Nhận biết

a) Mục tiêu

– Biết được khái niệm thiết kế trang sức là gì.

– Hiểu về đặc điểm kiểu dáng chất liệu của các sản phẩm trang sức.

– Nhận biết về đặc điểm, phân loại được các thể loại trang sức.

– Vận dụng được kiến thức để thưởng thức vẻ đẹp trong thiết kế các sản phẩm trang sức.

– Biết cách tìm ý tưởng và xây dựng phác thảo sản phẩm trang sức yêu thích.

b) Nội dung

GV tổ chức cho HS thực hành để nhận biết về những nội dung liên quan đến các thể loại trang sức và chất liệu sử dụng trong thiết kế trang sức theo mục tiêu đề ra.

c) Sản phẩm

Nhận biết và phác thảo về sản phẩm trang sức.

d) Tổ chức thực hiện

Đặc điểm của thiết kế trang sức

– GV cho HS tìm hiểu về đặc điểm của thiết kế trang sức trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế công nghiệp*, trang 8, trong đó lưu ý bên cạnh tính biểu tượng, tính văn hoá, tính thẩm mĩ thì thiết kế trang sức có đặc trưng như:

+ Biểu hiện của hoạ tiết trang trí, mối quan hệ giữa các sản phẩm trong một bộ trang sức với nhau (vòng cổ, vòng tay, hoa tai, nhẫn,...).

+ Chất liệu trong thể hiện của sản phẩm trang sức khác nhau, tạo nên sự thú vị đa dạng khi sáng tạo của các hoạ sĩ thiết kế trang sức cũng như thưởng thức của công chúng.

– Ở phần tìm hiểu đặc điểm của thiết kế trang sức, GV cũng có thể cho HS trình bày trên cơ sở tư liệu sưu tầm về đồ trang sức.

Một số dạng thiết kế trang sức

– GV giao nhiệm vụ cho HS tìm hiểu và thuyết trình về nội dung này.

– Qua phần trình bày, GV chốt lại theo nội dung biên soạn trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế công nghiệp,* trang 9 để có tính hệ thống.

Một số loại trang sức phổ biến

– GV: Giới thiệu một số loại trang sức phổ biến như trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế công nghiệp,* trang 10 – 11 thông qua các hình ảnh minh hoạ, tập trung diễn tả đặc điểm kiểu dáng, xu hướng và chất liệu. Trong phân tích, GV cần cho HS nhìn rõ các góc cạnh của sản phẩm, cũng như chất liệu để làm rõ về thể loại trang sức này.

– Sau đó, GV cho HS tìm hiểu về đặc điểm kiểu dáng chất liệu, theo các phương án:

+ Phương án 1: Yêu cầu HS tìm hiểu nội dung trong SGK Mĩ thuật 11 – Thiết kế công nghiệp, trang 10 – 11 và phân tích một số trang sức phổ biến trên một sản phẩm trang sức cụ thể.

+ Phương án 2: Giao nhiệm vụ cho HS tìm hiểu, sưu tầm tư liệu về các sản phẩm trang sức theo định hướng nội dung trong SGK Mĩ thuật 11 – Thiết kế công nghiệp, trang 10 – 11 và trình bày trước lớp. Qua đó, GV có thể đặt câu hỏi định hướng để thảo luận, làm rõ về đặc điểm xu hướng của các loại trang sức phổ biến.

– Ở nội dung tìm hiểu về một số loại trang sức phổ biến, GV cũng có thể cho HS trình bày trên cơ sở tư liệu sưu tầm về sản phẩm (vòng cổ, vòng tay, hoa tai, nhẫn,…), qua đó định hướng cho việc đối tượng cần thể hiện ở phần thực hành.

Vai trò của ngành thiết kế trang sức trong đời sống xã hội

– GV giao nhiệm vụ cho HS tìm hiểu và thuyết trình về nội dung này và gắn với những công việc có liên quan.

– Qua phần trình bày, GV chốt lại theo nội dung biên soạn trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế công nghiệp,* trang 11 nhằm giúp HS có tính định hướng nghề nghiệp.

– GV có thể kết nối nội dung ở phần này với phần *Em có biết,* SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế công nghiệp,* trang 13.

Quy trình tạo mẫu trang sức

– GV cho HS tìm hiểu nội dung này nhằm định hướng trong phần thực hành thiết kế đồ trang sức bằng vật liệu sẵn có ở bài sau, cũng như nâng cao năng lực nhận thức và tìm ý tưởng trong thiết kế một loại trang sức.

– Trong phần thực hành, GV định hướng có nhiều cách phác thảo một sản phẩm trang sức, có thể phác thảo ra giấy hay sáng tạo ngay trên vật liệu có sẵn. Tuy nhiên, về cơ bản, các bước gợi ý trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế công nghiệp,* trang 12, giúp HS hình dung ra được cách để thực hiện cơ bản.

– Phần phác thảo một sản phẩm trang sức, HS có thể thực hiện theo nhiều diện khác nhau (trước, trái, phải) để có thể thuận tiện cho việc thể hiện sản phẩm sau này.

– Sản phẩm ở phần này sẽ là cơ sở cho phần thực hành ở bài 2, GV nên trao đổi, làm rõ để giúp HS có được bản phác thảo phù hợp.

3. Hoạt động 3: Thảo luận

a) Mục tiêu

Củng cố lại kiến thức về thiết kế trang sức, xu hướng thiết kế trang sức và một số loại trang sức phổ biến thông qua hệ thống câu hỏi thảo luận SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế công nghiệp*, trang 13.

b) Nội dung

GV hướng dẫn HS trao đổi, thảo luận theo câu hỏi.

c) Sản phẩm

Nhận thức cơ bản về lĩnh vực thiết kế trang sức và cách phác thảo.

d) Tổ chức thực hiện

– Căn cứ phác thảo sản phẩm trang sức ở hoạt động trước, GV cho HS trao đổi, thảo luận về câu hỏi cuối trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế công nghiệp*, trang 13.

– GV cho HS trình bày quá trình phác thảo thể hiện ý tưởng như thế nào hay những điều cần lưu ý để phác thảo phù hợp với ý tưởng,…

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

HS sử dụng kiến thức đã học để lên ý tưởng và vẽ thiết kế bộ trang sức tặng người thân trong gia đình.

b) Nội dung

Sử dụng kiến thức, kĩ năng được hình thành ở bài học để thiết kế một sản phẩm trang sức tặng người thân trong gia đình.

c) Sản phẩm

Bản vẽ thiết kế bộ trang sức đơn giản.

d) Tổ chức thực hiện

– GV cho HS trình bày ý tưởng, hình dáng của bộ trang sức dự định thiết kế tặng người thân trong gia đình, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố sau:

+ *Ý tưởng, chất liệu.*

+ *Sự kết hợp của đường nét, kiểu dáng trên sản phẩm.*

– Sau khi HS phát biểu, thực hành cụ thể ý tưởng về sản phẩm trang sức vào giấy khổ A4.

Các thầy, cô thân mến!

Mục đích chính ở bài này giúp HS làm quen với kiểu dáng, chất liệu, đặc điểm, xu hướng và các thể loại trang sức trong cuộc sống. Điều này giúp HS có được sự hiểu biết và mối quan tâm đúng mức đối với lĩnh vực thiết kế đồ trang sức. Qua đó, nội dung biên soạn trong sách đã định hướng giúp HS chủ động tìm kiếm những thông tin liên quan thông qua những lệnh/ yêu cầu cụ thể trong bài.

Phần thực hành, sáng tạo SPMT ở bài này là theo sự hiểu biết ban đầu của HS nên rõ ràng nhiều SPMT sẽ chưa đạt yêu cầu nhưng điều này thật sự cần thiết để qua đó, HS hiểu và có thêm kinh nghiệm xử lí sau khi lĩnh hội kiến thức, kĩ năng ở các bài sau.

BÀI 2: THIẾT KẾ ĐỒ TRANG SỨC THỦ CÔNG BẰNG VẬT LIỆU SẴN CÓ

(Thời gian thực hiện: 11 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Phân biệt được tính thẩm mĩ và tính ứng dụng thông qua sản phẩm đồ trang sức.

– Biết về tính đa dạng của vật liệu trong thực hiện đồ trang sức.

– Biết về đặc điểm của đồ trang sức thủ công.

– Biết sử dụng ngôn ngữ tạo hình để thể hiện được ý tưởng thiết kế đồ trang sức.

2. Năng lực

– Thực hiện được phác thảo thiết kế và hoàn thiện đồ trang sức từ vật liệu sẵn có. Trong đó, thể hiện sự kết hợp giữa tính thẩm mĩ và tính ứng dụng.

– Biết thực hành một số kĩ thuật đơn giản trong thực hiện đồ trang sức thủ công.

3. Phẩm chất

Hình thành niềm yêu thích đối với lĩnh vực thiết kế trang sức và biết ứng dụng vào cuộc sống.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

– SGV.

– Một số sản phẩm thiết kế đồ trang sức của HS, của chuyên gia,…

– Các tư liệu hình ảnh thiết kế đồ trang sức từ vật liệu sẵn có,…

– Máy chiếu (nếu có).

– Máy tính hoặc máy tính bảng (nếu có).

2. Đối với học sinh

– SGK.

– Giấy vẽ A4, bút chì, màu nước, màu dạ, màu sáp, thước, tẩy,…

– Vật liệu sẵn có và dụng cụ để chế tác đồ trang sức đơn giản.

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khám phá

a) Mục tiêu

HS biết và hiểu về sự đa dạng của đồ trang sức thủ công, từ chất liệu cho đến kiểu dáng.

b) Nội dung

GV tổ chức cho HS tìm hiểu và thuyết trình về công cụ, kĩ thuật cơ bản trong chế tác đồ trang sức thủ công.

c) Sản phẩm

Bài thuyết trình.

d) Tổ chức thực hiện

– GV: chuẩn bị và định hướng các tư liệu để HS viết thuyết trình, các thông tin liên quan đến đồ trang sức thủ công từ nguồn internet, sách,…

– GV lựa chọn (phân công) chia nhóm chọn chủ để viết.

– HS:

+ *Nhóm 1: Các vật liệu sẵn có và công cụ thường sử dụng trong chế tác đồ trang sức.*

+ *Nhóm 2: Kĩ thuật cơ bản trong chế tác đồ trang sức.*

– HS: tìm hiểu và sưu tầm một số vật liệu sẵn có, kĩ thuật thực hiện đồ trang sức thủ công đơn giản để thuyết trình, trong đó lưu ý:

+ *Điều gì tạo nên ấn tượng cho sản phẩm đồ trang sức thủ công? (vật liệu, kiểu dáng,…)*

+ *Cách lựa chọn, kết hợp vật liệu trong chế tác đồ trang sức thủ công cần lưu ý gì?*

+ *Việc sử dụng công cụ, kĩ thuật trong chế tác đồ trang sức cần lưu ý gì để đảm bảo tính an toàn và thẩm mĩ.*

+ *Chuẩn bị các hình ảnh minh hoạ liên quan đến bài viết.*

– Căn cứ vào phần trình bày của các nhóm, GV đưa ra kết luận ở từng nội dung và nhấn mạnh đến vai trò tính độc đáo, tính thẩm mĩ và tính độc nhất trong thiết kế, chế tác đồ trang sức từ vật liệu sẵn có.

2. Hoạt động 2: Nhận biết

a) Mục tiêu

– Nhận biết được đặc điểm của đồ trang sức thủ công (tính truyền thống, tính độc đáo, tính kinh tế).

– Biết được sự khác nhau giữa đồ trang sức thủ công và đồ trang sức sản xuất hàng loạt.

– Hiểu được cách lựa chọn vật liệu và kĩ thuật trong thiết kế trang sức.

– Biết và thực hành chế tác đồ trang sức thủ công theo các bước gợi ý cơ bản.

b) Nội dung

– Đặc điểm của đồ trang sức thủ công.

– Một số đồ trang sức làm từ vật liệu sẵn có.

– Một số lưu ý khi lựa chọn vật liệu trong thiết kế trang sức và một số kĩ thuật thực hiện đồ trang sức thủ công.

– Các bước cơ bản trong thực hiện sản phẩm đồ trang sức thủ công.

– Thiết kế tạo mẫu một đồ trang sức từ vật liệu sẵn có.

c) Sản phẩm

– Tư duy về thiết kế đồ trang sức đơn giản từ vật liệu sẵn có.

– Sản phẩm đồ trang sức từ vật liệu sẵn có đơn giản.

d) Tổ chức thực hiện

Một vài đặc điểm của đồ trang sức thủ công

– Đối với GV:

+ Phần thuyết trình, chia 4 nhóm HS theo nội dung:

- *Nhóm 1: Tính truyền thống của đồ trang sức thủ công.*
- *Nhóm 2: Tính độc đáo của đồ trang sức thủ công.*
- *Nhóm 3: Tính kinh tế của đồ trang sức thủ công.*
- *Nhóm 4: Sự khác biệt giữa đồ trang sức thủ công và đồ trang sức sản xuất hàng loạt.*

+ Phần thực hành, chuẩn bị các hình ảnh sản phẩm thiết kế đồ trang sức từ vật liệu sẵn có:

- *Bản vẽ thiết kế.*
- *Sản phẩm hoàn thiện.*
- *Video clip các bước thực hiện đồ trang sức đơn giản.*

+ GV quan sát việc tham gia hoạt động học trên lớp của HS:

- *Sự tham gia của mỗi thành viên trong nhóm.*
- *Sự tham gia của HS trong lớp.*
- *Sự tích cực đặt câu hỏi, trả lời trong phần thảo luận.*
- *Bản vẽ thiết kế, vật liệu – đồ dùng trong thực hành.*

– Đối với HS:

+ Căn cứ vào nhiệm vụ học tập được phân công, HS chuẩn bị:

• *Sản phẩm (hình ảnh, sản phẩm thật) đồ trang sức tương ứng với từng đặc điểm của đồ trang sức thủ công.*

• *Tư liệu minh chứng về luận điểm của nhóm nêu ra.*

• *Tìm hiểu nội dung của các nhóm khác để đặt câu hỏi liên quan.*

– Căn cứ vào phần chuẩn bị, trình bày của HS, GV chốt ý về đặc điểm của đồ trang sức thủ công theo một số nội dung trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế công nghiệp*, trang 16 – 17.

Một số đồ trang sức làm từ vật liệu sẵn có

– GV cho HS giới thiệu những sản phẩm đồ trang sức làm từ vật liệu sẵn có đã sưu tầm.

– GV cho HS xem những đồ trang sức từ vật liệu sẵn có trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế công nghiệp*, trang 18.

– GV cho HS xem một số đồ trang sức từ vật liệu sẵn có qua video clip đã chuẩn bị.

– Sau đó, GV nêu câu hỏi để HS thảo luận:

+ Các vật liệu thường được sử dụng làm đồ trang sức thủ công là gì?

+ Với những vật liệu này, các em hình dung sẽ dùng những kĩ thuật nào để chế tác (ghép, nối, uốn, tạo hình,…)?

+ Ở địa phương em có thể sử dụng những vật liệu sẵn có nào để chế tác đồ trang sức thủ công?

Một số lưu ý khi lựa chọn vật liệu trong thiết kế trang sức

– Trên cơ sở nhận biết vật liệu để chế tác đồ trang sức thủ công ở phần trên, GV lưu ý HS khi chọn vật liệu sử dụng trong phần thực hành làm đồ trang sức thủ công ở phần sau.

– Sau khi lưu ý về chọn vật liệu làm mẫu trang sức thủ công, GV có thể cho HS thực hành một số kĩ thuật phù hợp với vật liệu đã lựa chọn. Trong đó lưu ý:

+ Cần gia công vật liệu sẵn có để đảm bảo an toàn khi sử dụng (nhẵn, mịn, không có tạp chất gây dị ứng, mẩn ngứa khi tiếp xúc với da).

+ Nghiên cứu tìm hiểu để có sự kết hợp giữa các vật liệu với nhau một cách hài hoà (mặt trang trí kết với với dây đeo, phần trang trí với phần bảo vệ,…).

Một số kĩ thuật thực hiện trang sức thủ công

– GV có thể cho HS xem một số video clip các nghệ nhân sử dụng các kĩ thuật phức tạp trong gia công vật liệu, chế tác đồ trang sức để HS hiểu thêm về công việc liên quan.

– Đối với một số kĩ thuật đơn giản, GV cho HS thực hiện tại lớp nhằm làm quen và sử dụng thành thạo dụng cụ và thiết bị liên quan.

Các bước cơ bản trong thực hiện sản phẩm trang sức thủ công

– Trong phần này, GV cho HS tìm hiểu các bước thực hiện sản phẩm trang sức thủ công. Ở mỗi bước, GV cho HS phân tích những hình ảnh minh hoạ trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế công nghiệp*, trang 22 –24.

– Ở mỗi bước, GV có thể cho HS thực hành để có những kĩ năng cơ bản sử dụng công cụ trong tạo hình sản phẩm, kết hợp vật liệu,…

– Ở phần viết mô tả, hướng dẫn cách sử dụng trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế công nghiệp,* trang 25, GV cần định hướng HS việc cần thiết phải giới thiệu vẻ đẹp, ý tưởng sản phẩm đồ trang sức sau khi thực hiện, giúp cho mọi người biết, hiểu đúng về sản phẩm.

Kết hợp đồ trang sức với trang phục

– Đây là nội dung có tính định hướng về mục đích của thiết kế trang sức, trả lời cho câu hỏi: Đồ trang sức sử dụng vào việc gì và kết hợp với trang phục như thế nào? Do đó, GV cho HS tìm hiểu, phân tích và trình bày trước lớp theo nhiệm vụ được phân công.

– Sau phần trình bày ở mỗi nhóm, GV cho HS thiết kế và tạo mẫu một đồ trang sức phù hợp với bộ trang phục yêu thích bằng vật liệu sẵn có.

– Trên cơ sở nội dung có tính định hướng trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế công nghiệp* ở các hoạt động trước, GV cho HS lên ý tưởng và thực hành chế tác một đồ trang sức phù hợp với trang phục, bằng vật liệu sẵn có.

– GV có thể yêu cầu HS thực hiện theo các bước gợi ý cơ bản ở phần trước, hoặc cho HS thực hiện theo cách riêng của mình. GV định hướng phần thực hành theo các nội dung sau:

+ Ý tưởng thiết kế cần khai thác vẻ đẹp từ thiên nhiên, cuộc sống và cần phù hợp với bộ trang phục mình yêu thích (theo đúng yêu cầu của nhiệm vụ ở phần này).

+ Lựa chọn vật liệu trong thực hành cần phù hợp với thực tế và theo các kĩ thuật thực hiện mình đã biết. Tránh lựa chọn những vật liệu quý, hiếm và quá khả năng thực hiện của bản thân, cũng như điều kiện tổ chức của nhà trường.

+ Vì phần thực hành làm mẫu đồ trang sức nên không cần quá cầu kì và điều quan trọng là thể hiện được sự hiểu biết của HS đối với lĩnh vực thiết kế đồ trang sức.

– Trong quá trình HS thực hiện bản vẽ thiết kế, thực hiện mẫu trang sức, GV quan sát, tư vấn, hỗ trợ đối với HS còn gặp khó khăn.

3. Hoạt động 3: Thảo luận

a) Mục tiêu

Củng cố những kiến thức đã hình thành ở hoạt động Khám phá – Nhận biết.

b) Nội dung

GV tổ chức cho HS trao đổi theo một số nội dung ở hoạt động Thảo luận trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế công nghiệp,* trang 28.

c) Sản phẩm

Củng cố nhận thức trong lĩnh vực thiết kế trang sức từ vật liệu sẵn có.

d) Tổ chức thực hiện

– GV lựa chọn những sản phẩm thiết kế đồ trang sức thủ công từ vật liệu sẵn có ở phần trước, gợi ý cuộc thảo luận với các câu hỏi trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế công nghiệp,* trang 28.

– GV có thể bổ sung thêm một số câu hỏi khác để củng cố kiến thức, kĩ năng đã hình thành ở phần trước như:

+ Thiết kế đồ trang sức của cá nhân/ nhóm thể hiện được đặc điểm nào của đồ trang sức thủ công?

+ Sản phẩm có thể hiện được đầy đủ ý tưởng và đạt được mức độ như kì vọng không?

+ Trong quá trình thiết kế và chế tác còn điều gì làm bản thân chưa hài lòng? Giải pháp khắc phục để thực hiện ở những lần sau là gì?

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

HS có thể vận dụng kiến thức đã học để thực hiện thiết kế một món đồ trang sức bằng vật liệu tái sử dụng để trao tặng cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn ở địa phương.

b) Nội dung

– GV hướng dẫn HS thiết kế, chế tác đồ trang sức từ vật liệu tái sử dụng,…

– HS thực hiện sản phẩm đồ trang sức từ vật liệu tái sử dụng.

c) Sản phẩm

Đồ trang sức từ vật liệu tái sử dụng.

d) Tổ chức thực hiện

– GV cho HS xem video clip thực hiện đồ trang sức từ vật liệu tái sử dụng.

– GV gợi ý một số vật liệu, kĩ thuật có thể sử dụng trong chế tác đồ trang sức từ vật liệu tái sử dụng.

– Trong phần này, HS làm phác thảo tại chỗ trên khổ giấy A4 sau đó về nhà thực hiện chế tác.

– GV lưu ý HS khi thực hiện đảm bảo an toàn.

Các thầy, cô thân mến!

Nội dung này chỉ thực sự hấp dẫn khi HS tự làm được một sản phẩm đồ trang sức giúp làm đẹp cho bản thân hoặc làm món quà tặng người thân. Do đó, trong phần thực hành, thầy cô nên động viên và hướng dẫn để mỗi HS đều hình thành ý tưởng cũng như cụ thể hoá thành sản phẩm, theo các mức độ phức tạp – đơn giản tuỳ theo khả năng, sự chuẩn bị của từng HS.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 1: KHÁI QUÁT VỀ THIẾT KẾ XUẤT BẢN PHẨM

(Thời gian thực hiện: 6 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Biết được khái lược về xuất bản phẩm.

– Vai trò của ngành thiết kế đồ hoạ trong thiết kế xuất bản phẩm.

– Biết lựa chọn được nội dung và chủ đề thể hiện trong thiết kế xuất bản phẩm.

– Biết phương pháp và thực hiện phác thảo được xuất bản phẩm.

2. Năng lực

– Vận dụng được kiến thức đã học và ứng dụng trong đời sống bằng cách phác thảo thiết kế một mẫu xuất bản phẩm chào mừng năm mới.

– Biết nhận xét, trao đổi về sản phẩm chung của nhóm qua mỗi phần thực hành.

– Có thể sử dụng kiến thức để ứng dụng trong cuộc sống hằng ngày.

3. Phẩm chất

– Biết nhận định và lựa chọn cái đẹp của một xuất bản phẩm trong cuộc sống hằng ngày.

– HS hiểu, yêu thích công việc và có định hướng nghề nghiệp với ngành Thiết kế đồ hoạ.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

– SGV.

– Một số sản phẩm thiết kế của HS, của chuyên gia,…

– Các tư liệu hình ảnh từ Internet, sách, báo, xuất bản phẩm sưu tầm (sách báo, tạp chí cũ, vỏ băng đĩa nhạc, phim,...), các mẫu chữ sưu tầm được từ sách, báo, tạp chí,...

– Máy chiếu (nếu có).

– Máy tính (nếu có).

2. Đối với học sinh

– SGK.

– Giấy vẽ A3 , bút chì, màu nước, màu dạ, màu sáp, bột màu, màu goát, giấy màu, thước, tẩy,…

– Lưu ý về chuẩn bị:

Đối với nội dung cần thuyết trình

+ Mỗi nhóm chuẩn bị từ 5 – 10 mẫu xuất bản phẩm theo chủ đề nhóm chọn để minh hoạ đính kèm với bài thuyết trình.

+ Mỗi nhóm chuẩn bị tài liệu và tìm hiểu những thông tin liên quan đến các nội dung thảo luận để đặt câu hỏi cần làm rõ đối với các nhóm khác.

+ Mỗi nhóm cử 01 thành viên đại diện lên thuyết trình, 02 thành viên ghi câu hỏi của các nhóm khác để thảo luận, trả lời. Bên cạnh việc cùng tham gia chuẩn bị cho chủ đề của nhóm mình, những thành viên còn lại có trách nhiệm tìm hiểu thông tin những chủ đề khác và đặt câu hỏi.

+ Mỗi nhóm có thời gian trình bày 5 phút và có 10 phút để thảo luận, trả lời câu hỏi.

+ Việc chuẩn bị sẽ theo hai hình thức:

• Đối với nhà trường có đủ điều kiện phương tiện dạy học, phòng học chuyên môn: GV chuẩn bị bài giảng theo hình thức PowerPoint.

• Đối với nhà trường chưa trang bị được phương tiện dạy học và chưa có phòng học chuyên môn: GV chuẩn bị bài trình bày trên giấy khổ A0.

Đối với nội dung cần thực hành

+ Mỗi nhóm lựa chọn chủ đề để thiết kế. Các thành viên trong nhóm xây dựng ý tưởng và cách thức để tiến hành thực hiện ý tưởng đã đề ra.

+ Chuẩn bị đồ dùng học tập: bột màu, màu goat, màu nước, bút dạ, bút chì, giấy màu, giấy vẽ A3, A4,...

+ Các mẫu chữ khác nhau, khai thác từ Internet, sách, báo, tạp chí,...

+ Các nội dung muốn thiết kế, bản tóm tắt ý tưởng thiết kế.

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khám phá

a) Mục tiêu

HS nhận diện được đặc điểm cơ bản của xuất bản phẩm, biết được vai trò của xuất bản phẩm trong xã hội và những đóng góp của xuất bản phẩm trong việc nâng cao đời sống tinh thần và vật chất của nhân dân mỗi quốc gia.

b) Nội dung

– Khái niệm xuất bản phẩm.

– Những sản phẩm thiết kế xuất bản phẩm đặc trưng.

c) Sản phẩm

Bài thuyết trình.

d) Tổ chức thực hiện

– GV chuẩn bị và cung cấp các tư liệu để HS viết thuyết trình, các thông tin liên quan đến bài giảng, nguồn từ internet, sách tham khảo, báo chí,… Lựa chọn (phân công) chia nhóm chọn chủ đề viết:

+ Nhóm 1: Những sản phẩm thiết kế xuất bản phẩm đặc trưng.

+ Nhóm 2: Những yếu tố và sự tác động của bìa xuất bản phẩm đến thị giác.

– GV quan sát việc tham gia hoạt động học trên lớp của HS:

+ Sự tham gia của mỗi thành viên trong nhóm.

+ Sự tham gia của HS trong lớp.

+ Sự tích cực đặt câu hỏi, trả lời trong phần thảo luận.

– Đối với HS:

+ Phân tích sự độc đáo trong thiết kế với ý nghĩa liên quan đến sản phẩm.

+ Sưu tầm một xuất bản phẩm, quan sát và đưa ra nhận xét.

+ Chuẩn bị các hình ảnh minh hoạ liên quan đến phần thuyết trình.

– Căn cứ vào phần trình bày của các nhóm, GV đưa ra kết luận ở từng nội dung và nhấn mạnh đến sự đa dạng của xuất bản phẩm và sự cần thiết trong thiết kế xuất bản phẩm.

2. Hoạt động 2: Nhận biết

a) Mục tiêu

– HS hiểu được vai trò và công việc cụ thể của ngành Thiết kế đồ hoạ trong xuất bản phẩm và vai trò xuất bản phẩm trong đời sống.

– Hiểu được công việc và vai trò cụ thể của ngành Thiết kế đồ hoạ trong thiết kế xuất bản phẩm.

– Những yếu tố tạo hình cơ bản trong thiết kế xuất bản phẩm (hình ảnh được vẽ tay, vẽ trên máy vi tính, ảnh chụp, nghệ thuật chữ,…) nắm bắt tính chất và vận dụng được hiệu quả thẩm mĩ của các yếu tố đó.

b) Nội dung

– Vai trò của xuất bản phẩm trong đời sống.

– Phân tích đặc điểm hình dáng của chữ, tính biểu cảm của từng kiểu chữ, hiệu quả của chữ trên các xuất bản phẩm trên áp phích, bao bì băng đĩa nhạc, phim, bìa sách báo, tạp chí đặc biệt kiểu chữ đem lại trong các thiết kế.

– Hiệu quả của hình ảnh, màu sắc được sử dụng trên xuất bản phẩm.

– Hiệu quả của sự kết hợp hài hoà giữa hình ảnh minh hoạ và nghệ thuật chữ.

c) Sản phẩm

– Phác thảo tiêu đề một cuốn sách hoặc bộ phim yêu thích.

– Vận dụng các yếu tố tạo hình kết hợp để phác thảo một nhân vật trong cuốn sách yêu thích.

d) Tổ chức thực hiện

– GV chia hai nhóm theo chủ đề:

+ *Nhóm 1: Vai trò của xuất bản phẩm trong đời sống.*

+ *Nhóm 2: Phân tích hiệu quả thẩm mĩ của các yếu tố tạo hình trên một số mẫu xuất bản phẩm sưu tầm.*

– Đối với phần thực hành, GV chuẩn bị các hình ảnh sản phẩm thiết kế bìa sách của HS, chuyên gia để gợi ý cho HS về bố cục, màu sắc, hình ảnh, kiểu chữ trên bìa sách:

+ *Hình ảnh minh hoạ trên bìa sách có phản ánh được nội dung tinh thần của cuốn sách không?*

+ *Các thủ pháp đồ hoạ tác giả sử dụng trong thiết kế là gì? (ảnh chụp, đường nét, chấm mảng, hay kiểu chữ là chính).*

+ *Hiệu quả của việc sử dụng hình ảnh, màu sắc, đường nét, kiểu chữ trên bìa sách, kiểu chữ có phù hợp với hình ảnh, nội dung của cuốn sách không?*

– GV quan sát việc tham gia hoạt động học trên lớp của HS:

+ *Sự tham gia của mỗi thành viên trong nhóm.*

+ *Sự tham gia của HS trong lớp.*

+ *Sự tích cực đặt câu hỏi, trả lời trong phần thảo luận, chất lượng và khối lượng phác thảo.*

– Căn cứ vào kết quả sản phẩm thiết kế của HS, GV nhận xét theo một số nội dung sau:

+ *Lựa chọn kiểu chữ (tính dễ đọc, tính thẩm mĩ, tính biểu cảm).*

+ *Kiểu chữ có ăn nhập với chủ đề hay không?*

+ *Sự sắp xếp chữ trong bố cục có cân đối hài hoà với hình ảnh minh hoạ.*

+ *Màu sắc, hình ảnh minh hoạ có phù hợp với nội dung sách không? Có phản ánh được nội dung xuất bản phẩm không?*

3. Hoạt động 3: Thảo luận

a) Mục tiêu

Củng cố những kiến thức đã hình thành ở hoạt động Khám phá, Nhận biết.

b) Nội dung

GV tổ chức cho HS trao đổi theo nội dung thực hành ở hoạt động Nhận biết.

c) Sản phẩm

Nhận thức ban đầu về thiết kế xuất bản phẩm.

d) Tổ chức thực hiện

– GV lựa chọn những sản phẩm thiết kế của buổi trước, gợi ý cuộc thảo luận với các câu hỏi trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế đồ hoạ*, trang 13, có thể bổ sung một số câu hỏi sau:

+ *Thiết kế bìa sách có thể hiện đặc trưng nội dung của cuốn sách không?*

+ Các thông tin trên bìa sách có đầy đủ không? (tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản,...).

+ Mối quan hệ giữa hình và chữ trong thiết kế bìa sách thế nào? Có tạo ấn tượng và thể hiện rõ ràng thông tin về cuốn sách không?

– Sau khi buổi thảo luận kết thúc, GV củng cố lại các kiến thức ở các hoạt động Khám phá, Nhận biết.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

HS có thể vận dụng kiến thức đã học để thực hành thiết kế xuất bản phẩm nhân một sự kiện của đất nước, địa phương.

b) Nội dung

– GV hướng dẫn gợi ý một số chủ đề về các sự kiện của đất nước, địa phương như chính trị, văn hoá xã hội, chủ đề về bảo vệ môi trường, hay bảo tồn phát huy những giá trị truyền thống,…

– HS xây dựng ý tưởng, thực hành lựa chọn và sắp xếp các yếu tố tạo hình trên xuất bản phẩm.

c) Sản phẩm

– Một xuất bản phẩm với các sự kiện tự chọn.

– HS viết được lời bình cho sản phẩm mình thiết kế.

d) Tổ chức thực hiện

– GV phân tích một số mẫu xuất bản phẩm đẹp của học sinh, chuyên gia.

– GV gợi ý một số phương pháp bố cục hình ảnh với chữ.

– GV gợi ý vật liệu để thực hành như: giấy màu, màu nước, màu sáp, màu dạ, bột màu, màu goát, bút lông, bút chì,...

– HS làm phác thảo tại chỗ trên khổ giấy A3, A4 sau đó về nhà thực hiện.

Lưu ý:

– Phần thiết kế của HS phải đa dạng gồm nhiều bố cục khác nhau.

– Phần nhận xét của GV trên cơ sở bám sát nội dung bài học.

– Nhận xét mang tính xây dựng, gợi mở, hướng đến những kĩ năng, nhận biết tri thức, tìm, chỉ ra những điểm mạnh của từng bản thiết kế của HS. Tránh những nhận xét mang tính triệt tiêu sự ham thích tìm hiểu của HS.

BÀI 2: THIẾT KẾ BÌA SÁCH

(Thời gian tổ chức: 10 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Phân biệt được đặc điểm thiết kế bìa sách và thiết kế logo.

– Biết được vai trò của hoạ sĩ thiết kế bìa sách trong thiết kế xuất bản phẩm.

– Biết vận dụng ngôn ngữ tạo hình để thể hiện được ý tưởng nội dung ở bìa sách.

– Biết phương pháp, thực hiện phác thảo và hoàn thiện thiết kế bìa một cuốn sách yêu thích.

2. Năng lực

– Vận dụng được kiến thức đã học và ứng dụng trong đời sống bằng cách phác thảo thiết kế một bìa sách yêu thích.

– Biết được kết cấu của một cuốn sách.

– Biết phương pháp tiến hành thiết kế một bìa sách.

– Biết được các yếu tố đồ hoạ trong thiết kế bìa sách.

– Biết xác định được thể loại sách và có ý tưởng để thể hiện.

– Biết nhận xét, trao đổi về sản phẩm chung của nhóm qua mỗi phần thực hành.

– Bước đầu biết sử dụng phần mềm đồ hoạ cơ bản để thiết kế bìa sách yêu thích.

3. Phẩm chất

– Biết nhận định và lựa chọn một sản phẩm bìa sách được thiết kế đẹp trong cuộc sống hằng ngày.

– HS hiểu, yêu thích thiết kế bìa sách và có định hướng nghề nghiệp với ngành Thiết kế đồ hoạ.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

– SGV.

– Một số sản phẩm thiết kế của HS, của chuyên gia,…

– Các tư liệu hình ảnh thiết kế bìa sách từ Internet, sách sưu tầm,…

– Máy chiếu (nếu có).

– Máy tính hoặc máy tính bảng (nếu có).

– Máy ảnh, điện thoại chụp được ảnh hoặc máy scan (nếu có).

– Máy in (nếu có).

2. Đối với học sinh

– SGK.

– Giấy vẽ A3, bút chì, màu nước, màu dạ, màu sáp, bột màu, màu goát, giấy màu, thước, tẩy,…

– Lưu ý về chuẩn bị:

Đối với nội dung cần thuyết trình

+ Mỗi nhóm chuẩn bị từ 5 – 10 mẫu bìa sách theo chủ đề nhóm chọn để minh hoạ đính kèm với bài thuyết trình.

+ Mỗi nhóm chuẩn bị tài liệu và tìm hiểu những thông tin liên quan đến thiết kế bìa sách cùng thảo luận để đặt câu hỏi cần làm rõ đối với các nhóm khác.

+ Mỗi nhóm cử 01 thành viên đại diện lên thuyết trình, 02 thành viên ghi câu hỏi của các nhóm khác để thảo luận, trả lời. Bên cạnh việc cùng tham gia chuẩn bị cho chủ đề của nhóm mình, những thành viên còn lại có trách nhiệm tìm hiểu thông tin những chủ đề khác và đặt câu hỏi.

+ Mỗi nhóm có thời gian trình bày 5 phút và có 10 phút để thảo luận, trả lời câu hỏi.

+ Việc chuẩn bị sẽ theo hai hình thức:

• Đối với nhà trường có đủ điều kiện phương tiện dạy học, phòng học chuyên môn: GV chuẩn bị bài giảng theo hình thức PowerPoint.

• Đối với nhà trường chưa trang bị được phương tiện dạy học và chưa có phòng học chuyên môn: GV chuẩn bị bài trình bày trên giấy khổ A0.

Đối với nội dung cần thực hành

+ Mỗi nhóm lựa chọn chủ đề để thiết kế. Các thành viên trong nhóm xây dựng ý tưởng và cách thức để tiến hành thực hiện ý tưởng đã đề ra.

+ Chuẩn bị đồ dùng học tập: Bột màu, màu goat, màu nước, bút dạ, bút chì, giấy màu, giấy vẽ A3, A4,...

+ Các mẫu chữ khác nhau, khai thác từ Internet, sách,…

+ Các nội dung cuốn sách muốn thiết kế, bản tóm tắt nội dung cốt truyện.

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khám phá

a) Mục tiêu

HS biết và hiểu về lĩnh vực thiết kế sách.

b) Nội dung

GV tổ chức cho HS tìm hiểu và thuyết trình khái quát về lĩnh vực thiết kế bìa sách.

c) Sản phẩm

Bài thuyết trình.

d) Tổ chức thực hiện

– Đối với GV:

+ Tổ chức và định hướng tư liệu để HS viết thuyết trình, các thông tin liên quan đến bài giảng, nguồn từ Internet, sách,… Lựa chọn (phân công) chia nhóm chọn chủ đề viết:

• Nhóm 1: Vai trò của hoạ sĩ thiết kế bìa sách trong thiết kế xuất bản phẩm và những giá trị thẩm mĩ, kinh tế mang lại cho xã hội.

• Nhóm 2: Một số dạng bố cục thường gặp trong các thiết kế bìa sách.

+ Quan sát việc tham gia hoạt động học trên lớp của HS:

• Sự tham gia của mỗi thành viên trong nhóm.

• Sự tham gia của HS trong lớp.

• Sự tích cực đặt câu hỏi, trả lời trong phần thảo luận.

– Đối với HS:

+ Sưu tầm một số dạng thiết kế bìa sách, quan sát và đưa ra nhận xét khi bạn trình bày.

+ Điều gì tạo nên ấn tượng cho sản phẩm thiết kế bìa sách này?

+ Phân tích sự độc đáo trong thiết kế bìa sách.

+ Chuẩn bị các hình ảnh minh hoạ liên quan đến bài viết.

– Căn cứ vào phần trình bày của các nhóm, GV đưa ra kết luận ở từng nội dung và nhấn mạnh đến vai trò của hoạ sĩ thiết kế bìa sách trong thiết kế xuất bản phẩm, tính thẩm mĩ trong thiết kế bìa sách.

2. Hoạt động 2: Nhận biết

a) Mục tiêu

– Hiểu được cấu trúc, thông tin của một bìa sách.

– Hiểu được công việc và vai trò của hoạ sĩ thiết kế bìa sách trong thiết kế xuất bản phẩm.

– Những yếu tố tạo hình cơ bản trong thiết kế bìa sách (hình ảnh được vẽ tay, vẽ trên máy vi tính, ảnh chụp,…), nắm bắt tính chất và vận dụng được hiệu quả thẩm mĩ của các yếu tố đó.

b) Nội dung

– Một số dạng bố cục thường gặp trong thiết kế bìa sách.

– Các bước gợi ý trong thiết kế bìa sách.

– Phân tích được đặc điểm hình dáng của chữ, tính biểu cảm của từng kiểu chữ, hiệu quả của chữ trên các bìa sách.

– Hiệu quả tạo hình của đường nét, màu sắc, hình khối, đặc biệt kiểu chữ đem lại trong các thiết kế bìa sách.

c) Sản phẩm

Bản vẽ phác thảo, thiết kế bìa 1 và bìa 4 của một cuốn sách đã xuất bản hoặc thiết kế bìa sách mới theo kiến thức, kĩ năng đã học.

d) Tổ chức thực hiện

Thông tin của bìa sách

Đây là nội dung bắt buộc theo Luật Xuất bản nên GV yêu cầu HS nắm chắc để chủ động xây dựng bố cục bìa sách.

Một số dạng bố cục thường gặp trong thiết kế bìa sách

– GV cho HS tìm hiểu một số dạng bố cục thường gặp trong thiết kế bìa sách như: bố cục đối xứng, bố cục bất đối xứng.

– GV có thể cho HS phác thảo tìm bố cục theo dạng bố cục yêu thích trên giấy khổ A4.

Một số cách sắp xếp bố cục trong thiết kế bìa sách

– GV cho HS tìm hiểu một số cách sắp xếp bố cục trong thiết kế bìa sách như: hình là chính, chữ là phụ; chữ là chính, hình là phụ; chỉ có chữ; hình và chữ kết hợp hài hoà.

– Trong mỗi cách sắp xếp này, GV cho HS làm các bài tập nhỏ giúp HS làm quen và tự lựa chọn cho mình cách xây dựng bố cục thiết kế bìa sách phù hợp.

Các bước gợi ý thiết kế bìa sách

– GV cho HS tìm hiểu ba bước cơ bản thiết kế bìa sách trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế đồ hoạ*, trang 19 – 21. Ở mỗi bước, GV cùng HS phân tích để biết, hiểu và có thể vận dụng trong phần thực hành của mình.

– Ở mỗi bước, GV cũng có thể mời HS thực hành và qua đó chốt lại những ý chính nhằm khắc sâu kiến thức, kĩ năng về thiết kế bìa sách cho HS.

Một số bước gợi ý trong thiết kế bìa sách

– Qua năm ví dụ trực quan ở mỗi dạng bố cục khác nhau trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế đồ hoạ*, trang 22 – 27, GV cùng HS phân tích nhằm giúp HS đa dạng trong lựa chọn hình thức thể hiện thiết kế bìa sách.

– GV lưu ý HS một số nội dung trong thiết kế bìa sách:

+ Hình ảnh minh hoạ trên bìa sách có phản ánh được nội dung tinh thần của cuốn sách không?

+ Các thủ pháp đồ hoạ tác giả sử dụng trong thiết kế là gì? (ảnh chụp, đường nét, chấm mảng hay kiểu chữ là chính).

+ Hiệu quả của việc sử dụng hình ảnh minh hoạ trên bìa sách như thế nào? (màu sắc, đường nét, kiểu chữ)? Kiểu chữ và hình ảnh minh hoạ có phù hợp với nội dung của cuốn sách không?

Thủ pháp tạo hình trong thiết kế bìa sách

– Nội dung này có tính tổng hợp trước khi HS thực hành nên GV căn cứ theo hình minh hoạ trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế đồ hoạ,* trang 28 để phân tích HS một số thủ pháp tạo hình.

– Nội dung này cung cấp thêm cho HS những giải pháp trong thiết kế bìa sách ở phần thực hành tiếp theo.

– GV có thể lồng ghép nội dung *Em có biết* trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế đồ hoạ,* trang 29 để lưu ý HS những điều cần tránh khi thiết kế bìa sách.

– Khi HS đã nắm được và thực hành những bài tập nhỏ liên quan đến kiến thức, kĩ năng trong thiết kế bìa sách, GV cho HS thực hiện câu lệnh SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế đồ hoạ,* trang 28.

– Khi HS thực hành, GV quan sát việc tham gia hoạt động học trên lớp của HS:

+ *Sự tham gia của mỗi thành viên trong nhóm.*

+ *Sự tham gia của HS trong lớp.*

+ *Chất lượng bản vẽ phác thảo.*

– GV cũng có thể đưa ra một số gợi ý đối với HS khó khăn trong thiết kế bìa sách như:

+ *Lựa chọn kiểu chữ (tính dễ đọc, tính thẩm mĩ, tính biểu cảm).*

+ *Kiểu chữ có ăn nhập với chủ đề hay không?*

+ *Sự sắp xếp chữ trong bố cục có cân đối, hài hoà với hình ảnh minh hoạ không?*

+ *Màu sắc, hình ảnh minh hoạ có phù hợp với nội dung sách không? Có phản ánh được nội dung bên trong cuốn sách không?*

– Căn cứ vào kết quả sản phẩm thiết kế của HS, GV nhận xét theo một số nội dung sau:

+ *Tỉ lệ bố cục, màu sắc, hình ảnh với nghệ thuật chữ cân đối, hài hoà.*

+ *Kết hợp kiểu chữ, cỡ chữ phù hợp với hình ảnh.*

+ *Lựa chọn được hình ảnh điển hình phản ánh được nội dung cuốn sách.*

3. Hoạt động 3: Thảo luận

a) Mục tiêu

Củng cố những kiến thức đã hình thành ở hoạt động Khám phá, Nhận biết.

b) Nội dung

GV tổ chức cho HS trao đổi theo bài thực hành ở hoạt động Nhận biết.

c) Sản phẩm

Nhận biết cơ bản về thiết kế bìa sách.

d) Tổ chức thực hiện

– GV cho HS trưng bày bìa sách đã thiết kế ở hoạt động Nhận biết và trao đổi theo một số gợi ý trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế đồ hoạ*, trang 29.

– GV có thể đưa thêm một số câu hỏi gợi ý để củng cố kiến thức, kĩ năng trong bài học:

+ Thiết kế bìa sách có thể hiện đặc trưng nội dung của cuốn sách không?

+ Các thông tin trên bìa sách có đầy đủ không? (tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản,...).

+ Mối quan hệ giữa hình và chữ trong thiết kế bìa sách thế nào? Có tạo ấn tượng và thể hiện rõ ràng thông tin về cuốn sách không?

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

HS có thể vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để thực hiện thiết kế một bìa sách yêu thích từ vật liệu sẵn có (bìa, vải dạ, giấy màu,...).

b) Nội dung

GV hướng dẫn HS thực hành lựa chọn vật liệu và sắp xếp các yếu tố tạo hình thiết kế một bìa sách theo thứ tự thông tin đã được học từ những hoạt động trước.

c) Sản phẩm

– Thiết kế một bìa sách yêu thích từ các vật liệu sẵn có.

– HS viết được lời bình cho sản phẩm mình thiết kế:

+ Chất liệu và kĩ thuật gia công có phù hợp với thiết kế bìa sách không?

+ Thiết kế bìa sách có thể hiện được đặc trưng nội dung của cuốn sách không?

+ Ý tưởng về cách sắp xếp bố cục như thế nào?

d) Tổ chức thực hiện

– GV phân tích một số mẫu bìa sách có thiết kế độc đáo, mới lạ (trổ giấy, sách vải, sách Pop-up,...) trên thế giới và Việt Nam.

– Gợi ý một số phương pháp bố cục, nghệ thuật thiết kế chữ và nghệ thuật sử dụng hình ảnh minh hoạ trên bìa sách, các thiết kế cấu trúc đóng mở sách mới lạ.

– Vật liệu để thực hành: Giấy màu, bìa cứng, vải dạ, các loại vải khác, màu nước, màu sáp, màu dạ, bột màu, màu goat, bút lông, bút chì, kéo, keo dán.

– HS làm phác thảo tại chỗ trên khổ giấy A3, A4 sau đó về nhà thực hiện.

Lưu ý:

– Phần thiết kế của HS phải đa dạng gồm nhiều bố cục khác nhau.

– Phần nhận xét của GV trên cơ sở bám sát nội dung bài học. Nhận xét mang tính xây dựng, gợi mở hướng đến những kĩ năng, nhận biết tri thức, tìm, chỉ ra những điểm mạnh của từng bản thiết kế của HS.

BÀI 1: KHÁI QUÁT VỀ THIẾT KẾ PHỤ KIỆN THỜI TRANG

(Thời gian thực hiện: 6 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Giới thiệu dấu mốc, lịch sử hình thành của lĩnh vực thiết kế phụ kiện thời trang.

– Phân loại được các loại phụ kiện thời trang.

– Biết được đặc điểm của một số lĩnh vực thiết kế phụ kiện thời trang thông qua một số kiến thức cơ bản.

2. Năng lực

– Nhận biết được đặc điểm và lịch sử hình thành của lĩnh vự thiết kế phụ kiện thời trang thông qua những kiến thức cơ bản về phụ kiện thời trang.

– Xác định được tên gọi và nhận biết các loại trong lĩnh vực thiết kế phụ kiện thời trang .

– Nhận xét, đánh giá được mối quan hệ của phụ kiện thời trang và trang phục trong cuộc sống.

3. Phẩm chất

– Hình thành khái niệm và nhận thức thẩm mĩ về thiết kế phụ kiện thời trang.

– Quan sát, phân tích, đánh giá hiệu quả thẩm mĩ của thiết kế phụ kiện thời trang.

– Hình thành khả năng nhận thức thẩm mĩ và yêu thích, định hướng nghề nghiệp với lĩnh vực thiết kế phụ kiện thời trang.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

– SGV.

– Sưu tầm tư liệu trực quan cho bài giảng (một số hình ảnh thời trang, tạp chí thời trang, sách thời trang, nguồn internet,…).

– Máy chiếu (nếu có).

– Bài giảng theo định dạng file PowerPoint/ Tư liệu bài giảng trên bảng A0.

2. Đối với học sinh

– SGK.

– Bài thuyết trình.

– Ảnh tư liệu về sản phẩm phụ kiện thời trang đã sưu tầm.

– Chuẩn bị dụng cụ học tập.

– Lưu ý về chuẩn bị phần thuyết trình:

+ Mỗi nhóm chuẩn bị tài liệu, bài trình bày về nội dung được giao và tìm hiểu những thông tin liên quan đến những nội dung khác để đặt câu hỏi cần làm rõ với các nhóm khác.

+ Mỗi nhóm cử 01 thành viên lên thuyết trình, 02 thành viên ghi câu hỏi của các nhóm khác để thảo luận, trả lời. Bên cạnh việc cùng tham gia chuẩn bị cho chủ đề của nhóm mình, những thành viên còn lại có trách nhiệm tìm hiểu thông tin những chủ đề của nhóm khác và đặt câu hỏi.

+ Mỗi nhóm có thời gian trình bày từ 5 – 8 phút để thảo luận và trả lời câu hỏi.

+ Việc chuẩn bị sẽ theo hai hình thức:

• Đối với nhà trường có điều kiện, phương tiện dạy học, phòng học chuyên môn: HS trình bày bài thuyết trình theo hình thức PowerPoint.

• Đối với nhà trường chưa trang bị phòng học chuyên môn (chưa có máy chiếu): HS chuẩn bị trình bày trên khổ giấy A0, đứng thuyết trình trước lớp.

– Lưu ý về chuẩn bị đối với nội dung cần thực hành:

+ HS tìm hiểu cách vẽ thiết kế của cá nhân/ nhóm.

+ HS chuẩn bị giấy vẽ, bút chì, màu,…

+ Mỗi cá nhân lựa chọn loại phụ kiện để lên ý tưởng và cách thức để tiến hành thực hiện ý tưởng đã đề ra.

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khám phá

a) Mục tiêu

– HS biết được mốc thời gian gắn với sự ra đời và hình thành của ngành thiết kế phụ kiện thời trang trên thế giới cũng như ở Việt Nam.

– Có nhận biết ban đầu về thiết kế phụ kiện thời trang, nắm được sự đa dạng của phụ kiện thời trang trong cuộc sống.

b) Nội dung

GV tổ chức cho HS tìm hiểu và sưu tầm hình ảnh và thuyết trình một số nội dung về sự ra đời, lịch sử hình thành và phát triển của ngành thiết kế phụ kiện thời trang.

c) Sản phẩm

Bài thuyết trình.

d) Tổ chức thực hiện

– GV: Khởi động máy chiếu (hoặc giá treo giấy A0). Lựa chọn (phân công) thứ tự nhóm lên trình bày.

– GV: Quan sát việc tham gia hoạt động học trên lớp của HS:

+ Chuẩn bị bài thuyết trình của mỗi nhóm.

+ Sự tham gia của mỗi thành viên trong nhóm.

+ Sự tham gia của HS trong lớp.

+ Sự tích cực đặt câu hỏi, trả lời trong phần thảo luận.

– HS:

+ Nhóm 1: Trình bày về nội dung "Vẻ đẹp của phụ kiện thời trang thế giới trong giai đoạn lịch sử mà em biết".

+ Nhóm 2: Trình bày về nội dung "Vẻ đẹp của phụ kiện thời trang Việt Nam trong giai đoạn lịch sử mà em biết".

Lưu ý:

– Việc trình bày có phần tư liệu ảnh sưu tầm của nhóm.

– Một số gợi ý trong triển khai nội dung bài thuyết trình: Vẻ đẹp của phụ kiện thời trang Việt Nam trong giai đoạn lịch sử mà em biết:

+ Bối cảnh ra đời.

+ Thời điểm xuất hiện.

+ Những phụ kiện thời trang tiêu biểu.

– GV: Căn cứ vào phần trình bày của các nhóm, đưa ra kết luận ở từng nội dung:

+ Nhấn mạnh đến sự xuất hiện và đa dạng phụ kiện thời trang. Đây là loại hình mĩ thuật ứng dụng, đóng vai trò quan trọng trong đời sống.

+ Phân tích trực tiếp trên từng phụ kiện thời trang cụ thể để thấy đây là loại hình mĩ thuật ứng dụng cao, đóng vai trò quan trọng trong đời sống.

+ Khi phân tích xong, GV kiểm tra lại hiểu biết của HS, yêu cầu HS trao đổi, tìm hình ảnh giới thiệu lại những hiểu biết của bản thân/ nhóm về phụ kiện thời trang.

Lưu ý: Phần nội dung biên soạn trong SGK có tính định hướng, giúp HS tìm kiếm thông tin liên quan nhằm phát triển năng lực tự học của HS.

2. Hoạt động 2: Nhận biết

a) Mục tiêu

– Biết được đặc điểm của thiết kế phụ kiện thời trang thông qua các khái niệm.

– Biết được chức năng cơ bản của phụ kiện thời trang.

– Phân loại được một số lĩnh vực phụ kiện thời trang cơ bản.

b) Nội dung

– GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm tìm hiểu, thuyết trình về các nội dung liên quan.

– GV cho HS thực hành phần nhiệm vụ học tập liên quan.

c) Sản phẩm

Bài thuyết trình có sưu tầm hình ảnh.

d) Tổ chức thực hiện

Phụ kiện thời trang là gì? Chức năng cơ bản của phụ kiện thời trang. Phân loại phụ kiện thời trang. Đặc điểm của phụ kiện thời trang

– GV: Tổ chức cho HS trình bày phần chuẩn bị liên quan đến phụ kiện thời trang thông qua sưu tầm tư liệu hình ảnh, giúp HS có kiến thức ban đầu liên quan đến lĩnh vực này.

– GV: Quan sát việc tham gia hoạt động học trên lớp của HS:

+ *Chuẩn bị bài thuyết trình của mỗi nhóm.*

+ *Sự tham gia của mỗi thành viên trong nhóm.*

+ *Sự tham gia của HS trong lớp.*

+ *Sự tích cực đặt câu hỏi, trả lời trong phần thảo luận.*

– HS:

+ *Nhóm 1: Phụ kiện thời trang là gì?*

+ *Nhóm 2: Trình bày về chức năng cơ bản của phụ kiện thời trang.*

+ *Nhóm 3: Trình bày về phân loại phụ kiện thời trang.*

+ *Nhóm 4: Trình bày về đặc điểm của phụ kiện thời trang.*

Lưu ý:

– Điểm cộng cho phần trình bày chính là mỗi nhóm có phần phân tích tư liệu ảnh sưu tầm: sử dụng kiến thức trong SGK để tìm hiểu, làm rõ những vấn đề nêu trên qua những hình ảnh này.

– Trong phần nhận xét có lồng ghép việc trả lời câu hỏi ở phần này trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế thời trang*, trang 8, 11, 12.

– Phần thuyết trình của HS có thể gồm các ý, cũng có thể chỉ cần khai thác sâu vào một nội dung (căn cứ điều kiện và cơ sở vật chất của nhà trường).

– Phần nhận xét của GV trên cơ sở bám sát nội dung bài thuyết trình, làm rõ các nguồn trích dẫn và tính xác thực của thông tin (nhất là đối với mốc thời gian). Nhận xét mang tính xây dựng, hướng đến những kĩ năng, cách thức tìm đến, nhận biết tri thức.

– GV: Căn cứ vào phần trình bày của các nhóm, đưa ra kết luận ở từng nội dung và nhấn mạnh đến chức năng của phụ kiện thời trang, phân loại phụ kiện thời trang đó là: không chỉ mang tính ứng dụng, phù hợp với từng mục đích sử dụng mà phụ kiện thời trang còn giữ vai trò làm đẹp cho con người, thể hiện thông tin và vị trí trong xã hội.

– Trên cơ sở phần trình bày của HS, GV cho HS thực hành các bài tập nhỏ theo câu lệnh trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế thời trang*, trang 8, 10.

Một số lĩnh vực thiết kế phụ kiện thời trang

Tổ chức theo hai hình thức:

(1) Phương án 1:

– Đối với phần thuyết trình:

GV giao cho mỗi nhóm, theo hình thức bốc thăm, tìm hiểu và trình bày về một lĩnh vực thiết kế phụ kiện thời trang. Phần trình bày ở mỗi nhóm, ngoài kiến thức liên quan, mỗi nhóm sưu tầm hình ảnh theo lĩnh vực đó để làm tư liệu minh hoạ.

– Đối với phần thực hành:

+ Căn cứ theo số lượng HS thực tế, GV chia nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm thực hành theo yêu cầu:

- *Phác thảo các phương án thiết kế giày.*
- *Phác thảo mẫu túi sách.*
- *Phác thảo mũ đội đầu.*
- *Phác thảo những loại phụ kiện thời trang khác.*

+ Các nhóm HS lựa chọn đề tài và thực hiện phác thảo dưới sự hướng dẫn của GV và kiến thức có trong SGK.

+ GV cho HS lên bảng phân tích, trình bày về sản phẩm của nhóm mình thiết kế.

+ Căn cứ vào kết quả sản phẩm thiết kế của HS, GV nhận xét, phân tích theo những nội dung sau:

- *Lựa chọn kiểu dáng đã phù hợp hay chưa?*
- *Có đảm bảo được tính ứng dụng của sản phẩm hay không?*
- *Hình thức trang trí đã phù hợp hay chưa?*

(2) Phương án 2:

– GV cho mỗi nhóm lựa chọn một lĩnh vực thiết kế phụ kiện thời trang như: thiết kế giày, thiết kế túi xách,… và thực hiện theo phương án 1.

– GV: Căn cứ vào phần trình bày của các nhóm, đưa ra kết luận ở từng nội dung và nhấn mạnh đến: lĩnh vực trong thiết kế phụ kiện thời trang đều mang một ý nghĩa và mục đích khác nhau. Do đó, việc xác định mục đích thiết kế sẽ giúp cho người thiết kế lựa chọn đúng lĩnh vực, qua đó có thể đạt được hiệu quả tốt nhất cho mỗi sản phẩm thiết kế.

– Trong phần trình bày, GV lưu ý đến quan điểm riêng của mỗi nhóm bởi điều này thể hiện nhận thức của HS đối với lĩnh vực thiết kế phụ kiện thời trang.

Mĩ thuật 11 Căn cứ theo nội dung trình bày của HS, GV cho HS thực hành theo câu lệnh trong SGK – *Thiết kế thời trang*, trang 13 – 18. Đây là những bài tập giúp HS rèn luyện kĩ năng trong phần này.

3. Hoạt động 3: Thảo luận

a) Mục tiêu

– Củng cố nhận biết công năng của phụ kiện thời trang.

– Củng cố kiến thức cơ bản về các loại phụ kiện thời trang.

b) Nội dung

GV tổ chức cho HS tìm hiểu, trao đổi theo một số nội dung trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế thời trang*, trang 21.

c) Sản phẩm

Nhận thức có hệ thống về thiết kế phụ kiện thời trang.

d) Tổ chức thực hiện

– Để trao đổi tốt về nội dung ở hoạt động này, GV giao mỗi nhóm chuẩn bị theo một số gợi ý từng nội dung thảo luận trên cơ sở căn cứ vào SPMT thiết kế phụ kiện thời trang HS đã thực hiện và hình ảnh tư liệu sưu tầm trước khi đến lớp như: giày, túi xách, mũ,... Khi trả lời, HS trình bày trực tiếp trên SPMT của cá nhân hoặc nhóm và phân tích các yếu tố sau:

+ Hãy nêu những công năng sản phẩm phụ kiện thời trang mang lại.

+ Công năng chính của phụ kiện là gì?

+ Phụ kiện thời trang cơ bản có bao nhiêu loại?

+ Hình thức và chức năng của các sản phẩm phụ kiện có đáp ứng nhu cầu của người sử dụng không? Vì sao?

+ Vai trò của phụ kiện với thời trang là gì?

- *Hoàn thiện tính năng sử dụng cho trang phục?*
- *Tăng giá trị thẩm mĩ, tạo điểm nhấn cho trang phục?*
- *Hoàn thiện cá tính, phong cách cho trang phục?*

– Khi HS trình bày, GV tóm lược lại ý kiến và bổ sung (nếu cần thiết) để có tính định hướng, làm rõ hơn nội dung thảo luận trên cơ sở những SPMT thiết kế phụ kiện thời trang do HS thực hành ở hoạt động Nhận biết.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

HS sử dụng kiến thức về thiết kế phụ kiện thời trang đã học để gợi ý hình thành ý tưởng phác thảo về một sản phẩm túi xách mà mình yêu thích.

b) Nội dung

Lên ý tưởng vẽ phác thảo mẫu túi xách trên cơ sở kiến thức, kĩ năng về thời trang đã có.

c) Sản phẩm

Mẫu vẽ phác thảo túi xách.

d) Tổ chức thực hiện

– GV hướng dẫn HS lựa chọn ý tưởng có sẵn trong cuộc sống để thể hiện cảm thụ thẩm mĩ, gợi ý hình thành ý tưởng thiết kế cho một sản phẩm phụ kiện túi xách theo những tiêu chí sau:

+ Túi xách dành cho đối tượng nào? (Giới tính, lứa tuổi,...)

+ Túi có kiểu dáng như thế nào? Sử dụng vào mục đích gì? (Đi học, đi chơi,...)

+ Sử dụng màu sắc nào trong thiết kế túi xách?

– Trong phần thực hành này, GV lưu ý HS:

+ Sử dụng kiến thức đã có để thực hiện.

+ Trong quá trình thực hành, ghi lại những khó khăn hoặc điều chưa hiểu để trao đổi trong các nội dung tiếp theo.

+ Việc thực hành này không đánh giá về năng lực mà có mục đích HS bộc lộ những vấn đề trong thực tế thực hành sản phẩm thời trang sẽ gặp phải, từ đó sẽ làm rõ trong các nội dung ở các bài tiếp theo.

Các thầy, cô thân mến!

Mục đích chính ở bài học này giúp HS làm quen với ngành thiết kế phụ kiện thời trang, từ chức năng, thể loại và vai trò của phụ kiện thời trang đối với cuộc sống một cách khái quát. Tính mở trong chủ đề này chính là nội dung biên soạn trong sách đã định hướng giúp HS yêu thích loại hình nghệ thuật này, chủ động tìm kiếm những thông tin liên quan.

Phần thực hành vẽ thiết kế ở bài học này là theo sự hiểu biết ban đầu của HS về phụ kiện thời trang nên nhiều sản phẩm còn chưa đạt yêu cầu. Tuy nhiên, đây là những dữ liệu để đối sánh khi HS thực hành vẽ thiết kế ở bài học sau và qua đó HS có những điều chỉnh về cách nghĩ, cũng như năng lực khi vẽ thiết kế.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 2: THIẾT KẾ MẪU PHỤ KIỆN THỜI TRANG BẰNG CÁC CHẤT LIỆU KHÁC NHAU

(Thời gian thực hiện: 10 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Biết được đặc điểm của các loại chất liệu cơ bản trong thiết kế phụ kiện thời trang.

– Hiểu được mối quan hệ của các yếu tố tạo hình tác động đến việc thiết kế như: đường nét, mảng, khối, bố cục hoạ tiết hoa văn, màu sắc, chất liệu.

– Nắm được các bước thiết kế phụ kiện thời trang bằng các chất liệu khác nhau.

2. Năng lực

– Nhận biết được vai trò các loại chất liệu vải cơ bản trong thiết kế phụ kiện thời trang.

– Có kiến thức cơ bản ban đầu về việc sử dụng các yếu tố như: đường nét, mảng, khối, màu sắc, bố cục hoạ tiết hoa văn phù hợp với đối tượng thiết kế.

– Thực hiện được các bước vẽ thiết kế và hoàn thiện sản phẩm phụ kiện thời trang bằng các chất liệu khác nhau.

3. Phẩm chất

– Hình thành khả năng tìm tòi, sáng tạo trong quá trình thực hành.

– Có thêm tình yêu với lĩnh vực thiết kế phụ kiện thời trang khi tự mình thiết kế và hoàn thiện những sản phẩm phụ kiện thời trang đúng với ý tưởng.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

– SGV.

– Một số thiết kế chụp của HS, của các nhà thiết kế,…

– Máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

– SGK.

– Bài thuyết trình, sưu tầm hình ảnh.

– Chuẩn bị dụng cụ vẽ để thực hành thiết kế phụ kiện đơn giản.

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khám phá

a) Mục tiêu

– HS nhận biết được một số loại chất liệu cơ bản trong phụ kiện thời trang.

– Hiểu được tính ứng dụng của mỗi loại chất liệu cho các sản phẩm phụ kiện thời trang phù hợp.

b) Nội dung

GV tổ chức cho HS quan sát hình ảnh, tìm hiểu và đặt câu hỏi để làm rõ tính chất của các loại chất liệu:

– Chức năng của một số loại chất liệu cơ bản.

– Ứng dụng của các chất liệu cho từng loại phụ kiện thời trang.

c) Sản phẩm

Nhận biết và thuyết trình hiểu biết về nội dung theo yêu cầu.

d) Tổ chức thực hiện

– GV trình chiếu, giới thiệu một số loại chất liệu cơ bản khác nhau trong thiết kế phụ kiện thời trang.

– GV cho HS quan sát, tìm hiểu và đặt câu hỏi. Với mỗi hình ảnh minh hoạ, GV mời HS nhận xét để làm rõ:

+ *Tính chất, chức năng của các loại chất liệu.*

+ *Phân tích sự khác nhau giữa các loại chất liệu.*

+ *Mỗi loại chất liệu có khả năng ứng dụng cho loại phụ kiện thời trang nào?*

– HS căn cứ vào kiến thức đã học để trả lời.

– Căn cứ ý kiến của HS, GV chốt ý: Trong thiết kế phụ kiện thời trang có nhiều loại chất liệu khác nhau, sự đa dạng của mỗi loại chất liệu sẽ phù hợp với tính chất của từng loại phụ kiện thời trang cụ thể. Đây cũng là những chất liệu dùng để thực hành, quan sát làm rõ trong hoạt động 2: Nhận biết.

2. Hoạt động 2: Nhận biết

a) Mục tiêu

– HS nắm bắt được các yếu tố tác động đến việc vẽ thiết kế thời trang như: hình khối, đường nét, màu sắc, bố cục,...

– Nắm được các bước thiết kế phụ kiện thời trang bằng các chất liệu khác nhau.

b) Nội dung

GV tổ chức cho HS tìm hiểu và thực hành về các nội dung liên quan.

c) Sản phẩm

Sản phẩm phụ kiện thời trang.

d) Tổ chức thực hiện

Mối quan hệ của các yếu tố tạo hình trong thiết kế phụ kiện thời trang

(1) Đối với phần thuyết trình:

– GV chia HS thành các nhóm, giao cho mỗi nhóm tìm hiểu và trình bày về một yếu tố tạo hình trong thiết kế phụ kiện thời trang.

– HS trao đổi, thảo luận theo từng nhóm và thuyết trình về nội dung của nhóm mình:

+ Nhóm 1: Thuyết trình về mối quan hệ của yếu tố đường nét, hình khối, mảng trong thiết kế kiểu dáng cho một sản phẩm phụ kiện thời trang.

+ Nhóm 2: Thuyết trình về mối quan hệ của yếu tố bố cục trang trí hoạ tiết – hoa văn, màu sắc trong thiết kế kiểu dáng cho một sản phẩm phụ kiện thời trang.

+ Nhóm 3: Thuyết trình về mối quan hệ của yếu tố chất liệu trong thiết kế kiểu dáng cho một sản phẩm phụ kiện thời trang.

– Phần trình bày ở mỗi nhóm, ngoài kiến thức liên quan, mỗi nhóm sưu tầm hình ảnh theo lĩnh vực đó để làm tư liệu minh hoạ.

– Các nhóm HS nhận xét phần thuyết trình của nhau để làm rõ liên kết giữa các yếu tố tạo hình trong thiết kế phụ kiện thời trang. Sau đó GV chốt ý và nhấn mạnh lại kiến thức.

(2) Đối với phần thực hành:

– Căn cứ theo số lượng HS thực tế, GV chia nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm thực hành theo yêu cầu:

+ Sử dụng yếu tố mĩ thuật đường nét, mảng khối để vẽ phác thảo một sản phẩm mĩ thuật phụ kiện thời trang.

+ Sử dụng yếu tố mĩ thuật bố cục, trang trí hoa văn hoạ tiết và lên màu cho sản phẩm mĩ thuật phụ kiện thời trang mà nhóm vừa vẽ thiết kế.

+ Dự kiến tìm loại chất liệu phù hợp với sản phẩm mĩ thuật phụ kiện thời trang mà nhóm vừa vẽ thiết kế.

– Các nhóm HS lựa chọn đề tài và thực hiện phác thảo dưới sự hướng dẫn của GV và kiến thức có trong SGK.

– GV cho HS lên bảng phân tích, trình bày về sản phẩm của nhóm mình thiết kế.

– Căn cứ vào kết quả sản phẩm thiết kế của HS, GV nhận xét, phân tích theo những nội dung sau:

+ Lựa chọn kiểu dáng đã phù hợp với loại phụ kiện thời trang hay chưa?

+ Có đảm bảo được tính ứng dụng của sản phẩm hay không?

+ Hình thức trang trí hoạ tiết – hoa văn và màu sắc đã phù hợp hay chưa?

– Sau khi trình bày, GV cho HS thực hiện các câu lệnh thực hành trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế thời trang*, trang 28 – 30.

Các bước thiết kế phụ kiện thời trang bằng các chất liệu khác nhau

– Lựa chọn đối tượng và loại phụ kiện thời trang: GV cho HS xem SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế thời trang*, trang 31, trong đó phân tích làm rõ:

+ Lựa chọn đối tượng: nam/ nữ.

+ Lựa chọn loại phụ kiện thời trang: túi xách, giày dép,...

– Xây dựng ý tưởng thiết kế: GV cho HS xem SGK, trang 31 và quan sát cách hình thành ý tưởng, trong đó phân tích làm rõ:

+ Ý tưởng là căn cứ ban đầu để định hình thiết kế về sản phẩm phụ kiện thời trang.

+ Ý tưởng xuất hiện ở khắp mọi nơi trong cuộc sống (Ví dụ: thiết kế mẫu túi xách thời trang lấy ý tưởng từ cỏ cây, hoa lá,...).

– Vẽ phác thảo thiết kế: GV cho HS xem SGK trang 32 và quan sát các bước vẽ sử dụng các yếu tố tạo hình để tạo kiểu dáng cho sản phẩm, trong đó phân tích làm rõ:

+ Cách sử dụng đường nét, mảng, khối sao cho phù hợp với từng loại phụ kiện thời trang.

+ Lựa chọn hình thức trang trí hoạ tiết – hoa văn và lên màu phù hợp.

– Làm khuôn mẫu bằng giấy, bìa: GV cho HS xem SGK, trang 33 và quan sát các bước làm khuôn mẫu bằng giấy – bìa, trong đó phân tích làm rõ:

+ Đây là bước quan trọng giúp HS hình dung được sản phẩm mĩ thuật phụ kiện thời trang trong sản xuất thực tế.

+ Việc làm khuôn mẫu này sẽ giúp HS điều chỉnh được sự hài hoà, cân đối giữa các yếu tố của kiểu dáng và công năng sử dụng của sản phẩm.

– Lựa chọn chất liệu và hoàn thiện sản phẩm: GV cho HS xem SGK, trang 34, quan sát và sử dụng các kiến thức đã học để lựa chọn chất liệu cho SPMT phụ kiện thời trang, trong đó phân tích làm rõ:

+ Loại chất liệu lựa chọn có phù hợp với kiểu dáng của sản phẩm không?

+ Chất liệu lựa chọn có đảm bảo được công năng sử dụng của sản phẩm không?

Lưu ý:

– Ở một số trường cơ sở vật chất còn hạn chế, HS có điều kiện kinh tế hạn chế, GV hướng dẫn HS cách tận dụng chất liệu có sẵn trong tự nhiên hoặc tái chế từ các vật liệu sẵn có để thực hành thiết kế hoàn thiện SPMT.

– GV yêu cầu HS mô tả các bước và thực hành để có được hiểu biết về những thao tác cần thiết trong thực hành SPMT thiết kế phụ kiện thời trang bằng các chất liệu khác nhau.

– Sau phần tìm hiểu các bước thực hiện thiết kế, GV cho HS trao đổi về kết quả, trao đổi về cách hình thành ý tưởng, vận dụng các yếu tố tạo hình để thực hiện SPMT thiết kế phụ kiện thời trang theo khả năng và sự chuẩn bị vật liệu của bản thân.

– Sau phần hình thành kiến thức, kĩ năng mới liên quan đến bài học, trong quá trình HS thực hiện sản phẩm, GV quan sát, hỗ trợ giải đáp về kĩ thuật nhưng không can thiệp hay thực hiện thay HS.

3. Hoạt động 3: Thảo luận

a) Mục tiêu

– Củng cố kiến thức về một số yếu tố tạo hình như: đường nét, mảng, hình khối, bố cục trang trí hoạ tiết – hoa văn, màu sắc, chất liệu.

– Củng cố các bước vẽ thiết kế phụ kiện thời trang bằng các chất liệu khác nhau.

b) Nội dung

GV tổ chức cho HS trao đổi theo một số nội dung gợi ý trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế thời trang*, trang 37.

c) Sản phẩm

Nhận thức cơ bản về lĩnh vực thiết kế phụ kiện thời trang.

d) Tổ chức thực hiện

– Để trao đổi tốt về nội dung ở hoạt động này, GV giao mỗi nhóm chuẩn bị theo một số gợi ý của từng nội dung thảo luận trên cơ sở căn cứ vào SPMT thiết kế phụ kiện thời trang HS đã thực hiện. Khi trả lời, HS trình bày trực tiếp trên SPMT của cá nhân hoặc nhóm:

+ *Các chất liệu khác nhau trong thiết kế phụ kiện thời trang.*

+ *Yếu tố đường nét, mảng trên phụ kiện.*

+ *Yếu tố khối trên phụ kiện.*

+ *Yếu tố màu sắc và hoạ tiết trên phụ kiện.*

+ *Yếu tố chất liệu với phụ kiện.*

+ *Các bước thể hiện vẽ thiết kế trang phục.*

– Khi HS trình bày, GV tóm lược lại ý kiến và bổ sung (nếu cần thiết) để có tính định hướng, làm rõ hơn nội dung thảo luận trên cơ sở những SPMT thiết kế phụ kiện thời trang do HS thực hành ở hoạt động: Nhận biết.

– Ngoài những nội dung gợi ý trong SGK, GV có thể mở rộng yêu cầu, cho HS trao đổi về những nội dung khác liên quan.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

HS sử dụng kiến thức đã học để thực hành, sử dụng vật liệu sẵn có thiết kế phụ kiện thời trang bằng vật liệu sẵn có phù hợp với bộ quần áo yêu thích.

b) Nội dung

– GV hướng dẫn HS khai thác ý tưởng để thực hiện các bước thiết kế phụ kiện thời trang;

– HS lựa chọn ý tưởng gần gũi trong cuộc sống để thực hành sao cho truyền đạt được đúng ý đồ khi thực hiện bản vẽ thiết kế cũng như lựa chọn vật liệu sẵn có để thực hiện SPMT.

c) Sản phẩm

SPMT phụ kiện thời trang đơn giản sử dụng vật liệu sẵn có.

d) Tổ chức thực hiện

– GV chia lớp thành ba nhóm thực hành:

+ Nhóm 1: Lựa chọn ý tưởng từ thực vật để làm ý tưởng thiết kế phụ kiện thời trang. Trong nhóm này, mỗi thành viên lựa chọn loại thực vật mình yêu thích để thiết kế, cũng như tìm các loại vật liệu sẵn có phù hợp để đưa vào thiết kế.

+ Nhóm 2: Lựa chọn ý tưởng từ động vật để làm ý tưởng thiết kế phụ kiện thời trang. Trong nhóm này, mỗi thành viên lựa chọn một con vật mình yêu thích để thiết kế, cũng như tìm các loại vật liệu sẵn có phù hợp để đưa vào thiết kế.

+ Nhóm 3: Lựa chọn ý tưởng từ đồ vật để làm ý tưởng thiết kế phụ kiện thời trang. Trong nhóm này, mỗi thành viên lựa chọn đồ vật mình yêu thích để thiết kế, cũng như tìm các loại vật liệu sẵn có phù hợp để đưa vào thiết kế.

– Kết thúc phần thực hành, GV dành thời gian cho HS giới thiệu, thuyết trình về SPMT mà nhóm mình thiết kế. GV trình chiếu những mẫu thiết kế của ba nhóm và mời một số HS lên phân tích một số thiết kế.

– Căn cứ vào kết quả thiết kế của HS, GV nhận xét theo một số nội dung sau:

+ Lựa chọn đối tượng, loại phụ kiện.

+ Xây dựng ý tưởng thiết kế.

+ Vẽ phác thảo thiết kế.

+ Làm khuôn mẫu bằng giấy, bìa.

+ Cách thể hiện, lựa chọn các chất liệu sẵn có phù hợp hay chưa phù hợp.

+ Ý thức tham gia của các thành viên (đối với sản phẩm nhóm).

Các thầy, cô thân mến!

Tuỳ vào điều kiện của nhà trường và thời gian tổ chức, GV điều chỉnh kế hoạch dạy học ở bài học này sao cho đáp ứng:

– HS được thực hành và tạo ra sản phẩm.

– Trên cơ sở SPMT đã làm, HS nhận diện đặc điểm tạo hình của thiết kế phụ kiện thời trang, cũng như những cách thực hiện.

– Khai thác được yếu tố tạo hình trong thực hành, sáng tạo SPMT ở mức độ đơn giản.

Đây là những kiến thức, kĩ năng cần thiết để giúp HS có những hiểu biết khái quát nhất về thiết kế phụ kiện thời trang, một trong những nội dung, yêu cầu cần đạt ở học phần này.

BÀI 1: THIẾT KẾ MĨ THUẬT ĐIỆN ẢNH

(Thời gian thực hiện: 5 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Nắm được khái niệm về thiết kế mĩ thuật điện ảnh.

– Hiểu được đặc điểm của thiết kế mĩ thuật điện ảnh.

2. Năng lực

– Hiểu được khái quát về thiết kế mĩ thuật điện ảnh.

– Nhận biết được những đặc điểm chính của thiết kế mĩ thuật điện ảnh.

– Tìm hiểu về thiết kế mĩ thuật điện ảnh qua các thể loại phim khác nhau (đặc biệt là phim truyện và phim hoạt hình).

– Nhận xét, trao đổi và viết bài luận thể hiện hiểu biết của bản thân về thiết kế mĩ thuật điện ảnh.

3. Phẩm chất

– Hình thành khái niệm và nhận thức thẩm mĩ về thiết kế mĩ thuật điện ảnh.

– Yêu thích và đánh giá được vai trò của thiết kế mĩ thuật điện ảnh.

– Xây dựng khả năng nhận thức thẩm mĩ và tình yêu đối với nghệ thuật điện ảnh.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

– SGV.

– Một số ảnh chụp, trích đoạn tư liệu về thiết kế mĩ thuật/ tạo dựng không gian, bối cảnh, nhân vật trong các tác phẩm điện ảnh.

– Máy chiếu hình ảnh và thiết bị âm thanh (nếu có).

2. Đối với học sinh

– SGK.

– Bài thuyết trình đã được yêu cầu chuẩn bị trước.

– Ảnh tư liệu, đoạn phim ngắn đã sưu tầm từ các tác phẩm điện ảnh.

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khám phá

a) Mục tiêu

Nhằm tạo hứng thú, có nhận xét, hình thành khái niệm và hiểu khái quát về những đặc điểm và công việc của nhà thiết kế mĩ thuật điện ảnh.

b) Nội dung

GV tổ chức cho lớp xem và tìm hiểu một số trích đoạn từ các tác phẩm điện ảnh (phim truyện, phim hoạt hình) có bối cảnh đẹp, hấp dẫn, gồm:

– Một số bối cảnh dựng trong trường quay (nội cảnh).

– Một số bối cảnh dựng ngoài trời (ngoại cảnh).

– Một vài bối cảnh từ các bộ phim nổi tiếng của điện ảnh thế giới và Việt Nam thuộc các thể loại phim hiện thực, lịch sử, viễn tưởng, hoạt hình.

c) Sản phẩm

Bài thuyết trình của HS.

d) Tổ chức thực hiện

– GV: Khởi động máy chiếu, cho HS xem tư liệu tham khảo. GV lựa chọn (phân công) các nhóm lên trình bày bản thuyết trình (theo thứ tự dự kiến).

– HS: Nộp báo cáo phân công nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm.

– GV: Quan sát việc tham gia hoạt động học tập trên lớp của HS:

+ Chuẩn bị bài thuyết trình của mỗi nhóm.

+ Sự tham gia của mỗi thành viên trong nhóm.

+ Sự tham gia của HS trong lớp.

+ Sự tích cực đặt câu hỏi, trả lời trong phần thảo luận.

– HS:

+ Nhóm 1: Khái niệm về thiết kế mĩ thuật điện ảnh.

+ Nhóm 2: Quá trình hình thành, phát triển của lĩnh vực thiết kế mĩ thuật điện ảnh ở Việt Nam.

Lưu ý:

– Việc trình bày có phần tư liệu ảnh, video sưu tầm của nhóm để minh hoạ cho nội dung.

– GV: Căn cứ vào phần trình bày của các nhóm HS, kết luận và nhấn mạnh đến khái niệm chung của nghệ thuật điện ảnh với sự có mặt của thiết kế mĩ thuật điện ảnh cũng như vai trò của thiết kế mĩ thuật điện ảnh trong những sự kiện, sinh hoạt văn hoá, xã hội ở địa phương.

2. Hoạt động 2: Nhận biết

a) Mục tiêu

HS biết được:

– Những công việc chính của hoạ sĩ thiết kế mĩ thuật điện ảnh.

– Những gợi ý cơ bản khi thực hành thiết kế mĩ thuật điện ảnh từ kịch bản văn học.

– Sự khác nhau giữa thiết kế mĩ thuật điện ảnh và thiết kế mĩ thuật sân khấu.

b) Nội dung

– GV tổ chức cho HS tìm hiểu và nhận biết những công việc của hoạ sĩ thiết kế mĩ thuật điện ảnh, qua đó nhận diện được nhiệm vụ và vai trò của thiết kế mĩ thuật điện ảnh.

– GV giới thiệu và cho HS các bước gợi ý khi thực hành thiết kế mĩ thuật điện ảnh, qua đó thấy được sự khác biệt giữa thiết kế mĩ thuật điện ảnh và mĩ thuật sân khấu.

c) Sản phẩm

Nhận biết về thể loại thiết kế mĩ thuật điện ảnh.

d) Tổ chức thực hiện

Những công việc chính của hoạ sĩ thiết kế mĩ thuật điện ảnh

– GV giới thiệu sơ đồ khái quát công việc của hoạ sĩ thiết kế mĩ thuật điện ảnh trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh*, trang 7.

– Khi phân tích đặc điểm về nghề nghiệp của hoạ sĩ thiết kế mĩ thuật điện ảnh, GV lưu ý:

+ Hoạ sĩ mĩ thuật nằm trong một ê-kíp gồm nhiều bộ phận và những sáng tạo về bối cảnh phụ thuộc vào kịch bản và ý đồ của đạo diễn, không phải sáng tác độc lập như trong một số lĩnh vực mĩ thuật khác.

+ Sản phẩm của hoạ sĩ thiết kế mĩ thuật điện ảnh góp phần tạo nên sự hấp dẫn cho một tác phẩm điện ảnh thông qua các hiệu ứng, trang phục, bối cảnh từ lúc quay cho đến lúc dựng phim.

Những bước gợi ý cơ bản khi thực hành thiết kế mĩ thuật điện ảnh từ kịch bản văn học

– GV cho HS tìm hiểu và trình bày lại những nội dung trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh*, trang 8 – 10.

– Khi phân tích các bước cơ bản thiết kế mĩ thuật điện ảnh từ kịch bản văn học, GV cần lưu ý:

+ Tìm ra những đặc trưng tiêu biểu nhất để từ đó HS định hình được bản chất và ý nghĩa của việc thiết kế mĩ thuật điện ảnh.

+ Trong phần nhận xét về bối cảnh và thiết kế mĩ thuật điện ảnh qua các hình ảnh và trích đoạn tác phẩm điện ảnh, GV có thể cho HS nhận xét theo nhóm đôi, nhóm theo bàn hoặc trình bày cá nhân.

+ Việc thiết kế mĩ thuật cần phù hợp với bối cảnh chung trong cả một tác phẩm điện ảnh, có sự thống nhất xuyên suốt.

– GV cho HS thực hành theo câu lệnh trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh*, trang 10 – 11.

Sự khác nhau giữa thiết kế mĩ thuật điện ảnh và thiết kế mĩ thuật sân khấu

– GV cho HS tìm hiểu và trình bày lại những nội dung trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh*, trang 12, 13 bằng hình thức khác nhau như: PowerPoint, sơ đồ tư duy,...

– Khi phân tích làm rõ sự khác nhau giữa hai loại hình thiết kế mĩ thuật này, GV lưu ý:

+ Phân tích sự hoàn chỉnh của bối cảnh và các góc máy quay để HS hiểu được sự khác nhau giữa thiết kế mĩ thuật sân khấu và thiết kế mĩ thuật điện ảnh đảm bảo tính chất chân thực,... trong thiết kế bối cảnh điện ảnh.

+ Mở rộng khái niệm và đặc điểm để thấy mối liên hệ của các công việc khác nhau của thiết kế mĩ thuật điện ảnh (thiết kế tổng thể, làm bản vẽ, sa bàn thiết kế, thể hiện thiết kế trên hiện trường, sử dụng phục trang, đạo cụ cho nhân vật,...).

+ Thông qua một tác phẩm điện ảnh và sân khấu để thấy được sự khác nhau giữa các thể loại.

+ Phân tích sự khác nhau giữa các bối cảnh trong trường quay (nội cảnh và ngoại cảnh) với bối cảnh trên sân khấu.

– Khi phân tích, GV yêu cầu HS tìm ví dụ minh hoạ, trao đổi và giới thiệu lại những hiểu biết của bản thân/ nhóm về thiết kế mĩ thuật điện ảnh và thiết kế mĩ thuật sân khấu.

3. Hoạt động 3: Thảo luận

a) Mục tiêu

Củng cố kiến thức về thiết kế mĩ thuật điện ảnh.

b) Nội dung

GV hướng dẫn HS trao đổi theo hệ thống câu hỏi trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh*, trang 14.

c) Sản phẩm

Nhận thức của HS về lĩnh vực thiết kế điện ảnh.

d) Tổ chức thực hiện

– Căn cứ vào SPMT thực hành ở hoạt động trước và hệ thống câu hỏi trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh*, trang 14, GV cho HS trao đổi theo nhóm đôi.

– GV quan sát, đặt thêm câu hỏi để làm rõ về kiến thức cơ bản về thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

HS sử dụng kiến thức đã học để thưởng thức tác phẩm điện ảnh yêu thích theo định hướng về thiết kế mĩ thuật điện ảnh trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh,* trang 14.

b) Nội dung

Thưởng thức mĩ thuật trên cơ sở kiến thức, hiểu biết về thiết kế mĩ thuật điện ảnh.

c) Sản phẩm

Thưởng thức được vẻ đẹp thẩm mĩ và hiệu quả của bối cảnh điện ảnh đối với một phân cảnh điện ảnh.

d) Tổ chức thực hiện

– GV cho HS trình bày cảm nghĩ, phân tích vẻ đẹp, sự phù hợp và tác dụng của thiết kế mĩ thuật trong một tác phẩm điện ảnh phim truyện, phim hoạt hình mình yêu thích (trong nước hoặc trên thế giới), trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố sau:

+ Tác dụng và hiệu quả thẩm mĩ do thiết kế mĩ thuật đóng góp vào tác phẩm điện ảnh.

+ Vai trò và cách thức tiến hành thiết kế mĩ thuật điện ảnh (theo hiểu biết cá nhân).

+ Nhận thức được sự sáng tạo độc đáo, khác biệt của hoạ sĩ thiết kế mĩ thuật điện ảnh với những yêu cầu của từng thể loại điện ảnh (phim hiện thực, lịch sử, viễn tưởng, kinh dị, hành động,...).

– GV không đánh giá đúng/ sai với phần trình bày thuyết trình của bài luận về thiết kế mĩ thuật điện ảnh của HS.

Các thầy, cô thân mến!

Mục đích chính ở bài học này giúp HS biết cách tiếp cận và đánh giá một tác phẩm điện ảnh với vai trò, sự đóng góp của thiết kế mĩ thuật. Điều này giúp HS có được sự hiểu biết và mối quan tâm cần thiết, có nhiều hứng thú với nghệ thuật thiết kế mĩ thuật điện ảnh. Qua đó, những nội dung đã được biên soạn trong sách sẽ giúp HS có định hướng, chủ động tìm kiếm nhiều thông tin liên quan thông qua những lệnh/ yêu cầu cụ thể trong bài học.

Phần thực hành, sáng tạo SPMT ở bài học này chủ yếu tạo nên sự đam mê, hứng thú, kiến thức hành trang về nghệ thuật sân khấu, điện ảnh; thiết kế mĩ thuật điện ảnh; giúp cho HS hiểu và có thêm kinh nghiệm xử lí sau khi lĩnh hội kiến thức, kĩ năng ở các bài học sau.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 2: THIẾT KẾ MĨ THUẬT BỐI CẢNH PHIM HOẠT HÌNH

(Thời gian thực hiện: 11 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Hiểu về thiết kế bối cảnh phim hoạt hình.

– Biết được một số đặc điểm của bối cảnh phim hoạt hình.

– Hiểu được một phân đoạn trong phim hoạt hình và những yêu cầu thiết kế mĩ thuật phù hợp với nội dung, hình thức của bộ phim.

2. Năng lực

– Thực hành được phác thảo thiết kế mĩ thuật bối cảnh một trích đoạn phim hoạt hình ở mức độ cơ bản.

– Kĩ năng và cách thức tiến hành thiết kế mĩ thuật cho một phân cảnh hoạt hình.

3. Phẩm chất

– Yêu thích và có khả năng phân tích, đánh giá về thiết kế bối cảnh, sáng tạo nhân vật khi xem một bộ phim hoạt hình.

– Có thêm tình yêu với mĩ thuật qua những hiểu biết về thiết kế mĩ thuật bối cảnh phim hoạt hình.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

– SGV.

– Một số tranh, ảnh chụp, video clip, hiện vật, sa bàn có thể lắp ghép,... có liên quan hoặc minh hoạ cho bài học (nếu có).

– Máy chiếu hình ảnh và âm thanh (nếu có).

– Giấy khổ rộng, màu vẽ, bút vẽ, vật liệu và dụng cụ để thực hành.

2. Đối với học sinh

– SGK.

– Màu vẽ, giấy, bút vẽ, bìa các-tông và một số vật liệu, dụng cụ, để thực hành (đất nặn, xốp, gỗ, đinh, dây thép,…).

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khám phá

a) Mục tiêu

– Hiểu về thiết kế bối cảnh, tạo hình nhân vật trong một bộ phim hoạt hình.

– Biết đến một số hình thức thể hiện trong phim hoạt hình.

b) Nội dung

HS tìm hiểu về một số nội dung cơ bản về bối cảnh phim hoạt hình.

c) Sản phẩm

Nhận thức ban đầu trong lĩnh vực thiết kế bối cảnh phim hoạt hình.

d) Tổ chức thực hiện

– GV cho HS xem một số thể loại phim hoạt hình để HS làm quen với các dạng bối cảnh và hình thức thể hiện khác nhau.

– GV đặt câu hỏi:

+ Các dạng bối cảnh này có gì khác nhau?

+ Để làm bộ phim hoạt hình hấp dẫn, hoạ sĩ thiết kế mĩ thuật phim hoạt hình cần làm gì?

– Sau khi HS trả lời, GV cho HS thực hiện theo câu lệnh trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh*, trang 15 để tạo sự hấp dẫn khi vào bài mới.

2. Hoạt động 2: Nhận biết

a) Mục tiêu

– HS biết về những đặc điểm chính của bối cảnh trong phim hoạt hình.

– HS hiểu về quá trình thiết kế mĩ thuật bối cảnh phim hoạt hình.

– HS biết đến các bước và vẽ được bối cảnh cho phim hoạt hình ở mức độ đơn giản.

– HS biết các bước và thực hành làm bối cảnh mô hình cho phim hoạt hình ở mức độ đơn giản.

b) Nội dung

Tìm hiểu một số nội dung liên quan đến kiến thức, kĩ năng thực hành thiết kế bối cảnh phim hoạt hình.

c) Sản phẩm

HS xem, nhận định, đánh giá được những đặc điểm và thể loại thiết kế mĩ thuật bối cảnh phim hoạt hình.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

d) Tổ chức thực hiện

Đặc điểm bối cảnh trong phim hoạt hình

– GV tổ chức cho HS tìm hiểu và nhận biết những đặc điểm chính của bối cảnh trong phim hoạt hình (về không gian, bố cục, trang trí) qua đó nhận diện được nhiệm vụ thiết kế bối cảnh trong phim hoạt hình.

– GV giới thiệu và cho HS xem một số tư liệu của các thể loại chính trong phim hoạt hình, phong cách của đạo diễn và các đặc điểm thiết kế bối cảnh phim hoạt hình bối cảnh 2D, bối cảnh mô hình (3D), bối cảnh tương tác.

– GV giới thiệu một số trích đoạn tiêu biểu của phim hoạt hình trong và ngoài nước, qua đó nêu những đặc điểm chính về thiết kế mĩ thuật bối cảnh phim hoạt hình.

– Khi phân tích các trích đoạn phim hoạt hình, GV lưu ý:

+ Phân tích theo toàn cảnh và thị giác để HS thấy được sự khác nhau trong việc tạo dựng không gian, sắp đặt mô hình bối cảnh, đạo cụ, tính chất chân thực, ước lệ,... trong thiết kế mĩ thuật bối cảnh phim hoạt hình.

+ Mở rộng khái niệm và đặc điểm để thấy mối liên hệ của các công việc khác nhau của thiết kế mĩ thuật bối cảnh phim hoạt hình (thiết kế tổng thể, làm bản vẽ, sa bàn thiết kế, thể hiện thiết kế trong trường quay, sử dụng màu sắc, ánh sáng và phông nền,...).

+ Tìm ra những đặc trưng tiêu biểu nhất để từ đó HS định hình được bản chất và ý nghĩa của việc thiết kế mĩ thuật bối cảnh và nhân vật phim hoạt hình.

+ Trong phần nhận xét về bối cảnh và thiết kế mĩ thuật trong trích đoạn phim hoạt hình, GV có thể cho HS nhận xét theo nhóm đôi, nhóm theo bàn, hoặc trình bày cá nhân.

Quá trình thiết kế mĩ thuật bối cảnh phim hoạt hình

– GV cho HS tìm hiểu nội dung được biên soạn trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh,* trang 20, 21 để phân biệt được từ công đoạn trong thiết kế mĩ thuật phim hoạt hình như: bối cảnh, nhân vật, phác thảo trên giấy, làm mô hình, giai đoạn tiền kì, giai đoạn hậu kì.

– Qua đó, GV cho HS trả lời câu hỏi trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh,* trang 21 theo hiểu biết của mình. Điều này góp phần định hướng cho nội dung thực hành ở hoạt động tiếp theo.

Các bước vẽ bối cảnh cho phim hoạt hình

– GV cho HS tìm hiểu nội dung được biên soạn trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh,* trang 23 – 25. Đây là nội dung liên quan đến phần thực hành thiết kế bản vẽ 2D.

– GV có thể cho HS thực hành tìm kịch bản và thực hiện xây dựng bối cảnh cho một phân đoạn bằng hình thức vẽ trên giấy.

Các bước làm bối cảnh mô hình cho phim hoạt hình

– GV cho HS tìm hiểu nội dung được biên soạn trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh,* trang 26 – 28. Đây là nội dung liên quan đến phần thực hành làm mô hình bối cảnh cho phim hoạt hình.

– GV có thể cho HS thực hành làm mô hình bằng vật liệu sẵn có theo bản vẽ thiết kế ở hoạt động trước.

– Qua phần kiến thức nền tảng, GV cho HS tìm hiểu cách làm mô hình bối cảnh phim hoạt hình từ một phân cảnh cụ thể, SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh,* trang 29 – 33.

– Nội dung và phần thực hành là những kiến thức, kĩ năng cơ bản trong thiết kế bối cảnh phim hoạt hình nên GV cần tổ chức hiệu quả, cung cấp cho HS những định hướng cần thiết cho phần thực hành chính của bài này.

– Khi HS đã biết, hiểu cơ bản về cách thiết kế bối cảnh phim hoạt hình, GV cho HS thực hiện câu lệnh trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh,* trang 33. Việc HS lựa chọn hình thức bản vẽ hay mô hình theo khả năng và điều kiện thực hiện.

3. Hoạt động 3: Thảo luận

a) Mục tiêu

Củng cố kiến thức trong bài.

b) Nội dung

GV tổ chức cho HS trao đổi theo hệ thống câu hỏi trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh,* trang 34.

c) Sản phẩm

Nhận thức của HS về yêu cầu của bài học.

d) Tổ chức thực hiện

– Trên cơ sở SPMT về bối cảnh phim hoạt hình đã thực hiện, GV cho HS thảo luận theo hệ thống câu hỏi trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh,* trang 34.

– GV có thể đặt thêm câu hỏi để khắc sâu kiến thức, kĩ năng trong bài học:

+ Một số đánh giá, nhận xét của các em về công năng, hiệu quả, thẩm mĩ của thiết kế bối cảnh phim hoạt hình.

+ Đặc trưng của thiết kế bối cảnh phim hoạt hình là gì?

+ Nhiệm vụ của hoạ sĩ thiết kế mĩ thuật bối cảnh giúp gì cho thành công của một bộ phim hoạt hình? Cho ví dụ.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

HS sử dụng kiến thức đã học để làm bối cảnh, tạo nhân vật cho nội dung của môn học Ngữ văn, Vật lí, Sinh học,... mà HS yêu thích.

b) Nội dung

Làm mô hình bối cảnh, tạo nhân vật theo môn học yêu thích.

c) Sản phẩm

Mô hình bối cảnh, nhân vật theo một nội dung trong môn học yêu thích.

d) Tổ chức thực hiện

(1) Hoạt động trên lớp:

– GV cho HS lựa chọn nội dung cụ thể trong một môn học yêu thích để xây dựng ý tưởng, tìm vật liệu thực hành, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố sau:

+ *Tác dụng và hiệu quả thẩm mĩ do thiết kế mĩ thuật đóng góp vào nội dung môn học.*

+ *Vai trò và cách thức tiến hành thiết kế mĩ thuật cho nội dung của môn học.*

+ *Nhận thức được sự sáng tạo độc đáo, khác biệt của thiết kế mĩ thuật làm nội dung của môn học thêm lí thú, hấp dẫn.*

– GV không đánh giá về sự lựa chọn của HS mà chỉ định hướng việc lựa chọn phù hợp với khả năng thực hiện.

(2) Hoạt động ở nhà:

HS lựa chọn, sưu tầm vật liệu và tư liệu để thực hiện SPMT.

Các thầy, cô thân mến!

Mục đích chính ở bài học này giúp HS biết cách tiếp cận và đánh giá một tác phẩm điện ảnh phim hoạt hình với vai trò, sự đóng góp của thiết kế mĩ thuật. Điều này giúp HS có được sự hiểu biết và mối quan tâm cần thiết, có nhiều hứng thú với nghệ thuật thiết kế mĩ thuật điện ảnh. Qua đó, những nội dung đã được biên soạn trong sách sẽ giúp HS có định hướng, chủ động tìm kiếm nhiều thông tin liên quan thông qua những lệnh/ yêu cầu cụ thể trong bài học.

Phần thực hành, sáng tạo SPMT ở bài học này chủ yếu tạo nên sự đam mê, hứng thú, kiến thức, hành trang về nghệ thuật điện ảnh; thiết kế mĩ thuật điện ảnh; giúp cho HS hiểu và có thêm kinh nghiệm xử lí sau khi lĩnh hội kiến thức, kĩ năng ở các bài học sau.

BÀI 1: KHÁI QUÁT VỀ VIDEO CLIP

(Thời gian thực hiện: 5 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Nhận biết được vai trò của video clip trong đời sống xã hội.

– Hiểu được đặc điểm của video clip.

– Biết về một số thể loại trong video clip.

2. Năng lực

– Phác thảo được các phân cảnh cho một video clip trên giấy.

– Thể hiện được ý tưởng chủ đề thông qua sản phẩm thực hành.

3. Phẩm chất

– Yêu thích và có đánh giá của bản thân về sản phẩm video clip.

– Từng bước hình thành kĩ năng thực hiện, xem video có ý thức.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

– SGV.

– Một số video clip sưu tầm,…

– Máy chiếu (nếu có).

– Máy quay phim (nếu có).

– Điện thoại di động có chức năng quay phim.

2. Đối với học sinh

– SGK.

– Bài thuyết trình.

– Chuẩn bị điện thoại di động có chức năng quay video (nếu có).

– Lưu ý về chuẩn bị:

+ Mỗi nhóm chuẩn bị tài liệu, bài trình bày về một nội dung được giao và tìm hiểu những thông tin liên quan đến các nội dung khác để đặt câu hỏi cần làm rõ đối với các nhóm khác.

+ Mỗi nhóm cử 01 thành viên đại diện lên thuyết trình, 02 thành viên ghi câu hỏi của các nhóm khác để thảo luận, trả lời. Bên cạnh việc cùng tham gia chuẩn bị cho bài của nhóm mình, những thành viên còn lại có trách nhiệm tìm hiểu thông tin những bài khác và đặt câu hỏi.

+ Mỗi nhóm có thời gian trình bày 5 phút và có 8 phút để thảo luận, trả lời câu hỏi.

+ Việc chuẩn bị sẽ theo hai hình thức:

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

• *Đối với nhà trường có đủ điều kiện phương tiện dạy học, phòng học chuyên môn: HS chuẩn bị bài thuyết trình theo hình thức PowerPoint hoặc theo hình thức sơ đồ tư duy của nhóm.*

• *Đối với nhà trường chưa trang bị được phương tiện dạy học và chưa có phòng học chuyên môn: HS chuẩn bị bài thuyết trình trên giấy khổ A0.*

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khám phá

a) Mục tiêu

– HS biết được sự đa dạng, cần thiết của video clip trong cuộc sống.

– Có nhận thức ban đầu về video clip, một thể loại xuất hiện nhiều hình thức khác nhau trong cuộc sống.

b) Nội dung

GV tổ chức cho HS tìm hiểu, thuyết trình về sự xuất hiện và hiểu biết ban đầu về video clip.

c) Sản phẩm

Bài thuyết trình.

d) Tổ chức thực hiện

– GV: Khởi động máy chiếu (hoặc giá treo giấy A0). Lựa chọn (phân công) thứ tự nhóm lên trình bày.

– HS: Nộp báo cáo phân công nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm.

– GV: Quan sát việc tham gia hoạt động học trên lớp của HS:

+ *Chuẩn bị bài thuyết trình của mỗi nhóm.*

+ *Sự tham gia của mỗi thành viên trong nhóm.*

+ *Sự tham gia của HS trong lớp.*

+ *Sự tích cực đặt câu hỏi, trả lời trong phần thảo luận.*

– HS:

+ *Nhóm 1: Trình bày về nội dung "Video clip là gì và sự xuất hiện của video clip trên các phương tiện truyền thông, internet".*

+ *Nhóm 2: Trình bày về nội dung "Video clip trong cuộc sống".*

– GV: Căn cứ vào phần trình bày của các nhóm, đưa ra kết luận ở từng nội dung và nhấn mạnh đến tính lịch sử của sự xuất hiện loại hình video clip trên thế giới và ở Việt Nam, luôn gắn liền với sự phát triển của khoa học công nghệ và những trang web cung cấp lưu trữ miễn phí với nội dung băng thông rộng. Điều này cho phép người sử dụng tích hợp những nội dung video clip vào trang web,...

Lưu ý: Phần nội dung biên soạn trong SGK:

– Có tính định hướng, giúp HS tìm kiếm thông tin liên quan.

– Việc tìm hiểu kiến thức liên quan đến bài học để phát triển năng lực tự học.

– Là nội dung GV cần chốt ý ở phần này.

2. Hoạt động 2: Nhận biết

a) Mục tiêu

– Hiểu được những tên gọi, khái niệm về hình ảnh trong video clip.

– Biết về một số phương tiện thường dùng để thực hiện video clip.

– Các bước cơ bản trong xây dựng kịch bản video clip.

– Lựa chọn một kịch bản văn học và phác thảo một vài phân cảnh trên giấy.

b) Nội dung

– GV tổ chức cho HS tìm hiểu, thuyết trình về các nội dung liên quan.

– GV cho HS thực hành phần nhiệm vụ học tập liên quan.

c) Sản phẩm

Bài thuyết trình và bản vẽ phác thảo phân cảnh trên giấy.

d) Tổ chức thực hiện

(1) Phần thuyết trình:

– GV tổ chức cho HS trình bày phần chuẩn bị liên quan đến tên gọi, khái niệm về hình ảnh trong video clip; phương tiện thường dùng để thực hiện video clip; các bước cơ bản trong xây dựng kịch bản video clip để giúp HS có kiến thức ban đầu liên quan đến lĩnh vực này.

– GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm chuẩn bị và thuyết trình bằng hình thức phù hợp, cụ thể:

+ Nhóm 1: Trình bày về "Những tên gọi, khái niệm về hình ảnh trong video clip".

+ Nhóm 2: Trình bày về "Phương tiện thường dùng để thực hiện video clip".

+ Nhóm 3: Trình bày về "Các bước cơ bản trong xây dựng kịch bản video clip".

Lưu ý:

– Điểm cộng cho phần trình bày là mỗi nhóm cần phân tích trên video clip về nội dung cần trình bày, không chỉ thuần tuý lí thuyết.

– Phần phương tiện thường dùng để thực hiện video cần làm rõ loại phương tiện nào hữu dụng trong tình huống nào và liên hệ thực tế, đối với HS thì sử dụng phương tiện nào thì phù hợp.

– Phần các bước cơ bản trong xây dựng kịch bản video clip cần có phần minh hoạ, phân tích ở từng bước để thấy được quy trình này có tính cơ bản, nhằm giúp những người bắt đầu làm video clip có thể từng bước thực hiện được một kịch bản video clip ở mức độ đơn giản.

– Trong phần phác hoạ bối cảnh, HS cần trình bày (hoặc GV để cập rõ hơn) về kĩ thuật vẽ phác hoạ bối cảnh theo bảng phân cảnh và dẫn vào phần thực hành chính ở trong hoạt động: Nhận biết.

(2) Phần thực hành:

– GV căn cứ vào phần gợi ý, SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện,* trang 12, 13 để tổ chức cho HS thực hiện theo từng bước.

– HS có thể chuẩn bị sẵn một kịch bản văn học trên cơ sở một truyện yêu thích để xây dựng các khuôn hình dự kiến trong phần phác hoạ bối cảnh.

– GV cho HS thực hiện phần phác thảo vào giấy A4 đối với sản phẩm cá nhân và A3 đối với sản phẩm nhóm.

Lưu ý:

– Trong hoạt động: Nhận biết, GV chưa đánh giá về chất lượng kịch bản phân cảnh mà quan tâm đến việc bức vẽ đó có thể hiện được đặc điểm trong kịch bản văn học chưa.

– Trong phần *Em có biết,* SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện,* trang 14, GV căn cứ vào phương tiện sẵn có cho HS thực hiện một số kĩ thuật ghi hình và so sánh hiệu quả của từng kĩ thuật, tạo hiệu quả hấp dẫn về thị giác khác nhau khi thưởng thức. Phần thực hành ở nội dung này, HS có thể thực hiện ở nhà bằng phương tiện sẵn có phù hợp với ý tưởng và kịch bản của mình để nâng cao kĩ năng thực hiện video clip của mình.

3. Hoạt động 3: Thảo luận

a) Mục tiêu

Củng cố kiến thức, kĩ năng cơ bản về video clip đã đề cập trong nội dung các hoạt động trên.

b) Nội dung

GV tổ chức cho HS trao đổi về các sản phẩm đã thực hiện trong bài.

c) Sản phẩm

Nhận thức về các nội dung cơ bản liên quan đến video clip đã thực hiện.

d) Tổ chức thực hiện

– GV tổ chức cho HS trao đổi theo các câu hỏi trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện,* trang 15.

– Trong các nội dung trao đổi, GV cần làm rõ mối quan hệ giữa các thành tố (Đối tượng – Ý tưởng; Độ dài – Kịch bản;…) để thấy được video clip là tổng hoà của nhiều yếu tố và mỗi thành tố đều góp phần nhất định làm nên một video clip chất lượng.

– Qua trao đổi, GV cũng cần nắm bắt những thuận lợi và khó khăn khi thực hành các nội dung trong bài để có điều chỉnh (nếu cần) trong việc tổ chức bài 2.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

HS sử dụng kiến thức về video clip đã học để xây dựng kế hoạch thực hiện video clip về một trong những định hướng chủ đề và gợi ý trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện,* trang 15.

b) Nội dung

– GV hướng dẫn HS xây dựng kế hoạch thực hiện video clip theo định hướng chủ đề.

– HS thực hiện xây dựng kế hoạch thực hiện theo các bước gợi ý.

c) Sản phẩm

Kế hoạch thực hiện video clip phù hợp với khả năng và phương tiện thực hiện.

d) Tổ chức thực hiện

– GV hướng dẫn HS lựa chọn chủ đề trên cơ sở các bước gợi ý, trong đó lưu ý đến:

+ Tư liệu hình ảnh đã sưu tầm (hình ảnh hoặc video clip).

+ Sắp xếp tư liệu hình ảnh theo một kịch bản cụ thể.

+ Phân công thành viên thực hiện theo nhiệm vụ cụ thể.

+ Lựa chọn và sử dụng phương tiện sẵn có, phù hợp.

– GV có thể trên một video clip về một chủ đề cụ thể phân tích các bước để HS quan sát trực tiếp, hiểu rõ hơn.

– GV cũng có thể chuẩn bị hình ảnh minh hoạ các bước để HS hình dung ban đầu, định hướng cho hoạt động thực hành của bản thân.

– Để thực hiện phần này trên lớp hiệu quả, GV giao nhiệm vụ cho HS chuẩn bị trước ở nhà và thảo luận, xây dựng kế hoạch tại lớp.

– Trong quá trình HS thực hiện, GV bao quát lớp và hỗ trợ, tư vấn, giải đáp thắc mắc đối với từng cá nhân/ nhóm để việc xây dựng kế hoạch được hiệu quả.

Lưu ý:

– Phần thực hành vẽ phác hoạ phân cảnh và xây dựng kế hoạch thực hiện video clip ở phần này có tính định hướng, cụ thể hoá phần lí thuyết theo cách hiểu và khả năng thực hiện của mỗi HS.

– Những nội dung thực hành ban đầu của HS sẽ là căn cứ để GV đối chiếu với việc thực hiện video clip ở bài sau, qua đó làm rõ hơn đặc điểm riêng của thể loại video clip. Do đó, khi nhận xét, GV không đề cập đến yếu tố kĩ thuật trong phần thực hành này.

Các thầy, cô thân mến!

Mục đích chính ở bài này giúp HS làm quen với thể loại video clip, từ đặc điểm, thể loại và vai trò của video clip trong kỉ nguyên kĩ thuật số một cách khái quát. Tính mở trong bài này chính là nội dung biên soạn trong sách đã định hướng giúp HS yêu thích với thể loại video clip và chủ động tìm kiếm những thông tin liên quan.

Phần thực hành vẽ phác thảo hay xây dựng kế hoạch thực hiện video clip ở bài này là theo sự hiểu biết ban đầu của HS về thể loại này nên sẽ có nhiều phần thực hành còn chưa đạt yêu cầu. Tuy nhiên, đây là những dữ liệu cần thiết để đối sánh khi HS thực hiện video clip ở bài sau và qua đó HS có những điều chỉnh về cách nghĩ, cũng như kĩ thuật khi thực hiện.

BÀI 2: THIẾT KẾ VIDEO CLIP THEO CHỦ ĐỀ

(Thời gian thực hiện: 11 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Biết lựa chọn chủ đề để thực hành, sáng tạo video clip.

– Hiểu được các công đoạn cơ bản để tạo một video clip theo chủ đề.

2. Năng lực

– Biết lựa chọn và sử dụng phương tiện để thực hành, sáng tạo video clip ở mức đơn giản.

– Thực hiện được thao tác với phương tiện sẵn có để làm video clip.

3. Phẩm chất

Hình thành khả năng tìm tòi, sáng tạo và yêu thích đối với quá trình thực hiện.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

– SGV.

– Một số video clip về chủ đề quê hương, đất nước,…

– Máy chiếu (nếu có).

– Máy quay (nếu có).

– Điện thoại di động có chức năng quay video.

2. Đối với học sinh

– SGK.

– Tư liệu hình ảnh, video clip về chủ đề mình yêu thích.

– Chuẩn bị máy quay (nếu có).

– Chuẩn bị điện thoại di động có chức năng quay video (nếu có).

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khám phá

a) Mục tiêu

HS biết được một số yếu tố tác động đến kết quả hiệu quả của video clip như: ảnh tĩnh, động, đồ hoạ, hoạt hình, bảng chữ, âm thanh, âm nhạc,…

b) Nội dung

GV cho HS xem và phân tích về những yếu tố cấu thành một video clip.

c) Sản phẩm

Nhận biết về những yếu tố trên video clip.

d) Tổ chức thực hiện

– GV: Lựa chọn một video clip đã chuẩn bị, chiếu lên cho HS xem và phân tích các yếu tố cấu thành như:

+ Ảnh tĩnh (nếu có).

+ Ảnh động.

+ Đồ hoạ.

+ Hoạt hình (nếu có).

+ Chữ.

+ *Âm thanh.*

+ *Âm nhạc (nếu có).*

– Trên cơ sở kiến thức đã hình thành ở bài 1, GV mời HS lựa chọn video clip đã chuẩn bị và chiếu để HS trong lớp cùng phân tích các yếu tố cấu thành video clip.

– GV lưu ý:

+ *Video clip là đoạn phim ngắn nên có thể đầy đủ hoặc chỉ có một vài yếu tố cơ bản.*

+ *Một video clip thú vị là có nội dung, điểm nhấn tạo cho người xem hứng thú, không nhất thiết phải có cấu trúc đầy đủ thành phần.*

+ *Các yếu tố cấu thành video clip phải có sự ăn nhập: hình ảnh – âm thanh, kênh hình – kênh chữ,…*

– Trong quá trình HS xem và phân tích, GV quan sát việc tham gia hoạt động học trên lớp của HS:

+ *Sự tham gia của HS trong phân tích.*

+ *Sự tích cực đặt câu hỏi, trả lời của HS trong phần nhận xét.*

2. Hoạt động 2: Nhận biết

a) Mục tiêu

Làm rõ hơn các yếu tố tác động đến bức ảnh như: cầm thiết bị chụp ảnh đúng cách; bố cục; khoảnh khắc; ý tưởng; cách thể hiện,...

b) Nội dung

GV tổ chức cho HS tìm hiểu và thực hành:

– Phân loại video clip.

– Các bước sáng tác, thực hiện video clip.

c) Sản phẩm

Sản phẩm video clip đơn giản.

d) Tổ chức thực hiện

– GV tổ chức trò chơi: cho hai nhóm HS xem trích đoạn ngắn của một số video clip và hỏi về sự khác nhau về đối tượng thể hiện chính. Các HS khác nhận xét và cho ý kiến bổ sung.

– GV cho HS tìm hiểu nội dung trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện*, trang 17 và đặt câu hỏi:

+ *Tại sao cần biết về sự phân loại video clip?*

+ *Việc xác định đúng đối tượng thể hiện trong video clip có ý nghĩa thế nào?*

+ *Em thích thể loại video clip nào? Vì sao?*

Các bước sáng tác, thực hiện video clip

– GV: Có rất nhiều cách để thực hiện video clip. Tuy nhiên, để có thể thực hiện một video clip thì nên theo những bước cơ bản sau: (1) Hình thành ý tưởng cho video clip; (2) Thực hiện các giai đoạn sáng tác, sản xuất video clip (giai đoạn chuẩn bị – giai đoạn tiến kì – giai đoạn hậu kì).

– GV chia các nhóm HS vào giao nhiệm vụ mỗi nhóm thực hiện nhiệm vụ học tập:

+ Nhóm 1: Trình bày ý nghĩa, sự cần thiết của bước hình thành ý tưởng cho video clip.

+ Nhóm 2: Trình bày ý nghĩa, sự cần thiết của giai đoạn chuẩn bị đối với thành công trong thực hiện video clip (kịch bản văn bản, kịch bản phân cảnh,...).

+ Nhóm 3: Trình bày ý nghĩa, sự cần thiết của giai đoạn sản xuất tiền kì đối với thành công trong thực hiện video clip (ghi hình, dàn dựng cảnh quay,...).

+ Nhóm 4: Trình bày ý nghĩa, sự cần thiết của giai đoạn sản xuất hậu kì đối với thành công trong thực hiện video clip.

– Trong quá trình HS trình bày, GV yêu cầu các nhóm nêu câu hỏi, đặt ra các tình huống để các nhóm cùng trao đổi. Trên ý kiến của HS, GV có thể bổ sung để giúp HS biết, hiểu và có thể vận dụng những bước này vào thực hiện sản phẩm video của cá nhân/ nhóm.

– Trong mỗi phần trình bày, GV có thể cho HS lựa chọn chủ đề và thực hành từng nội dung cho sản phẩm của mình.

– GV có thể nhấn mạnh đến ý nghĩa của các bước:

+ Bước thứ nhất giúp lên một kế hoạch cụ thể để thực hiện, trong đó cần xác định được các yếu tố liên quan như: đối tượng hướng đến của video clip, chủ đề, mục đích, thông điệp, phương tiện sử dụng,... Các yếu tố này càng rõ ràng, tường minh thì việc lựa chọn phương thức cụ thể ở bước thứ hai càng thuận lợi.

+ Bước thứ hai là hiện thực ý tưởng, kế hoạch đã xác lập từ bước thứ nhất, trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực hiện thực tế. Trong bước thứ hai, có thể thực hiện tất cả các nội dung, nhưng cũng có thể lựa chọn thực hiện một vài khâu theo đúng điều kiện thực tế. Giai đoạn tiền kì là thu thập dữ liệu và giai đoạn hậu kì là xử lí dữ liệu, nên giai đoạn nào cũng rất quan trọng và video clip có hấp dẫn thì ngay từ khâu thu thập dữ liệu phải chuẩn xác, góc máy cần thể hiện được nội dung và lưu ý khi thu thập dữ liệu cần đa dạng, phong phú theo hướng đủ và dư để có đủ tư liệu giúp phần hậu kì hiệu quả.

– Đến đây, qua mỗi bài tập nhỏ, HS đã hình dung và bước đầu biết, hiểu và vận dụng được trong thực hành, sáng tạo video clip của cá nhân/ nhóm. GV quan sát và hỗ trợ, tư vấn đối với những cá nhân/ nhóm HS chưa thực hiện được nhiệm vụ học tập của mình.

– Về phần nhận xét sản phẩm video clip thực hiện, GV có thể đưa ra những gợi ý để video clip được hiệu quả hơn. Trong một số trường hợp, có thể sử dụng một số hình thức hậu kì, hiệu ứng để hỗ trợ, giúp cho video clip thực hiện theo đúng ý đồ.

3. Hoạt động 3: Thảo luận

a) Mục tiêu

Củng cố kiến thức về các bước thực hiện video clip.

b) Nội dung

GV tổ chức cho HS trao đổi theo một số nội dung trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện*, trang 28.

c) Sản phẩm

Củng cố nhận biết về các bước thực hiện video clip.

d) Tổ chức thực hiện

– Để trao đổi tốt về nội dung ở hoạt động này, GV giao mỗi nhóm chuẩn bị theo một số gợi ý trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện*, trang 28, như:

+ Việc xác định đúng nội dung, đối tượng hướng tới của video clip có vai trò thế nào trong thực hiện, triển khai công việc thiết kế video clip?

+ Tính sáng tạo, độc đáo trong việc hình thành ý tưởng, tổ chức kịch bản, thực hiện các giai đoạn sáng tác, sản xuất video clip có ý nghĩa như thế nào với sản phẩm?

+ Phương tiện, kĩ thuật tạo hình (bố cục, dàn cảnh, góc máy, chiếu sáng, động tác máy,...) có vai trò gì trong việc tăng cường hiệu quả cảm xúc, thẩm mĩ, nhận thức nội dung hình ảnh của người xem với video clip?

– Ở mỗi nội dung trao đổi, GV mời HS phân tích cụ thể trên sản phẩm video clip của mình.

– Trong quá trình trao đổi, GV yêu cầu HS để cập đến những khó khăn, thuận lợi khi triển khai nhiệm vụ.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

HS sử dụng kiến thức đã học để xây dựng kịch bản, sáng tạo và thiết kế video clip giới thiệu về vẻ đẹp vùng đất nơi HS sinh sống.

b) Nội dung

– GV hướng dẫn HS thực hành, sáng tạo video clip về vẻ đẹp vùng đất mình sinh sống.

– HS thực hành, sáng tạo video clip.

c) Sản phẩm

Kịch bản, video clip giới thiệu vẻ đẹp vùng đất nơi mình sinh sống theo điều kiện thực hiện của HS.

d) Tổ chức thực hiện

– GV có thể cho HS thực hành viết kịch bản ở lớp, thực hiện video ở nhà.

– GV cho HS nghiên cứu phần gợi ý trong SGK *Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện*, trang 28 để định hướng cho hoạt động thực hành của mình.

– Căn cứ vào kết quả làm việc của HS trên lớp, GV nhận xét theo một số nội dung sau:

+ Khi thực hiện video clip về cảnh đẹp của quê hương cần tìm hiểu những nơi có tính tiêu biểu, đại diện hoặc những góc máy sao cho khi lên hình gợi đến sự thân quen với những người cùng quê, hoặc tạo xúc cảm đối với những người lần đầu tiên được xem.

+ Vì là theo thể loại phong cảnh nên cần sử dụng góc máy rộng, đối tượng phản ánh cảnh là chính, nhân vật (nếu có) sẽ điểm xuyết, tạo nên sự thay đổi và sinh động.

+ Mỗi bối cảnh nên quay nhiều góc để khi dựng sẽ có nhiều lựa chọn hơn.

BÀI 1: KHÁI QUÁT VỀ KHÔNG GIAN NỘI THẤT

(Thời gian thực hiện: 8 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Giới thiệu về vai trò và đặc điểm của không gian nội thất.

– Phân loại các không gian nội thất theo chức năng sử dụng.

– Các thành phần cơ bản của một không gian nội thất.

– Mối liên hệ giữa nội thất với kiến trúc và mĩ thuật.

2. Năng lực

– Hiểu được vai trò và ý nghĩa của không gian nội thất trong cuộc sống.

– Biết được các đặc điểm cơ bản của không gian nội thất.

– Có hiểu biết và ý thức được mối quan hệ giữa nội thất với kiến trúc và mĩ thuật, góp phần làm đẹp cho không gian sống trong nhà.

3. Phẩm chất

Có hiểu biết ban đầu về nội thất, từ đó hình thành tình cảm cũng như sự quan tâm tới chức năng, hình thức của không gian nội thất trong các công trình kiến trúc.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

– SGV.

– Một số ảnh không gian nội thất.

– Máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

– SGK.

– Bài thuyết trình.

– Ảnh tư liệu về không gian nội thất đã sưu tầm.

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khám phá

a) Mục tiêu

HS biết được không gian nội thất là gì và có vai trò như thế nào trong cuộc sống.

b) Nội dung

GV tổ chức cho HS tìm hiểu và thuyết trình nội dung "Khái quát về không gian nội thất".

c) Sản phẩm

Bài thuyết trình có ảnh minh hoạ.

d) Tổ chức thực hiện

– GV: Khởi động máy chiếu (hoặc giá treo giấy A0). Lựa chọn (phân công) nhóm lên trình bày.

– HS: Nộp báo cáo phân công nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm.

– GV: Quan sát việc tham gia hoạt động học trên lớp của HS:

+ Chuẩn bị bài thuyết trình của nhóm.

+ Sự tham gia của mỗi thành viên trong nhóm.

+ Sự tham gia của HS trong lớp.

+ Sự tích cực đặt câu hỏi, trả lời trong phần thảo luận.

Lưu ý:

– Việc trình bày có phần tư liệu ảnh sưu tầm của nhóm để minh hoạ cho nội dung trình bày.

– Một số gợi ý trong triển khai nội dung bài thuyết trình: "Khái quát về không gian nội thất":

+ Không gian nội thất là gì, nằm ở đâu?

+ Theo hình thức, có các dạng không gian nội thất nào? (không gian kín, không gian mở, không gian chuyển tiếp,...)

+ Không gian nội thất phục vụ cho nhu cầu sử dụng nào của con người?

+ Sưu tầm và mô tả về một số không gian nội thất trong cuộc sống của em và cho biết nó được dùng vào mục đích gì?

+ Mô tả hình thức của không gian đó.

Lưu ý:

– Nhiệm vụ này HS thực hiện theo nhóm (Nhóm 1): Trình bày về nội dung "Khái quát về không gian nội thất" (các nhóm còn lại trình bày ở phần tiếp theo).

– GV: Căn cứ vào phần trình bày của HS, GV đưa ra kết luận nội dung chính,...

– Vì là phần giới thiệu nên GV không đánh giá đúng/ sai trong ý kiến trình bày của HS. Những ý kiến của HS sẽ là căn cứ để GV chốt ý ở hoạt động 2: Nhận biết.

2. Hoạt động 2: Nhận biết

a) Mục tiêu

– Các thành phần cơ bản của một không gian nội thất.

– Một số thể loại không gian nội thất.

– Mối quan hệ giữa nội thất với kiến trúc và mĩ thuật.

– Các yếu tố ảnh hưởng tới nội thất.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

b) Nội dung

GV tổ chức cho HS tìm hiểu và thuyết trình về:

– Phân loại không gian nội thất.

– Các thành phần cơ bản của không gian nội thất.

– Mối liên hệ giữa nội thất với kiến trúc và mĩ thuật.

– Các yếu tố ảnh hưởng tới thiết kế nội thất.

c) Sản phẩm

Bài thuyết trình và ảnh minh hoạ.

d) Tổ chức thực hiện

– GV: Tổ chức cho HS trình bày phần chuẩn bị về nội dung liên quan đến:

+ *Các thể loại không gian nội thất.*

+ *Các thành phần cơ bản của không gian nội thất.*

+ *Mối liên hệ giữa nội thất với kiến trúc và mĩ thuật.*

+ *Các yếu tố ảnh hưởng tới thiết kế nội thất.*

– HS: Nộp báo cáo phân công nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm.

– GV: Quan sát việc tham gia hoạt động học trên lớp của HS:

+ *Chuẩn bị bài thuyết trình của nhóm.*

+ *Sự tham gia của mỗi thành viên trong nhóm.*

+ *Sự tham gia của HS trong lớp.*

+ *Sự tích cực đặt câu hỏi, trả lời trong phần thảo luận.*

– HS:

+ *Nhóm 2:* Trình bày về nội dung "Phân loại không gian nội thất".

+ *Nhóm 3:* Trình bày về nội dung "Các thành phần cơ bản của không gian nội thất".

+ *Nhóm 4:* Trình bày về nội dung "Mối liên hệ giữa nội thất với Kiến trúc và Mĩ thuật".

+ *Nhóm 5:* Trình bày về nội dung "Các yếu tố ảnh hưởng tới thiết kế nội thất".

Lưu ý:

– Việc trình bày có phần tư liệu ảnh sưu tầm của nhóm.

– Một số gợi ý trong triển khai nội dung bài thuyết trình "Phân loại không gian nội thất":

+ *Trong công trình nhà ở có những không gian nội thất nào? Phục vụ cho hoạt động gì? Nêu ví dụ minh hoạ,...*

+ *Trong công trình công cộng như bệnh viện/ trường học,... có những không gian nội thất nào? Phục vụ cho hoạt động gì? Nêu ví dụ minh hoạ.*

+ *Trong công trình công nghiệp như các nhà máy, xí nghiệp, xưởng sản xuất có những không gian nội thất nào? Phục vụ cho hoạt động gì? Nêu ví dụ minh hoạ.*

+ *Cách phân loại như gợi ý trên dựa theo tiêu chí nào?*

+ Có các tiêu chí nào khác trong việc phân loại không gian nội thất không?

– Một số gợi ý trong triển khai nội dung bài thuyết trình "Các thành phần cơ bản của không gian nội thất":

+ Không gian nội thất là những khoảng trống được giới hạn bởi các thành phần nào?

+ Để đảm bảo tính tiện nghi trong quá trình sử dụng, trong không gian nội thất còn xuất hiện các thành phần nào ? Nêu ví dụ minh hoạ.

+ Các thành phần không phục vụ trực tiếp cho các hoạt động của con người trong không gian mà chỉ có tác dụng làm đẹp cho không gian được gọi là gì? Nêu ví dụ minh hoạ.

– Một số gợi ý trong triển khai nội dung bài thuyết trình "Mối liên hệ giữa nội thất với Kiến trúc":

+ Điểm chung của kiến trúc và nội thất của một công trình là gì? (về mục đích sử dụng, về đối tượng sử dụng, về thẩm mĩ,...)

+ Điểm khác biệt giữa kiến trúc và nội thất của một công trình là gì?

+ Thiết kế nội thất cần diễn ra trước hay sau khi thiết kế kiến trúc?

– Một số gợi ý trong triển khai nội dung bài thuyết trình "Mối liên hệ giữa nội thất với mĩ thuật":

+ Các loại hình mĩ thuật nào xuất hiện trong không gian nội thất? Lấy ví dụ minh hoạ.

+ Ứng dụng mĩ thuật trong nội thất có tác dụng như thế nào? Lấy ví dụ minh hoạ.

– Một số gợi ý trong triển khai nội dung bài thuyết trình: "Các yếu tố ảnh hưởng tới thiết kế nội thất".

+ Yếu tố văn hoá, xã hội ảnh hưởng tới nhu cầu sử dụng và phản ánh trong hình thức của không gian nội thất như thế nào? Lấy ví dụ minh hoạ.

+ Các đặc điểm về khí hậu, vị trí địa lí của mỗi vùng miền ảnh hưởng tới chức năng và hình thức nội thất như thế nào? Lấy ví dụ minh hoạ.

+ Trình độ khoa học kĩ thuật phát triển tạo nên những khác biệt nào trong hình thức và chức năng của nội thất? Lấy ví dụ minh hoạ.

+ Điều kiện kinh tế ảnh hưởng tới các giải pháp hoàn thiện nội thất như thế nào? Lấy ví dụ minh hoạ.

– Nhiệm vụ này HS thực hiện theo nhóm.

– GV: Căn cứ vào phần trình bày của các nhóm, đưa ra kết luận nội dung chính.

Lưu ý:

– Phần nhận xét của giáo viên trên cơ sở bám sát nội dung bài thuyết trình, xác thực thông tin. Nhận xét mang tính xây dựng, hướng đến những kĩ năng, cách thức tìm kiếm, nhận biết tri thức. Tránh những nhận xét mang tính triệt tiêu sự ham thích, tìm hiểu của HS.

– Trong phần nhận xét có lồng ghép việc trả lời câu hỏi và thực hành ở phần này trong SGK *Mĩ thuật 11 – Kiến trúc*, trang 7, 10, 11, 15.

3. Hoạt động 3: Thảo luận

a) Mục tiêu

Củng cố lại kiến thức, kĩ năng về không gian nội thất theo yêu cầu của bài học.

b) Nội dung

GV hướng dẫn HS tìm hiểu được vai trò và ý nghĩa của không gian nội thất trong cuộc sống thông qua việc thảo luận trên lớp.

c) Sản phẩm

Nhận thức có hệ thống về không gian nội thất.

d) Tổ chức thực hiện

– GV gợi ý cho HS sưu tầm hình ảnh một số không gian nội thất và thảo luận trên lớp theo các ý chính như:

+ Không gian nội thất nằm trong thể loại công trình kiến trúc nào?

+ Chức năng của không gian đó là gì?

+ Cách sắp xếp đồ đạc có đáp ứng được các yêu cầu hoạt động ở trong không gian đó không?

+ Không gian đó được trang trí bởi các loại hình mĩ thuật nào?

+ Hình thức, phong cách của không gian nội thất đó có hài hoà với thể loại công trình kiến trúc không?

+ Chức năng sử dụng, công trình kiến trúc đó còn có những giá trị nào khác?

– Trên cơ sở trao đổi của HS, GV đưa ra nhận xét và bổ sung thêm để làm rõ đặc điểm của không gian nội thất (nếu cần).

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

HS nhận biết thêm sự phong phú, đa dạng của hình thức, phong cách trang trí trong tổ chức không gian nội thất.

b) Nội dung

HS mô phỏng lại một không gian nội thất yêu thích bằng mô hình làm từ vật liệu sẵn có.

c) Sản phẩm

Mô hình mô phỏng ý tưởng không gian nội thất.

d) Tổ chức thực hiện

– GV hướng dẫn HS xác định trình tự mô phỏng từng thành phần để tạo thành một không gian nội thất hoàn chỉnh:

+ Xác định hình dáng, kích thước của không gian.

+ Vật liệu của các thành phần bao che không gian như mặt trần, mặt tường, mặt sàn.

+ Các đồ đạc gắn liền với trần, tường, sàn.

+ Các đồ đạc rời sắp xếp trong không gian.

+ Các khu vực cần bổ sung chiếu sáng nhân tạo trong không gian.

– GV gợi ý cho HS lựa chọn các vật liệu phù hợp cho việc mô phỏng. Vật liệu cứng như bìa, gỗ, kim loại,… dành cho các thành phần chịu lực, hoặc góc cạnh. Vật liệu mềm như vải, đất sét,… dành cho các thành phần có chất cảm mềm mại hoặc tạo hình phức tạp.

– HS tiến hành mô phỏng không gian nội thất.

Lưu ý:

– HS thực hiện nội dung này theo nhóm. Số lượng HS mỗi nhóm căn cứ vào thời gian và điều kiện học tập.

– HS nên thực hiện bài thực hành này theo trình tự:

+ Thiết lập không gian với các thành phần bao che (trần, tường, sàn).

+ Hoàn thiện các bề mặt bao che bằng chất liệu phù hợp.

+ Làm các thành phần trang trí gắn liền với thành phần bao che.

+ Làm các đồ đạc rời và sắp xếp trong không gian.

+ Bố trí thêm ánh sáng (nếu có điều kiện).

– Khi kết thúc phần thiết kế nội thất, HS trưng bày các sản phẩm mô hình của mình. Mỗi nhóm cử người đại diện giới thiệu sản phẩm của mình.

– GV cho HS nhận xét, trao đổi về hình thức và chức năng của không gian nội thất đó thông qua việc sử dụng vật liệu hoàn thiện cho các thành phần, các bố trí và sắp xếp đồ đạc,…

Các thầy, cô thân mến!

Mục đích chính ở bài học này giúp HS làm quen với nội thất, từ các thành phần cấu thành nên không gian; biết được các đặc điểm, thể loại cũng như vai trò của nội thất trong cuộc sống. Điều này giúp HS có được sự hiểu biết ban đầu và quan tâm đúng mức tới không gian sống xung quanh nói riêng cũng như công việc thiết kế nội thất nói chung. Nội dung biên soạn trong sách cũng định hướng giúp HS chủ động tìm kiếm những thông tin liên quan qua những câu hỏi/câu lệnh sau mỗi phần lí thuyết.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 2: THIẾT KẾ NỘI THẤT

(Thời gian thực hiện: 8 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Giới thiệu sơ lược quá trình phát triển của lĩnh vực thiết kế nội thất.

– Các yêu cầu trong thiết kế nội thất.

– Các yếu tố cơ sở của hoạt động thiết kế nội thất.

– Quy trình thiết kế một không gian nội thất và cách thức thể hiện bằng bản vẽ hoặc mô hình.

2. Năng lực

– Xác định được mục đích thẩm mĩ, công năng và các yêu cầu cơ bản trong thiết kế nội thất.

– Biết cách sử dụng được một số kĩ năng tạo hình cơ bản để mô phỏng ý tưởng thiết kế nội thất (bản vẽ và mô hình) từ đó có thể làm đẹp không gian sống của chính mình.

– Có kĩ năng lựa chọn, sử dụng một số vật liệu sẵn có, tái sử dụng trong thực hành mô phỏng một không gian nội thất.

– Nhận xét, đánh giá được hiệu quả sử dụng và thẩm mĩ của ý tưởng thiết kế nội thất.

3. Phẩm chất

– Có niềm yêu thích đối với công việc thiết kế nội thất.

– Tư duy logic, sáng tạo trong vận dụng giải quyết vấn đề.

II THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

– SGV.

– Ảnh của một số công đoạn trong quy trình thiết kế nội thất (ảnh thực tế, bản vẽ, mô hình của một số dự án nội thất).

– Liên hệ máy in của nhà trường trong việc in tài liệu.

2. Đối với học sinh

– SGK.

– Bài thuyết trình.

– Tư liệu về một số không gian nội thất lựa chọn để phục vụ cho việc thiết kế (ảnh chụp không gian, mặt bằng, mặt cắt không gian nếu có,…).

– Bút, giấy, thước phục vụ cho việc mô phỏng công trình bằng bản vẽ.
– Dụng cụ, vật liệu làm mô hình (ưu tiên vật liệu có sẵn, vật liệu tái chế).

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khám phá

a) Mục tiêu

HS biết được vai trò và các hoạt động, quy trình của công việc thiết kế nội thất.

b) Nội dung

GV tổ chức cho HS tìm hiểu và thuyết trình về nội dung "Khái quát về thiết kế nội thất".

c) Sản phẩm

Bài thuyết trình có ví dụ minh hoạ.

d) Tổ chức thực hiện

– GV: Khởi động máy chiếu (hoặc giá treo giấy A0). Lựa chọn nhóm lên trình bày.
– HS: Nộp báo cáo phân công nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm.
– GV: Quan sát việc tham gia hoạt động học trên lớp của HS:
+ *Chuẩn bị bài thuyết trình của mỗi nhóm.*
+ *Sự tham gia của mỗi thành viên trong nhóm.*
+ *Sự tham gia của HS trong lớp.*
+ *Sự tích cực đặt câu hỏi, trả lời trong phần thảo luận.*
– HS: Trình bày về nội dung "Khái quát về thiết kế nội thất".
Lưu ý:
– Một số gợi ý trong triển khai nội dung bài thuyết trình *"Khái quát về thiết kế nội thất"*:
+ *Công việc thiết kế nội thất xuất hiện khi nào?*
+ *Mục đích của thiết kế nội thất là gì?*
+ *Các hoạt động cụ thể của thiết kế nội thất là gì?*
+ *Lấy một số ví dụ về những ý tưởng thiết kế nội thất độc đáo.*
– Việc trình bày có phần tư liệu ảnh sưu tầm của nhóm.
– Nhiệm vụ này HS thực hiện theo nhóm.
– GV: Căn cứ vào phần trình bày của HS, đưa ra kết luận ở từng nội dung.
Lưu ý:

Phần nhận xét của GV dựa trên cơ sở bám sát nội dung bài thuyết trình, xác thực thông tin. Nhận xét mang tính xây dựng, hướng đến những kĩ năng, cách thức tìm đến, nhận biết tri thức. Tránh những nhận xét mang tính triệt tiêu sự ham thích, tìm hiểu của HS.

2. Hoạt động 2: Nhận biết

a) Mục tiêu

– Biết được các yêu cầu của công việc thiết kế nội thất.

– Biết được các yếu tố cơ sở trong thiết kế nội thất.

– Biết được quy trình thiết kế nội thất.

b) Nội dung

GV tổ chức cho HS thuyết trình và thực hành trên lớp để tìm hiểu về:

– Yêu cầu của thiết kế nội thất.

– Các yếu tố cơ sở trong thiết kế nội thất.

– Quy trình thiết kế nội thất.

c) Sản phẩm

– Bài thuyết trình.

– Các sản phẩm (bản vẽ, mô hình) trong các hoạt động thực hành.

d) Tổ chức thực hiện

Yêu cầu của thiết kế nội thất

– GV tổ chức cho HS thuyết trình về nội dung: "Yêu cầu của thiết kế nội thất".

– HS nộp báo cáo phân công nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm và thực hiện thuyết trình về nội dung "Yêu cầu của thiết kế nội thất".

Lưu ý:

– Một số gợi ý trong triển khai nội dung bài thuyết trình "Các yêu cầu của thiết kế nội thất":

+ *Tại sao cần phải quan tâm tới tính thích dụng trong thiết kế nội thất? Lấy ví dụ minh hoạ.*

+ *Tại sao cần phải quan tâm tới tính thẩm mĩ trong thiết kế nội thất? Lấy ví dụ minh hoạ.*

+ *Tại sao cần phải quan tâm tới tính bền vững trong thiết kế nội thất? Lấy ví dụ minh hoạ.*

+ *Tại sao cần phải quan tâm tới tính kinh tế trong thiết kế nội thất? Lấy ví dụ minh hoạ.*

– Nhiệm vụ này HS thực hiện theo nhóm.

– Việc trình bày có phần tư liệu ảnh sưu tầm của nhóm.

– GV: Căn cứ vào phần trình bày của HS, đưa ra kết luận ở từng nội dung.

– Phần nhận xét của GV dựa trên cơ sở bám sát nội dung bài thuyết trình, xác thực thông tin. Nhận xét mang tính xây dựng, hướng đến những kĩ năng, cách thức tìm đến, nhận biết tri thức. Tránh những nhận xét mang tính triệt tiêu sự ham thích, tìm hiểu của HS.

– Trong phần nhận xét có lồng ghép việc trả lời câu hỏi ở phần này trong SGK *Mĩ thuật 11 – Kiến trúc*, trang 19.

Các yếu tố cơ sở trong thiết kế nội thất

– GV tổ chức cho HS tìm hiểu về nội dung: "Các yếu tố cơ sở trong thiết kế nội thất" thông qua việc trả lời câu hỏi và thực hiện câu lệnh trong phần này trong SGK *Mĩ thuật 11 – Kiến trúc*, trang 20 – 24.

– HS tìm hiểu theo sự hướng dẫn của giáo viên, trả lời các câu hỏi trong nội dung này và thực hiện các câu lệnh:

+ Phân chia lại các không gian chức năng của một công trình cụ thể và tiến hành bố trí đồ đạc trên đó.

+ Phác thảo bố cục phối cảnh một không gian nội thất yêu thích (phòng ngủ, phòng khách, bếp,...).

+ Lựa chọn hoà sắc cho phác thảo bố cục phối cảnh không gian nội thất đã thực hiện.

+ Phác thảo ý tưởng trang trí một diện trần, tường hoặc sàn của một không gian nội thất yêu thích.

Quy trình thiết kế nội thất

– GV cho HS tìm hiểu về nội dung: "Quy trình thiết kế nội thất" thông qua việc trả lời câu hỏi và thực hiện câu lệnh trong phần này trong SGK *Mĩ thuật 11 – Kiến trúc*, trang 28.

– GV hướng dẫn HS tìm hiểu, trả lời các câu hỏi trong nội dung này và thực hiện câu lệnh: "Mô phỏng lại một không gian nội thất nhà ở của mình bằng bản vẽ hoặc mô hình".

Lưu ý:

– GV hướng dẫn HS quan sát ảnh không gian nội thất thực tế để nắm bắt được các thành phần và các yếu tố cơ sở trong nội thất (như màu sắc, ánh sáng, tỉ lệ,...) trước khi thực hiện mô phỏng.

– GV để HS thực hiện làm mô hình trước, rồi hướng dẫn HS quan sát mô hình để vẽ lại thành các bản vẽ: Mặt bằng bố trí đồ đạc, các diện tường, phối cảnh của không gian nội thất đó. Trong quá trình HS thực hiện sản phẩm, GV quan sát, hỗ trợ giải đáp về kĩ thuật đối với từng trường hợp nhưng không can thiệp hay thực hiện thay HS.

– HS: Thực hiện mô phỏng lại một không gian nội thất nhà ở của mình bằng bản vẽ và mô hình.

Lưu ý:

– Ưu tiên vật liệu có sẵn, vật liệu tự nhiên, vật liệu tái chế trong thực hành làm mô hình mô phỏng.

– HS thực hiện nhiệm vụ này theo nhóm.

3. Hoạt động 3: Thảo luận

a) Mục tiêu

Củng cố lại kiến thức về các yêu cầu của thiết kế nội thất.

b) Nội dung

Lấy ví dụ về một hoặc hai không gian nhà ở (nên sử dụng phần tư liệu hình ảnh của bài thực hành ở trên), trao đổi về những nội dung trong SGK *Mĩ thuật 11 – Kiến trúc*, trang 29.

c) Sản phẩm

Nhận thức có hệ thống, cơ bản về thiết kế nội thất.

d) Tổ chức thực hiện

– GV tổ chức cho HS thảo luận trên lớp theo nội dung:

+Việc bố trí đồ đạc trong không gian có thuận tiện và phù hợp với các hoạt động ở đây không?

+ Màu sắc, chất liệu, bố cục, ánh sáng được thiết kế cho không gian như thế nào? Hình thức của các yếu tố này có hài hoà, đẹp mắt không?

+ Để có phương án sử dụng có tính thẩm mĩ tốt hơn, em sẽ điều chỉnh như thế nào?

– GV gợi ý, nhận xét, bổ sung để làm rõ nội dung HS thảo luận (nếu cần).

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

HS sử dụng được các kiến thức, kĩ năng đã học đưa ra giải pháp thiết kế nội thất một không gian nội thất bằng hình thức vẽ hoặc làm mô hình.

b) Nội dung

HS thiết kế một không gian nội thất yêu thích bằng bản vẽ hoặc mô hình.

c) Sản phẩm

Bản vẽ hoặc mô hình thiết kế thể hiện không gian nội thất yêu thích.

d) Tổ chức thực hiện

– GV hướng dẫn HS tìm hiểu lại nội dung "Quy trình thiết kế nội thất" trong SGK *Mĩ thuật 11 – Kiến trúc*, trang 25 – 28.

– GV hướng dẫn HS xác định nhiệm vụ thiết kế không gian nội thất yêu thích qua một số câu hỏi như:

+ Không gian nội thất đó nằm trong thể loại công trình kiến trúc nào (nhà chung cư, nhà lô, biệt thự,...)? Hình thức của công trình đó ra sao?

+ Chức năng của không gian nội thất đó là gì?

– GV gợi ý cho HS tạo hình không gian nội thất từ những thành phần cơ bản rồi ứng dụng nghệ thuật điêu khắc và hội hoạ trong việc trang trí không gian.

– HS tiến hành thiết kế không gian nội thất.

Lưu ý:

– HS thực hiện nội dung này theo nhóm. Số lượng HS mỗi nhóm căn cứ vào thời gian và điều kiện học tập.

– HS nên thực hiện bài thực hành này theo trình tự: (1) Bố trí đồ đạc trên mặt bằng của không gian; (2) Phác thảo ý tưởng phối cảnh cho không gian; (3) Làm mô hình; (4) Quan sát mô hình và vẽ các bản vẽ hình chiếu chi tiết của các diện tường trong không gian.

– Khi kết thúc phần thiết kế nội thất, GV và HS:

+ Trưng bày các sản phẩm mô hình bản vẽ của mình.

+ Mỗi nhóm HS cử người đại diện giới thiệu sản phẩm của mình.

+ GV, HS nhận xét, trao đổi về ý tưởng, hình thức và chức năng của không gian nội thất đó.

Các thầy, cô thân mến!

Căn cứ vào điều kiện của nhà trường và thời gian tổ chức, GV điều chỉnh kế hoạch dạy học ở bài học này sao cho phù hợp và cần đáp ứng được:

– HS được thực hành và tạo ra sản phẩm.

– Trên cơ sở sản phẩm kiến trúc đã làm, HS nhận diện được công việc thiết kế nội thất cũng như cách thức thể hiện ý tưởng.

– Ứng dụng được các ngôn ngữ tạo hình và vật liệu trong trang trí nội thất ở mức độ đơn giản.

Đây là những kiến thức, kĩ năng cần có để giúp HS có những hiểu biết khái quát nhất về thiết kế nội thất và ứng dụng được vào cuộc sống.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu và tái bản: PHẠM DUY ANH – NGUYỄN VĂN NGUYÊN
Biên tập mĩ thuật: ĐINH THANH LIÊM
Thiết kế sách: TRẦN NGỌC LÊ
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Sửa bản in: TẠ THỊ HƯỜNG
Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

MĨ THUẬT 11 (Sách giáo viên)
Mã số:

In ..... cuốn (QĐ ..... SLK), khổ 19 x 26,5cm.
In tại Công ty cổ phần in .....
Số ĐKXB: ...../CXBIPH/ ...../GD
Số QĐXB: ..... / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm...
In xong và nộp lưu chiểu tháng ..... năm.....
Mã số ISBN: 978-604-0-



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 11 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 11, tập một – SGV
2. Ngữ văn 11, tập hai – SGV
3. Chuyên đề học tập Ngữ văn 11 – SGV
4. Toán 11 – SGV
5. Chuyên đề học tập Toán 11 – SGV
6. Lịch sử 11 – SGV
7. Chuyên đề học tập Lịch sử 11 – SGV
8. Địa lí 11 – SGV
9. Chuyên đề học tập Địa lí 11 – SGV
10. Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11 – SGV
11. Chuyên đề học tập Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11 – SGV
12. Vật lí 11 – SGV
13. Chuyên đề học tập Vật lí 11 – SGV
14. Hoá học 11 – SGV
15. Chuyên đề học tập Hoá học 11 – SGV
16. Sinh học 11 – SGV
17. Chuyên đề học tập Sinh học 11 – SGV
18. Công nghệ 11 – Công nghệ cơ khí – SGV
19. Chuyên đề học tập Công nghệ 11 – Công nghệ cơ khí – SGV
20. Công nghệ 11 – Công nghệ chăn nuôi – SGV
21. Chuyên đề học tập Công nghệ 11 – Công nghệ chăn nuôi – SGV
22. Tin học 11 – SGV
23. Chuyên đề học tập Tin học 11 – Định hướng Tin học ứng dụng – SGV
24. Chuyên đề học tập Tin học 11 – Định hướng Khoa học máy tính – SGV
25. Mĩ thuật 11 – SGV
26. Chuyên đề học tập Mĩ thuật 11 – SGV
27. Âm nhạc 11 – SGV
28. Chuyên đề học tập Âm nhạc 11 – SGV
29. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 – SGV
30. Giáo dục thể chất 11 – Bóng chuyền – SGV
31. Giáo dục thể chất 11 – Bóng đá – SGV
32. Giáo dục thể chất 11 – Cầu lông – SGV
33. Giáo dục thể chất 11 – Bóng rổ – SGV
34. Giáo dục quốc phòng và an ninh 11 – SGV
35. Tiếng Anh 11 – Global Success – SGV

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG